

Bộ Tứ

Contents

Bộ Tứ	1
1. Nguyên Tác Tiếng Pháp: Les Quatre-tiếng Anh: The Big Four-vị Khách Bất Ngờ	2
2. Viên Giám Thị Nhà Thương Điền	6
3. Nói Về Li Chang-yen	9
4. Sự Quan Trọng Của Một Đùi Gà	14
5. Nhà Bác Học Mất Tích	18
6. Người Đàn Bà Trong Cầu Thang	21
7. Những Kẻ Cắp Radiom	26
8. Trong Nhà Kẻ Thù	32
9. Bí Mật Của Hoa Nhài Vàng	38
10. Tìm Kiếm Ở Croftlands	40
11. Một Chuyện Đánh Cờ	44
12. Cái Bẫy Sập	52
13. Đi Tới Cái Bẫy	56
14. Cô Gái Tóc Vàng	60
15. Tai Họa Kinh Hoàng	66
16. Tên Trung Quốc Hấp Hối	72
17. “số Bốn” Lại Thắng	77
18. Mê Cung Núi Đá	81

Bộ Tứ



Giới thiệu

Một chuyến vượt biển Manche, thật là tuyệt với những ai chỉ có việc nằm ườn trên ghế dài, bình thản

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/bo-tu>

1. Nguyên Tác Tiếng Pháp: Les Quatre-tiếng Anh: The Big Four-vị Khách Bất Ngờ

Một chuyến vượt biển Manche, thật là tuyệt với những ai chỉ có việc nằm ườn trên ghế dài, bình thản chờ lúc cập bến và thong thả tập hợp hành lý.

Nhưng với tôi, ngay từ lúc bước chân xuống tàu, tôi đã cảm thấy thời gian qua ngắn để có thể làm được việc gì. Tôi chuyển các va li từ chỗ này sang chỗ khác, hết mở lại đóng vào, và nếu xuống phòng ăn để dùng bữa, tôi ngốn một hơi hết ngay, chỉ sợ tàu cập bến lúc mình đang ăn!

Vào cái buổi sáng đẹp tháng Bảy ấy, tôi sốt ruột dạo bước trên boong, mắt nhìn dán chặt vào vách núi đá trắng Douvres, ngạc nhiên thấy các hành khách đứng dừng ngồi trong ghế bành, chẳng buồn ngoái mắt nhìn phong cảnh quê hương. Có thể, trường hợp của họ khác hẳn tôi! Họ vừa đi nghỉ cuối tuần ở Paris về, không như tôi trở về sau một thời gian dài ở tận Áchentina. Một năm rưỡi trời ở một trang trại cuộc sống tự do, dễ chịu ở Nam Mỹ. Nước Anh liệu có hứa hẹn cho tôi được như thế chẳng? Tim tôi thất lại khi nhìn thấy nó nhích lại dần dần.

Hai hôm trước, tôi đã trở về Pháp. Sau khi giải quyết xong một vài công việc, lúc này tôi đang lên đường về London. Tôi dự định ở lại đây chừng vài tháng, đủ để thăm các bạn cũ, và đặc biệt một người trong số họ, một con người hiền hậu, nhỏ nhắn, đầu tròn như chiếc kẹo và mắt màu lục: Hercule Poirot.

Tôi muốn làm anh bất ngờ: thư cuối cùng của tôi không nói gì về việc này. Tôi bất thành linh quyết định trở về (vì công việc, vẫn là vì công việc!), và tôi thích thú hình dung anh sẽ vui mừng và ngỡ ngàng như thế nào khi tôi xuất hiện.

Tất nhiên, tôi sẽ tìm gặp Poirot tại nhà; cái thời mà công việc buộc anh phải chạy đôn đáo khắp nước Anh đã qua rồi.

Anh đã nổi tiếng khắp thế giới, và không chịu để cho một vụ việc nào chiếm lĩnh hết thời gian. Giờ anh chỉ tham gia với tư cách “thám tử - tư vấn”, giống như một bác sĩ nổi tiếng nào đó ở Harley Street.

Hình ảnh quen thuộc về chàng mật thám phải cải trang dưới những bộ dạng kỳ quái, dừng lại dò từng vết chân người để truy tìm tội phạm, luôn làm Poirot bật cười.

“Không, anh Hastings thân mến - Poirot sẽ nói - hãy dành kiêu ầy cho Giraud và đồng đội! Hercule Poirot có những phương pháp khác. Trước hết là bộ óc! Trí thông minh, sự phán đoán, những tế bào xám. Chỉ ngồi đẳng hoàng trong ghế, tôi vẫn được cái gì người khác không thấy. Không cần phải nhảy chồm chồm, chạy lăng xăng như ông bạn chúng ta, ông thanh tra Japp”.

Chắc chắn là ít có khả năng Hercule Poirot đi đâu xa.

Tới London, tôi để hành lý ở khách sạn, gọi xe đi thẳng đến ngôi nhà thân thuộc. Biết bao kỷ niệm. Tôi chỉ kịp chào qua bà chủ nhà, lao vào thang gác, nhảy hai bậc một và gõ cửa căn hộ của Poirot.

- Cứ vào! Từ bên trong vắng ra giọng nói quen thuộc.

Tôi tiến lên, Poirot đã ở trước mặt, tay cầm một vali nhỏ mà anh để rơi phịch khi nhìn thấy tôi.

Anh reo lên:

- Anh bạn Hastings! Anh bạn Hastings thân mến!

Rồi lao vào tôi, ôm hôn thăm thiết.

Rồi là chuyện trò ríu rít, nói câu được câu chăng, hỏi đáp vội vàng, thăm hỏi sức khỏe vợ tôi, tôi đi đường ra sao, vân vân.

Yên yên một lúc, tôi mới hỏi:

- Tôi đoán là căn hộ cũ của tôi đã có người ở? Và tôi rất muốn lại được ở chung với anh!

Nét mặt Poirot biến đổi một cách đột ngột:

- Trời! Thật không may. Anh hãy nhìn xung quanh mà xem.

Lần đầu tiên, tôi thấy những gì quanh tôi: đặt cạnh tường là một cái hòm kếp xù kiểu cổ lỗ, và một loạt vali.

- Anh sắp đi?

- Phải.

- Đi đâu?

- Nam Mỹ.

- Sao?

- Thật khôi hài, phải không. Tôi đang chuẩn bị đi Rio! Mỗi ngày, tôi đều tự nhủ: không được nói gì với Hastings trong thư, lúc mình đến anh sẽ ngạc nhiên xiết bao!

- Nhưng bao giờ anh đi?

Poirot nhìn đồng hồ.

- Một tiếng nữa.

- Thế mà tôi cứ nghe anh nói rằng từ nay không có cái gì buộc anh đi xa nữa!

Poirot nhẩy dựng lên.

- Thôi đừng nói chuyện ấy! Bác sĩ của tôi cam đoan là không chết đâu mà sợ; một lần này nữa, mình sẽ thử một chuyến!

Anh mời tôi ngồi ghế, nói tiếp:

- Mình xin giải thích đầu đuôi câu chuyện. Anh có biết người giàu nhất thế giới? Hơn cả Rockefeller. Đó là Abe Ryland.

- Ông vua xà phòng?

- Chính thị. Một thư ký của ông ta đã liên hệ với tôi. Ông ta đang có chuyện rắc rối với một công ty lớn ở Rio, đề nghị tôi đến tận nơi để điều tra; tôi đã từ chối và nói cứ trình bày sự việc rõ ràng với tôi, tôi sẽ cho ý kiến. Nhưng không! Quan ngại khẩn khoản: các dữ liệu chỉ có thể được thông báo cho tôi tại chỗ! Bình thường, sự việc lẽ ra chấm dứt tại đây. Dám làm mất thì giờ của Hercule Poirot! Ngạo ngược thật! Nhưng, anh Hastings thân mến, cuối cùng ông ta hứa tặng tôi một khoản tiền khổng lồ, đến mức tôi sinh ra xiêu lòng... Tiền nhiều, với lại, còn một điều hấp dẫn nữa, là sẽ được gặp anh, anh bạn ạ.

Biểu hiện thân ái ấy làm tôi cảm động.

- Vì thế tôi đã nhận lời, Poirot nói tiếp, và một tiếng nữa tôi phải xuống tàu vượt Đại Tây Dương... Sự đời trớ trêu là thế. Thú thật, nếu món tiền hứa hẹn không hấp dẫn như thế, tôi sẽ do dự... Vì mới đây thôi, tôi đang chủ động tự mình tiến hành một cuộc điều tra nhỏ.

- Điều tra về?...

- Về... về... về bọn Bốn Người.

- Bốn người nào? Hy vọng anh không định nói về một bộ tứ nghệ thuật? Về bốn cường quốc thế giới? Về Hiệp ước Tứ Cường?

Hercule Poirot thông thả nói:

- Không, tôi nói về một bộ tứ tội phạm... Và mặc dù không phải là một bộ tứ đàn dây, nó cũng khối dây cung để bắn! Đây là một băng tội phạm quốc tế hoặc một cái gì tương tự, và tôi nghĩ... tôi nghĩ...

- Anh nghĩ gì, hử nhà thám tử bậc thầy? Nói rõ đi chứ!

- Tôi nghĩ rằng đây là một vụ việc có tầm vóc to lớn. Chỉ là ý riêng của tôi thôi. Song đã đến lúc tôi phải hoàn tất mọi sự chuẩn bị. Thời gian không còn nhiều.

Tôi nài nỉ:

- Anh đừng đi. Dem trả vé tàu, anh sẽ đi sau với tôi.

Poirot nhìn tôi về trách móc:

- Vậy ra anh không hiểu tôi? Tôi đã hứa, lời hứa Hercule Poirot. Trừ khi xảy ra chuyện gì có tính chất sống còn, không gì có thể giữ tôi ở lại.

- Chuyện sống còn chắc khó xảy ra - tôi mỉm cười đáp - trừ khi đến giờ thứ mười một xuất hiện “vị khách bất ngờ” .

Một lát lặng yên... và đột nhiên, giữa sự tĩnh lặng âm thầm, một tiếng động lạ từ phòng bên cạnh khiến chúng tôi giật mình.

- Cái gì vậy? - Tôi thốt lên.

- Lạ thật - Poirot đáp lại - hình như chính “Vị khách bất ngờ” của anh đấy!

- Nhưng làm sao hắn lọt được vào phòng anh, khi mà bắt buộc phải đi qua phòng này mới tới?

- Hastings, anh có trí nhớ rất khá, nhớ được tỉ mỉ kết cấu của căn hộ này. Giờ, ta hãy suy luận xem.

- Tất nhiên, còn có con đường qua cửa sổ. Nhưng thế thì là một tên trộm ? Nó đã phải leo trèo khá vất vả!

Tôi đứng dậy tiến về phía cánh cửa, thì nghe thấy từ phía trong có tiếng nắm quả đấm. Tôi dừng lại.

Cánh cửa từ từ mở, và giữa khuôn cửa xuất hiện một người phủ đầy bụi và bùn từ chân đến đầu.

Người hắn co giật. Hắn trân trân nhìn chúng tôi một lát, rồi lảo đảo, ngã quỵ. Poirot lao tới, nói với lại:

- Mau, lấy rượu cồn!

Tôi vội lấy chút rượu rót vào cốc. Poirot cổ cho hắn uống một hớp, rồi chúng tôi khiêng hắn lên một giường con.

Chẳng mấy chốc hắn mở mắt, lơ lơ đảo nhìn xung quanh.

- Anh muốn gì? - Poirot hỏi.

Người nọ mấp máy môi, thốt ra một giọng kỳ lạ:

- Ông Poirot, 14, phố Farraway.

Poirot hỏi han mấy câu. Lúc hắn không trả lời, lúc lặp lại mỗi câu đó. Poirot ra hiệu cho tôi gọi điện thoại:

- Mời bác sĩ Ridgeway đến ngay.

May thay bác sĩ đang có nhà, và khoảng cách không xa, nên ông đến tức thời.

- Có việc gì?

Poirot giải thích vắn tắt, rồi bác sĩ bắt đầu khám vị khách kỳ lạ, hắn ta hoàn toàn u mê không biết gì.

- Hừm! bác sĩ Ridgeway nói sau khi khám xong. Một trường hợp lạ lùng.

- Viêm não? - Tôi hỏi.

Nhưng ông bác sĩ bác bỏ một cách khinh thường.

- Viêm não? Không có chứng viêm não. Đó chỉ là tưởng tượng của nhà tiểu thuyết! Không! Người này hắn bị một cơn sốc nặng. Anh ta đến đây bởi sự sai khiến của một ý cố định, tìm ông Hercule Poirot, 14 phố Farraway, và cứ lặp lại những tiếng ấy như cái máy, hoàn toàn không hiểu nghĩa gì hết.

- Chứng cấm khẩu? - tôi lại gọi.

Lời đoán thứ hai này của tôi lại bị ông bác sĩ gạt phắt mạnh mẽ hơn. Ông không buồn giải thích, mà đưa cho người bệnh một tờ giấy và bút chì.

- Để xem hắn sẽ làm gì - ông nói.

Thoạt đầu hắn chẳng làm gì. Rồi thoát dần khỏi cơn mê muội, hắn bắt đầu viết lia lịa. Nhưng rồi cũng đột ngột như thế, hắn buông cả giấy lẫn bút.

Bác sĩ lượm tất cả lên, lắc đầu.

- Chẳng có gì cụ thể, chỉ có một số “4” nguệch ngoạc đến hơn chục lần, rồi một nét hói hỏ bằng chữ to tướng. Tôi đoán hắn muốn viết: 14, phố Farraway. Đây là một ca lạ. Rất lạ. Các ông có thể giữ hắn lại đến chiều. Bây giờ tôi phải vào bệnh viện, nhưng tôi sẽ sớm trở lại và tìm mọi biện pháp cần thiết với hắn. Hắn là một hiện tượng quá đặc biệt, đáng để theo dõi.

Tôi nói là Poirot sắp đi, và tôi có ý định tiễn ông tới Southampton.

- Cứ để hắn đây, không sao. Hắn bị kiệt sức toàn thân và chắc sẽ ngủ thiếp một mạch tám giờ liền. Tôi sẽ nói một tiếng với bà Pearson, bà chủ nhà tốt bụng, dặn bà ta canh chừng.

Bác sĩ Ridgeway ra đi nhanh nhẹn như thường lệ. Poirot vội sắp xếp lại đồng vali, vừa lo lắng liếc nhìn đồng hồ.

- Không ngờ thời gian đi nhanh quá. Nào! Anh không thể trách tôi là để anh không có việc làm nhé? Một bài toán vô song, cần lời giải: “Vị khách của giờ chót”. Hắn từ đâu tới? Hắn là ai? Mẹ kiếp! Tôi sẵn sàng đổi hai năm của cuộc sống để cho tàu chỉ ra khơi ngày mai chứ không phải hôm nay. Vụ việc kỳ cục! Phải mất thời gian, rất nhiều thời gian. Hàng ngày, hàng tháng sẽ trôi qua trước khi chúng ta tìm ra sự thật về người lạ này, về cuộc viếng thăm bí ẩn này.

- Tôi sẽ gắng hết sức, anh Poirot. Anh có thể tin chắc. Tôi sẽ gắng thay thế anh một cách xuất sắc.

- Ủ, ừ...

Tiếng hừ hằm của anh có vẻ thiếu sự hưởng ứng. Poirot quý tôi thực sự, nhưng hiển nhiên không tin vào tài năng thám tử của tôi.

Tôi cầm tờ giấy lên, vừa khẽ vò vừa nói:

- Nếu phải viết truyện, tôi sẽ lấy chuyện này làm điểm xuất phát, và đặt tên là: “Bí ẩn của Bộ Tứ”.

Tôi vừa thốt ra mấy từ ấy thì vị bệnh nhân của chúng tôi đột nhiên thoát khỏi u mê, nhồm dậy và nói một cách rành rọt:

- Li Chang-yen.

Hắn có vẻ như người bị đánh thức đột ngột.

Rồi ra hiệu cho tôi đừng nói gì.

Người nó tiếp tục nói bằng giọng cực kỳ rõ ràng, với âm thanh máy móc, như đang đọc một bài học thuộc lòng:

- Li Chang-yen có thể coi là bộ óc của Bộ Tứ vĩ đại. Ông ta là động lực, là lãnh tụ tinh thần, là người chỉ huy, vì thế tôi gọi là Số Một. Số Hai ít khi được gọi bằng tên thật, mà được biểu hiện bằng một chữ S có hai gạch đè lên, ký hiệu của đồng đô la, hoặc bằng hai gạch và một ngôi sao. Vậy hiển nhiên đó là một người Mỹ, biểu tượng sức mạnh đồng tiền. Số Ba là một phụ nữ. Phụ nữ và là người Pháp. Điều đó không còn gì phải nghi ngờ. Một ca sĩ của đám trung lưu chẳng, hay một ngôi sao của giới quý tộc, ai biết được? Về vấn đề này, không có chỉ dẫn cụ thể. Cuối cùng, Số Bốn...

Giọng chập chờn. Hắn ngừng nói.

Poirot cúi xuống, mắt nhìn mắt, kính để hắn tiếp tục:

- Gì nữa? Số Bốn...

Bầu không khí ngột ngạt đột nhiên đè nặng lên chúng tôi. Bộ mặt người nọ co gập một cách khủng khiếp. Poirot và tôi hồi hộp chờ đợi...

- Là Kẻ Tiêu Diệt... - Con người khốn khổ thở hắt ra trong nỗ lực cuối cùng, rồi ngất xỉu.

- Lạy Trời! - Poirot thốt lên. Vậy ra tôi đã đúng!

- Anh nghĩ rằng...

Poirot ngắt lời:

- Chuyển hẳn ta lên giường tôi, trong phòng tôi. Tôi không thể chậm phút nào nữa, nếu không muốn nhỡ tàu. Không phải tôi muốn đi, ngược lại là đằng khác tôi sẵn sàng bỏ chuyến đi, nhưng tôi đã trót hứa. Hastings, mau!

Chúng tôi giao vị khách bí ẩn cho bà Pearson chăm sóc, chạy nhanh ra ga vừa kịp nhảy lên đoàn tàu sắp chuyển bánh.

Poirot lúc yên lặng, lúc lại lẩm lời. Có những lúc như chìm trong giấc mộng, anh nhìn đắm đắm ra ngoài cửa toa, về không nghe thấy chút gì tôi nói. Rồi đột nhiên, anh tỉnh giấc, sôi nổi nói một thôi một hồi những lời dằn dò, những mệnh lệnh ngắn gọn.

Qua ga Woking, có một giai đoạn êm ả. Thường lệ tàu không đỗ ga nào trước khi tới Southampton, nhưng bỗng nhiên có dấu hiệu nào đó buộc nó dừng lại.

- Trời ơi là trời - Poirot bỗng kêu lên - Sao mà tôi ngốc! Bây giờ tôi đã hiểu! Chính là các thiên thần hộ mệnh chúng ta đã khiến tàu dừng lại! Mau, Hastings, ta xuống!

Trong nháy mắt, anh đã mở cửa toa và nhảy xuống đường tàu.

- Ném vali xuống và nhảy!

Tôi nghe theo kịp thời, vì vừa đặt chân xuống đất thì đoàn tàu lại chuyển bánh. Tôi tức lộn ruột, hỏi:

- Nào, Poirot, bây giờ anh phải giải thích cho tôi biết anh định giờ trò gì?

- Đơn giản là vì tôi đã hiểu?

- Nhưng tôi thì chưa hiểu.

- Hỡi anh bạn già Hastings, nhìn anh thì thấy không hẳn như thế. Tất cả những gì tôi yêu cầu anh lúc này, là xách hộ hai chiếc vali. Đồng còn lại, tôi sẽ lo.

2. Viên Giám Thị Nhà Thương Điền

May sao, tàu dừng ở nơi gần ga, cạnh đó có một ga ra để chúng tôi đến thuê xe. Nửa giờ sau, chúng tôi đã bon bon trên đường trở lại London. Chỉ lúc đó, Poirot mới chịu đáp ứng sự tò mò của tôi.

- Anh không hiểu ư? Này nhé, lúc này, tôi cũng như anh thôi! Nhưng giờ thì tôi thấy rõ: chẳng qua là họ muốn gạt tôi sang một bên, thế thôi.

- Cái gì?

- Phải, họ đã muốn gạt Hercule Poirot và đã hành động rất khôn khéo. Phương pháp tinh ranh khôn kể. Nơi mà họ muốn tôi đến đã được chọn kỹ lưỡng. Họ sợ tôi.

- Ai?

- Anh còn hỏi ư? Bọn Bốn Người, còn ai nữa! Bốn tên quái kiệt hợp sức với nhau để hành động ngoài vòng pháp luật: Tên người Tàu, người Mỹ, mục người Pháp, và... tên kia... Hastings, cầu trời cho chúng ta về kịp!

- Anh cho rằng vị khách lạ của chúng ta đang gặp nguy hiểm?

- Tôi chắc chắn!

Bà Pearson kinh ngạc thấy chúng tôi lại trở về. Không kịp giải thích gì, chúng tôi hỏi bà xem có gì xảy ra. Không có gì đáng ngại. Không ai đến, và người bệnh vẫn yên tại chỗ.

Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm khi bước vào căn hộ. Poirot là người đầu tiên đi vào phòng ngủ. Giọng anh vang lên, đặc biệt xúc động:

- Hastings! Hắn chết rồi.

Tôi lao tới. Người lạ vẫn nằm trên giường như cũ nhưng không còn thở. Tôi chạy đi tìm một bác sĩ khác Ridgeway, vì biết Ridgeway lúc này chưa về nhà. Tôi tìm được ngay một ông vui lòng theo tôi về.

- Tội nghiệp, anh ta chết rồi! Chết thật rồi. Đây chắc là một người mà ông quan tâm?

- Vâng, đại khái vậy - Poirot đáp cho qua chuyện.

- Bác sĩ xem anh ta chết vì gì?

- Thật khó nói! Một kiểu ngất xỉu, tuy nhiên hình như có dấu hiệu của sự ngạt thở. Ở đây có dùng hơi đốt không?

- Không, chỉ dùng điện.

- Vả lại cả hai cửa sổ đều mở... Tôi ước chừng anh ta chết hai giờ trước đây. Các ông đi khai tử thôi.

Bác sĩ ra về, và Poirot đi gọi điện thoại mấy nơi. Cuối cùng tôi vô cùng ngạc nhiên nghe anh gọi điện cho thanh tra Japp, ông bạn cố tri, mời ông ta đến gấp.

Poirot vừa gọi xong thì bà Pearson chạy tới, mắt mở tròn to như cái đĩa:

- Dưới nhà có một người nói là do nhà thương điên Hanwell cử đến. Tôi mời ông ấy lên nhé?

Một người to, khỏe, mặc đồng phục đảng hoàng, xuất hiện. Anh ta hỏi:

- Kính chào các ông. Có nhiều chứng cứ để nghĩ rằng một con chim của chúng tôi đang ở đây! Nó vừa bay đi tối qua.

- Nó đã từng ở đây - Poirot đáp bình tĩnh.

- Lại bay đi rồi?

- Chết rồi.

Người đó tỏ vẻ yên tâm.

- Thật ư? Tội nghiệp? Biết làm sao được... Như vậy càng tốt cho cả mọi người.

- Hắn ta nguy hiểm lắm ư?

- Không, vô hại thôi, hơn thế, mắc bệnh hoang tưởng là mình bị truy bức. Bệnh tâm thần cấp tính mà. Hắn toàn nói chuyện những hội kín Trung Hoa. Cuối cùng họ phải bắt giam hắn. Bọn chúng đều thể cả.

- Hắn bị giam từ bao lâu? - Poirot hỏi

- Gần hai năm.

- A! A! - Poirot vẫn giữ nguyên nét bình thản - Ông có chắc là tâm thần hắn không bình thường?

Viên giám thị cười:

- Nếu bình thường, việc gì người ta phải giam hắn lại? Người điên nào cũng nói là mình bình thường, ông lạ gì.

Poirot không nói nữa, dẫn viên giám thị đến xem cái xác, và ông ta nhận diện ngay. Con người đã chai lỳ ấy nói:

- Thế là xong hết. Giờ tôi phải đi lo các thủ tục. Ông không phải vương bận vì cái xác này bao lâu nữa. Nếu có điều tra, chắc ông sẽ phải ra làm chứng. Nhưng chỉ thế thôi. Xin chào.

Sau một cái nhần mặt đặc biệt, hắn ta rút lui.

Vài phút sau, Japp tới. Viên thanh tra của Scotland Yard vẫn như mọi ngày, nhanh nhẹn và vui vẻ.

- Nào ông Poirot, tôi giúp được việc gì nào? Tưởng ông đã đi tới những bãi san hô của một hòn đảo xa xôi nào rồi.

- Japp thân mến, tôi muốn biết anh đã gặp con người tôi sắp chỉ anh xem chưa.

Poirot dẫn thanh tra vào trong phòng, nhìn cái xác nằm trên giường. Thanh tra nói nhỏ, vẻ suy nghĩ:

- Xem nào, người này có vẻ không xa lạ với tôi, mà tôi vẫn tự cho là có trí nhớ tốt. Đúng rồi! Đây là Mayerling. Nếu sai xin cứ treo cổ tôi lên.

- Nhưng Mayerling là ai?

- Một đội viên trong đội cảnh sát mật; không phải của Scotland Yard. Hắn được phái ra nước ngoài cách đây năm năm, từ đó không ai còn nghe nói đến hắn. Chúng tôi tưởng hắn đã bị thủ tiêu.

Khi Japp đã ra về, Poirot nói với tôi:

- Thêm một bằng chứng nữa. Vậy mà thằng cha này có vẻ như chết một cái chết tự nhiên.

Anh gầm gừ một cách bực tức, rồi im lặng.

Một làn gió lay động rèm cửa, khiến Poirot đột nhiên hướng chú ý về phía đó.

- Anh Hastings, tôi nghĩ rằng sau khi đặt xác lên giường anh đã mở các cửa sổ?

- Không. Nếu tôi nhớ không nhầm, cửa sổ vẫn đóng

- Sao? Cửa sổ lúc đó đóng mà bây giờ lại mở, thế là nghĩa gì?

- Tôi cho là có người đã vào đây khi chúng ta vắng mặt.

- Có thể lắm - Poirot công nhận.

Nhưng anh có vẻ như đang nghĩ điều khác.

Sau một phút suy nghĩ, anh nói:

- Thực ra không phải tôi nghĩ như vậy. Chỉ một cửa sổ mở thì tôi không nghi hoặc đến thế; điều lạ lùng là cả hai cửa sổ đều mở.

Rồi đi sang phòng bên, và thốt lên:

- Cửa sổ phòng khách cũng lại mở! Rõ ràng chúng ta đóng rồi mà.

Anh trở lại gần xác chết và cúi xuống, xem xét kỹ lưỡng khuôn mặt, miệng, mép. Lúc đứng lên, anh tuyên bố:

- Hắn đã bị bịt miệng và bị đầu độc.

Tôi kinh hãi kêu:

- Trời! Mổ tử thi, chắc rồi sẽ rõ mọi thứ.

- Sẽ chẳng khám phá ra điều gì hết. Hắn bị đầu độc bằng cách cho hít một hơi axit prussique mạnh. Tên sát nhân ép miếng bông tẩm hơi dưới mũi hắn, rồi bỏ chạy sau khi đã mở toang tất cả các cửa sổ. Axit cyanhydrique bay hơi cực nhanh, nhưng để lại một mùi hạnh đào ngai ngái. Không còn dấu tích của mùi vị đó nữa, và cũng không sẵn nghi ngờ gì đặc biệt, các bác sĩ chỉ có thể kết luận là chết tự nhiên.

Poirot cúi xuống nhìn tử thi lần nữa.

- Anh Hastings này, người này đã từng là nhân viên mật vụ. Và cách đây năm năm hắn đã ra nước ngoài.

- Nhưng hắn đã bị đưa vào nhà thương điên hai năm trời nay, vậy trong ba năm trước đó đã xảy ra những chuyện gì? - Tôi hỏi.

Poirot lắc đầu và túm lấy tay tôi.

- Chiếc đồng hồ! Hastings, hãy nhìn chiếc đồng hồ!

Cùng với anh, tôi nhìn lên bên trên lò sưởi. Chiếc đồng hồ quả lắc đã đứng lúc bốn giờ.

- Có người đã đụng vào đây. Bình thường, nó phải chạy được ba ngày nữa. Tám ngày một lần mới phải lên dây.

- Người nào đó làm việc ấy nhằm mục đích gì? Để đánh lạc hướng điều tra, để mọi người cho rằng vụ án xảy ra lúc bốn giờ?

- Không, không, anh bạn ơi! Hãy tỉnh trí lại! Hãy bắt bộ óc làm việc một chút. Chết xám ấy mà! Hãy tưởng tượng anh là Mayerling, anh nghe thấy tiếng động lạ, và có thể anh biết rằng giờ cuối của anh đã tới gần. Anh chỉ còn thời gian rất ngắn để để lại một dấu hiệu nào đó có khả năng định hướng công cuộc điều tra sau khi anh chết: Bốn giờ! Con số “4”! Bí mật của Bộ Tứ vĩ đại! Tên “Số Bốn”. “Kẻ tiêu diệt”. Hastings, anh đã hiểu chưa?

Đắm mình trong ý tưởng đó, Poirot chạy vội sang phòng bên để lại gọi điện thoại.

- Alô! Bệnh viện tâm thần Hanwell? Tôi được biết một bệnh nhân của các vị đã bỏ trốn hôm nay... Ông nói sao ạ.? Khoan đã, xin ông nhắc lại. Alô... Rõ.

Anh đặt máy, quay về phía tôi:

- Hastings, anh nghe rõ chưa? Không có vụ bỏ trốn nào cả.

- Vậy cái tay giám thị tới đây?

- Hà hà! Phải chăng tên giám thị đó là... là...

- Là ai?

- Là đích danh “Số Bốn ... ”Kẻ tiêu diệt”!

Tôi choáng người, nhìn Poirot. Đến lúc mở miệng được, tôi nói:

- Có một điều chắc, chúng ta sẽ nhận ra hắn nếu gặp bất kỳ ở đâu!

- Anh tưởng thế? Tôi không nghĩ như anh. Hắn có dáng điệu chậm chạp, huênh hoang, mặt đỏ gay, râu mép rậm, giọng nói ồm ồm. Giờ phút này, chắc chắn hắn không còn giữ những đặc điểm đó. Còn những nét đặc trưng khác: mắt, tai, hàm răng rất đều, không có ý nghĩa lắm. Nhận diện ra hắn không dễ như anh tưởng. Nhưng lần sau tôi sẽ cẩn thận hơn.

- Anh nghĩ còn có lần sau nữa?

Poirot nghiêm hân nét mặt:

- Anh bạn ơi đây là một cuộc đối đầu sinh tử. Anh và tôi một bên, bọn “Bốn Người” một bên. Chúng đã thắng keo đầu, nhưng chưa loại được tôi. Từ nay về sau, hãy nhớ còn có Hercule Poirot này.

3. Nói Về Li Chang-yen

Tính tới việc tên giám thị quay trở lại, tôi nhất định trong bốn mươi tám giờ liền không rời căn hộ Poirot một lát. Theo như tôi suy đoán, hắn không có lý do gì để nghĩ rằng chúng tôi đã biết tông tích hắn dưới cái bộ dạng cải trang. Tôi cho rằng hắn có thể quay lại để mang cái xác đi. Nhưng Poirot cười khẩy vào lập luận đó.

- Tất nhiên, nếu thích thú, anh cứ việc ở đây mà rình rập. Tôi thì tôi không tiêu phí thời giờ kiểu ấy.

- Nhưng thế thì anh giải thích tại sao tên giả danh giám thị nhà thương ấy dám mạo hiểm đến đây, dù chỉ một lần? Nếu hắn đã đến, tức thị hắn có ý định trở lại để cướp xác đi, hòng tránh mọi sự kết tội về phía hắn. Nếu không, chỉ đến một lần thì hắn có lợi gì?

Poirot nhún vai một cái thật thông dong:

- Anh không nhìn mọi thứ bằng con mắt của “Số Bốn”. Anh nói đến kết tội: vậy ta kết hắn vào tội gì? Ở đây có một xác chết, nhưng không có bằng chứng gì là án mạng. Axid prussique hít vào không để lại dấu vết. Cũng không có nhân chứng. Không ai nhìn thấy kẻ sát nhân đột nhập vào khi ta vắng nhà. Cuối cùng,

ta hoàn toàn không biết gì về hành tung của ông bạn Mayerling xấu số... Không, “Số Bốn” không để lại dấu vết gì và hắn biết như vậy. Hắn đến đây chỉ để trinh sát. Có thể hắn muốn biết chắc chắn là Mayerling đã chết thật. Nhưng cũng có thể nữa là hắn muốn gặp Hercule Poirot và nói chuyện với đối thủ duy nhất mà hắn có phần kính sợ.

Tôi thấy lập luận của Poirot đầy vẻ tự phụ, nên miễn tranh luận.

- Thế còn cuộc điều tra, sẽ như thế nào? Hy vọng anh sẽ trình bày rõ mọi việc, và sẽ mô tả tỉ mỉ chân dung “Số Bốn” với cảnh sát?

- Để làm gì? Liệu chúng ta có đủ bằng chứng thuyết phục hội đồng xét xử? Không, cứ để họ kết luận đơn giản “chết do tai nạn”. Như vậy, tên cướp ranh ma kia tha hồ tự hào là đã hạ gục Hercule Poirot ngay từ hiệp đầu.

Như mọi khi, Poirot lại đúng. Tên giám thị nhà thương điên không quay trở lại, và cuộc điều tra trong đó có tôi ra làm chứng (Poirot, anh ta lảng tránh) được báo chí bỏ qua, không nói tới.

Trước khi tôi đến, Poirot đã giải quyết mọi công việc để đi Nam Mỹ; do đó lúc này anh không bận việc gì, phần lớn thời gian đều ở nhà. Nói ít và không làm gì cả. Anh ngồi thu lu trong ghế bành, nhiều lần tôi gợi chuyện đều không kết quả.

Một buổi sáng, khoảng tám ngày sau đó, anh yêu cầu tôi cùng đi đến một nơi định viếng thăm.

Tôi mừng thầm, thâm tâm vẫn sợ anh sẽ mắc sai lầm nếu chỉ lui hui một mình, chỉ sử dụng khả năng của “chất xám”.

Nhưng anh không chịu bắt chuyện, và tôi không biết mình đi đâu.

Poirot thích chơi trò bí mật. Không bao giờ anh chia sẻ với các cộng sự mẩu tin tức gì, trừ ở phút cuối cùng.

Sau khi đã lên xe buýt và chuyển hai lần tàu, tới gần một khu dân cư thuộc loại buồn tẻ nhất phía Nam London, anh mới mở miệng:

- Hastings, chúng ta sắp làm quen với con người am hiểu nhất về nước Trung Hoa huyền bí.

- Ai vậy?

- Hắn anh chưa từng nghe nói. Một ngài tên gọi John Ingles. Về mọi mặt, là công chức hưu trí mẫu mực. Người Anh, lớp trung lưu. Thông minh vừa phải. Nhà ông ta chất đầy đồ mỹ nghệ Trung Quốc - cái thú gàn dở ấy khiến bạn bè đều phiền lòng. Tuy nhiên, tôi tin rằng người duy nhất có thể cung cấp thông tin mà tôi tìm kiếm, chính là Ngài John Ingles.

Chúng tôi bước qua cổng biệt thự “Anh Đào”. Phần tôi, nhìn quanh chẳng thấy khóm anh đào nào.

Một người Trung Quốc bộ mặt lầm lì dẫn chúng tôi vào gặp chủ.

John Ingles là một người thấp béo, nước da vàng nhạt, đôi mắt hờm sâu và đặc biệt tinh anh.

Ông đứng lên tiếp chúng tôi, để sang bên lá thư đã mở đang cầm trên tay, lá thư mà sau đây ông sẽ nói tới.

- Mời các ông ngồi. Halsey nói các ông cần một tin tức mà tôi có khả năng giúp.

- Chính vậy, thưa ông. Tôi muốn biết ông có quen người nào tên Li Chang-yen?

- Kỳ lạ thật! Làm thế nào các ông nghe nói tới người đó?

- Vậy ra ông có quen?

- Tôi có gặp hắn một lần và biết chút ít về hắn; cũng không nhiều như mình muốn đâu! Thật ngạc nhiên là ở nước Anh, còn có người nào khác nghe nói về hắn. Trong loại người như hắn thì hắn là người có tầm vóc, thuộc tầng lớp quan lại; nhưng chỗ mạnh của hắn không phải ở đó. Hơn cả một ông quan, hắn là trụ cột của tổ chức.

- Tổ chức gì?

- Tổ chức quấy rối toàn cầu, gây ra khủng hoảng, chiến tranh, ở một số nước. Thậm chí có thể là ở hầu hết các nước! ... Những người am hiểu còn cho rằng đứng sau tổ chức này - là một bộ não. Nhưng người nổi danh nhất chỉ là công cụ của hắn. Tôi không có bằng chứng, nhưng tôi tin như đánh đồng cột rằng bộ não ấy là Li Chang-yen.

- Không thể chấp nhận! - tôi kêu. Làm sao một người Tàu lại xâm nhập được vào việc của nhiều nước đến thế?

Poirot chau mày, ném cho tôi một cái nhìn bất đồng.

- Người ta xâm nhập vào việc của nhau là bình thường. Với anh, Hastings, cái gì anh không tin thì anh cho là không thể xảy ra. Phần tôi, tôi đồng ý với ngài Ingles. Xin mời ông nói tiếp.

Vị công chức hưu trí không chờ phải yêu cầu lâu:

- Tôi không rõ vì sao Li Chang-yen làm những việc ấy. Chắc hẳn mắc căn bệnh giống những bộ óc vĩ đại khác từ Alexandre đến Napoleon. Căn bệnh đó là sự thèm khát quyền lực, muốn chiếm địa vị độc tôn. Từ trước đến nay, kẻ đi chinh phục cần đến lực lượng vũ trang, nhưng ở thời đại rối ren này, một người như Li Chang-yen có thể dùng các phương tiện khác. Tham vọng của hắn là bá chủ toàn thế giới! Tôi tin chắc hắn có trong tay nguồn tài chính vô hạn dùng để tuyên truyền, mua chuộc. Căn cứ vào vài dấu hiệu, tôi nhận ra là hắn đang cố chiếm lĩnh việc ứng dụng một phát minh khoa học có sức mạnh cao hơn tất cả những gì thế giới đã biết.

Poirot nghe Ingles hết sức chăm chú.

- Còn ở Trung Hoa? - Anh hỏi - Theo ông, hắn cũng hoạt động cả ở đó?

John Ingles gật đầu:

- Tôi không dẫn ra được bằng chứng cụ thể, nhưng tôi biết hắn điều khiển mọi sự kiện. Mệnh lệnh của hắn được thực hiện từ xa. Chúng ta không hiểu gì về phương Đông, mãi mãi sẽ không bao giờ hiểu.

- Không người nào có thể chống lại hắn sao?

Ingles ngả người về phía trước, đáp:

- Trong bốn năm mới đây, bốn người đã thử, bốn người quả cảm, lương thiện và cực kỳ thông minh. Từng người một lẽ ra có thể ngăn trở những mưu đồ của Li Chang-yen.

- Rồi sao? - Tôi hỏi.

- Rồi sao ư? Cả bốn đều chết. Người thứ nhất viết một bài báo trong đó nêu tên Li Chang-yen nhân những vụ nổi loạn; hai hôm sau anh ta bị đâm chết ngoài phố. Không bắt giữ được hung thủ. Người thứ hai nói đến Li Chang-yen trong một diễn văn, liền bị đầu độc. Người thứ ba, nhân một cuộc trò chuyện, tỏ ý nghi ngờ Li Chang-yen là nguồn gốc của một vụ rối ren nào đó; hôm sau ông ta chết vì thổ tả (một trường hợp đơn lẻ không liên quan đến một vụ dịch nào); cuối cùng là người thứ tư cũng đại miện như trên, bị phát hiện chết trên giường của mình. Nguyên nhân tử vong không được làm rõ, nhưng một bác sĩ đã khám nghiệm tử thi nói với tôi rằng anh ta bị cháy xém, chết co quắp như là bị phóng điện với công suất cực mạnh không thể tin.

- Còn Li Chang-yen? - Poirot hỏi. Tất nhiên không có một bằng chứng nào chống lại hắn? Dù sao phải có một số dấu tích nào dò tìm ra hắn chứ?

Ingles nhún vai:

- Hừ, dấu tích... tất nhiên! Đây, một thí dụ đáng chú ý: một lần, tôi làm quen với một nhà hóa học Trung Hoa trẻ tuổi, danh tiếng, người được Li Chang-yen bảo trợ. Một hôm, chịu không nổi, anh ta đến tìm tôi, trong thể trạng đáng thương, sắp ngất xỉu. Anh ta cho biết, trong lâu đài của Li Chang-yen, anh bị buộc phải làm thí nghiệm trên những con người tội nghiệp. Tất cả đều dưới sự chỉ đạo của tên quan ấy. Chàng trai trẻ kinh hoàng mô tả. Tôi cố gắng an ủi anh và đưa anh vào nằm một phòng trên gác nhà tôi, định đến hôm sau mới hỏi chuyện kỹ; tôi thật vô cùng xuẩn ngốc! Giữa đêm hôm đó, tôi thức giấc và thấy nhà mình

bốc cháy... chỉ nhờ một sự may mắn lạ lùng mà tôi thoát chết. Điều tra sau đó chứng minh là hoả hoạn bắt đầu từ trên tầng gác và xảy ra với cường độ kỳ lạ. Anh bạn hóa học trẻ biến thành một đồng cháy đen.

Nghe Ingles say sưa kể, tôi hiểu là ông đang để cho lòng đam mê bay bổng; ông cũng chợt nhận ra điều ấy và cười xòa như để cáo lỗi.

- Dĩ nhiên - ông nói - tôi chẳng có bằng chứng gì. Và, như tất cả những người khác đã nghe tôi, các ông sẽ suy ra rằng tôi nói bậy.

Poirot bình thản đáp:

- Không, không. Có nhiều lý do để chúng tôi tin ông. Chúng tôi hết sức quan tâm đến những kỳ tích của Li Chang-yen, nên không chút nào nghi ngờ sự thành thật của ông.

- Các ông biết hẳn là cả một sự kỳ lạ, tôi cứ nghĩ là ở nước Anh này, không ai biết hẳn. Nếu không có gì phải giữ kín, tôi muốn hiểu bằng cách nào các ông biết được hẳn.

- Rất sẵn lòng, không có gì phải giữ kín. Cách đây ít lâu một người khách lạ đã vào ẩn trong nhà tôi: có vẻ hơi bị một cú choáng lớn. Tuy nhiên hẳn đã nói một số điều để chúng tôi phải lưu ý đến Li Chang-yen. Hẳn nói về bốn người: “Bọn Bốn người” hay “Bộ Tứ vĩ đại” đứng đầu một tổ chức đến nay chưa ai ngờ tới. Theo hẳn, “Số Một” là Li Chang-yen. “Số Hai” là một người Mỹ chưa rõ tên. “Số Ba” là một phụ nữ Pháp cũng chưa rõ. và “Số Bốn” là một người giữ vai trò thực hiện, là tên đao phủ bậc nhất, biệt danh “Kẻ Tiêu Diệt”. Chỉ nói được thế thì hẳn ta chết. Đó là tất cả những gì tôi biết. Còn ông, ông Ingles, ông có nghe nói đến lũ “Bốn người”?

- Dính dáng đến Li Chang-yen thì không. Nhưng cách đây không lâu, tôi có nghe, hay đúng hơn, đã đọc cái này chắc sẽ làm ông quan tâm... Tôi nhớ là vụ việc rất đặc biệt. A! Đây rồi.

Ông đứng lên, đi tới chiếc bàn sơn mài đẹp, rút ra một lá thư.

- Đây là thư của một thủy thủ già tôi gặp một lần ở Thượng Hải. Tóc bạc trắng, người tàn tạ. Ông ta nghiện rượu và tôi không tin gì vào những lời lảm nhảm của lão.

Ingles đọc to nội dung bức thư.

”Kính thưa ông,

Có thể ông không nhớ tôi, nhưng tôi thì không quên sự giúp đỡ to lớn mà ông đã dành cho tôi, cách đây đã lâu, ở Thượng Hải. Tôi cầu xin ông giúp tôi việc nữa. Tôi đang cần tiền để đi khỏi đây. Hiện lúc này, tôi đang được che giấu tốt, ít nhất theo như tôi nghĩ. Song người ta có thể tìm ra chỗ ẩn náu của tôi lúc nào đó. Lũ Bốn người rình rập. Chúng truy đuổi tôi. Tính mạng tôi tùy thuộc vào đó. Tôi có của nả, nhưng không dám sử dụng, e lộ tông tích. Tôi van ông hãy gửi cho tôi hai trăm livrơ. Xin thẻ sẽ trả lại ông sớm. Trân trọng.

JONATHAN WHALIEY”

- Mẫu thư này được gửi từ địa chỉ “Granite Bungalow”. Ở Hoppaton (Dartmoor). Thú thật tôi đã coi nó như một thủ đoạn thô kệch để lấy của tôi hai trăm livrơ, đối với tôi món tiền không phải nhỏ. Nếu thư này có ích gì cho ông, xin cầm lấy!

Vừa nói Ingles vừa đưa chúng tôi.

- Cảm ơn ông - Poirot tuyên bố - tôi sẽ đi ngay đến Hoppaton.

Ingles giật nảy mình.

- Sao, ông coi chuyện ấy là nghiêm túc? Đột nhiên, tôi cũng thấy tò mò. Tôi cùng đi có được không?

- Còn gì bằng, nhưng ta phải đi ngay, để kịp tới trước khi trời tối.

Trong nháy mắt John Ingles đã sẵn sàng.

Chúng tôi nhanh chóng ra ga Paddington. Ở đó có tàu đưa chúng tôi đến Moretonhamstead. Tiếp tục đi xe hơi mười bốn cây số đến Hoppaton, một làng nhỏ nằm nép dưới đáy thung lũng, gần một khu trắng lớn.

Chúng tôi tới nơi lúc tám giờ chiều, có nghĩa trời còn hơi sáng, vì là tháng bảy.

Chúng tôi hỏi thăm đường. Một anh nông dân gặp ở Phố Lớn có vẻ ngạc nhiên:

- “Granite Bungalow”? Có đúng các ông định tới “Granite Bungalow”? Ở đằng kia!

Và anh chỉ một ngôi nhà màu xám ở đầu phố.

- Các ông đến gặp ông thanh tra ư?

- Thanh tra nào? - Poirot hỏi lại ngay. Anh bảo sao?

- Thế các ông không biết vụ án mạng xảy ra à? Kinh khủng! Nghe thiên hạ nói, máu chảy lênh láng.

- Trời! - Poirot lẩm bẩm - Cần gấp ngay tay thanh tra ấy.

Năm phút sau, chúng tôi đối diện với thanh tra Meadows. Mới đầu vị đại diện cảnh sát này tỏ ra không hồ hởi lắm, nhưng khi chúng tôi nhắc tên thanh tra Japp ở Scotland Yard, thì như có phép thần kỳ, ông ta dịu hẳn nét mặt.

- Vâng, thưa ông, án mạng xảy ra sáng nay. Kinh tởm! Họ điện tới Moreton, và tôi được cử đến ngay. Hoàn toàn bí hiểm! Nạn nhân là một người bảy mươi tuổi, nằm vật trên sàn phòng khách. Một vết thương trên đầu, cổ họng bị cắt từ tai này sang tai kia. Căn phòng ngập máu. Quá trình điều tra, ta biết một số điều: hình như ông lão nát rượu! Betsy Andrew, bà người ở, cho biết chủ bà ta có một bộ sưu tập tượng nhỏ Trung Hoa bằng ngọc thạch, giá trị lớn; bộ sưu tập ấy biến mất. Vậy có phải vụ án có động cơ ăn cắp? Nhưng, qua nghiên cứu thuyết này không đứng vững.

Ông lão có hai người phục vụ: Betsy Andrews, người địa phương, và Robert Grant từ nơi khác tới, típ người hơi lạ, cục, bí bí mật mật. Betsy thì chuyện trò ở bên ngoài với một bà hàng xóm. Cô ta vắng nhà từ lúc mười giờ đến mười giờ rưỡi; chính khoảng thời gian ấy vụ án xảy ra. Grant trở về đầu tiên, hẩn đi vào bằng lối cửa bên để mở (ở đây không ai khoá cửa, nhất là ban ngày); hẩn đặt sữa vào phòng ngoài rồi trở về buồng mình hút thuốc đọc báo. Hẩn không hề biết chuyện gì xảy ra, ấy là miệng hẩn nói thế. Đến lượt Betsy về, bà ta đi vào phòng khách. Nhìn thấy chủ bị sát hại, bà hét lên một tiếng sồn óc! Đến đây, mọi việc đều rõ. Lúc hai người phục vụ vắng nhà, có người đã tới giết ông lão. Xin chú ý là người này khá táo tợn, vì hẩn hoặc phải đi qua phố, hoặc trèo qua khu vườn giáp ranh: ông thấy đấy, chung quanh “Granite Bungalow” đều san sát nhà cửa. Tại sao không ai trông thấy hẩn?

Viên thanh tra ngừng nói, vẻ mãn nguyện.

- A! A! Tôi hiểu rồi - Poirot nói. Rồi sao nữa?

- Tôi thấy mọi việc có vẻ quá phức tạp, nên đã chịu khó quan sát chung quanh. Trước tiên, giá trị các tượng ngọc thạch liệu có làm lóa mắt một tên lưu manh tầm thường? Hẩn có điên không khi giết người giữa thanh thiên bạch nhật. Lão già có thể kêu cứu âm ỉ lắm chứ?

- Thưa ông thanh tra - Ingles nói - Tôi cho rằng vết thương ở đầu xảy ra trước khi chết?

- Đúng thế! Đầu trên, hung thủ đập một nhát vào sọ nạn nhân cho chết, rồi cắt cổ; nhưng không biết làm thế nào ở một xóm làng nhỏ bé như thế này, người lạ rất dễ bị nhận ra, vậy mà không ai trông thấy hẩn. Tôi đã xem xét mọi nơi. Đêm rồi trời mưa, nên trong bếp dễ nhận thấy những vết chân đi vào và đi ra; trong phòng khách, tôi nhìn ra hai loại dấu chân: của Betsy Andrews, bà ta dừng chân trước cửa phòng; của ông Whalley đi dép dạ, và của một người khác dẫm cả lên máu. Do đó rất dễ theo dõi vết chân này cho tới bếp, nhưng đến đây là hết. Đó là điều đầu tiên ta xác định. Ở cửa phòng của Grant, tôi tìm thấy một vệt máu mờ mờ: điều thứ hai. Cuối cùng, điều thứ ba là đôi giày của Grant, anh ta đã tháo chúng ra: dấu giày khớp như in với các vết chân? Vậy vấn đề đã giải quyết. Tôi đã cho bắt Grant. Và ông có biết khi lục lại phòng hẩn, tôi tìm thấy gì không? Những tượng nhỏ ngọc thạch! Robert Grant chính là Alraham Biggs, đã có tiền án về trộm cắp và tội ác cách đây năm năm!

Viên thanh tra nói về đắc thắng:

- Các ông nghĩ sao về chuyện này?

- Tôi nghĩ - Poirot đáp - chúng ta đứng trước một vụ việc hết sức đơn giản, đơn giản lạ kỳ. Cái anh chàng Biggs hay Grant hoàn toàn không có vẻ gì tinh ranh lắm. Ông có thấy thế không?
- Ồ! Đúng, tôi đồng ý, một con người chậm chạp, rất bình thường. Hầu như hẳn không có chút khái niệm gì về tầm quan trọng của một vết chân để lại.
- Vâng, vâng, hẳn không có cái sáng suốt của một thám tử... Ông thanh tra, xin phép được khen ngợi ngài? Ông cho phép chúng tôi đến thăm hiện trường vụ án chứ?
- Tôi xin đích thân dẫn các ông, và mong các ông nhìn kỹ những vết chân đó.
- Hay lắm, tôi rất quan tâm.

Chúng tôi đi ngay, ông Ingles và viên thanh tra đi trước. Tôi giữ Poirot lại để nói thêm:

- Poirot, tôi cam đoan là với anh, vụ án này phức tạp hơn nhiều, không như ông thanh tra tưởng.
- Tất cả vấn đề là ở đó, anh bạn ạ. Trong thư, Whalley nói rõ là bọn Bốn người đang truy lùng; mà Bốn người không phải là những bóng ma, những ngáo ộp tưởng tượng - điều đó tôi và anh đều biết. Tất nhiên có vẻ như Grant là thủ phạm. Vấn đề là hẳn giết nhằm mục đích gì. Có phải để lấy cắp các tượng ngọc thạch? Hay hẳn là tay sai của cái lũ quái đản kia? Thú thật tôi ngã về giả thuyết thứ hai. Ít có khả năng một con người loại này hiểu chính xác giá trị của ngọc thạch và phạm tội ác đến thế chỉ để lấy cắp. Chi tiết này lẽ ra phải được viên thanh tra lưu ý. Hơn nữa Grant có thể lấy cắp tượng mà không cần phải phạm tội ác man rợ như vậy. Điểm ấy nữa, ông bạn thanh tra của chúng ta có lẽ chưa vận dụng hết chất xám của mình. Ông ta đã đo đạc các vết chân, nhưng quên chưa sắp xếp lại trật tự trong lập luận.

4. Sự Quan Trọng Của Một Đùi Gà

Viên thanh tra rút chìa khoá trong túi và mở cổng tòa nhà “Granite Bungalow”. Thời tiết khô và đẹp, không sợ để lại vết chân, tuy nhiên chúng tôi cũng cẩn thận chùi chân lên thảm cửa.

Một phụ nữ từ trong tối đi ra, lại gần thanh tra để nói điều gì, ông ta liền ngoái lại phía sau, bảo chúng tôi:

- Ông Poirot, ông cứ đi tìm kiếm khắp nơi, xem tất cả những gì đáng xem. Mười phút nữa tôi lại xin hầu ông. Nhân tiện, đây là chiếc giày của Grant, tôi mang tới để ông đối chiếu dấu vết.

Chúng tôi bước vào phòng khách, nghe bước chân của thanh tra xa dần.

Ingles lập tức chú ý tới một số đồ mỹ nghệ Trung Hoa đặt trên bàn kê ở góc; ông xem xét tỉ mỉ, có vẻ không chú ý gì đến Poirot. Phần tôi, không rời ông bạn tôi nửa mắt.

Sàn nhà được phủ bằng vải nhựa màu lá mạ sẫm, là thứ in rất rõ mọi dấu chân.

Phía đối diện bên kia, có một cửa thông sang căn bếp nhỏ. Ở đó có hai cửa khác, một đi ra phòng ngoài, một dẫn vào phòng ở của Grant. Cửa nách (dành cho người phục vụ) từ ngoài vào, dẫn thẳng tới phòng ngoài.

Sau khi xem xét sàn nhà, như thường lệ, Poirot bắt đầu thiên độc thoại của mình, nói nho nhỏ:

- Xác chết nằm đây, nơi đánh dấu bằng cái vệt thẫm lớn này và những vệt tung tóe chung quanh. Đây là vệt do dép dạ để lại, một số là vết giày đàn ông... cỡ số bốn mươi hai. Có thể phân biệt rõ, dù có hơi lộn xộn. Hastings, anh cầm chiếc giày đó hả? Đưa tôi.

Anh so sánh cẩn thận chiếc giày với các dấu vết.

- Đúng, đúng là vết giày của Robert Grant. Anh ta vào bằng lối này, giết ông chủ rồi quay trở vào gian bếp. Hẳn đã dẫm lên máu, hãy nhìn xem những vết hằn để lại lúc đi ra! Trong gian bếp, thì chịu không thể quan sát điều gì, vì cả làng đã kéo đến xem! Grant trở vào phòng mình... Không, hẳn đã trở lại nơi án mạng. Có phải để lấy các tượng ngọc thạch? Hay hơn để quên một vật gì có thể tố cáo hẳn?

- Có thể ở lần trở lại này hẳn mới giết ông già?

- Không, Hastings, anh không chú ý đến mọi thứ. Trên những vết giày máu hướng về phía bếp, còn có những vết khác đi về phòng này. Tôi tự hỏi tại sao hắn trở lại? Do lúc bây giờ hắn mới nghĩ tới các bức tượng? Không, vô lý!

- Thằng cha Grant này ngu ngốc đến mức tự tổ cáo mình.

- Phải chăng như vậy. Chúng ta bị chìm trong một nghịch lý khó hiểu! Lúc này đang cần lao động của chất xám. Ta hãy vào trong phòng của hung thủ. Đây, vết máu ở trước cửa. Đây một vết chân lẫn máu... Không thể nhầm lẫn, chính Robert Grant và chỉ có hắn, đã tiếp cận người chết. Và lại chỉ có mình hắn ở nhà.

- Nhưng lúc Grant đi lấy sữa, thì bà phục vụ cũng ở nhà một mình? Điều gì chứng minh là trước khi đi ra, bà ta không giết người? Bà ta không để lại dấu chân, vì không đi ra bên ngoài?

- Hoan hô Hastings! Tôi đang chờ xem anh có nghĩ thế không. Ý kiến đó đã nảy ra trong óc tôi, song tôi gạt đi, lý do như sau. Betsy Andrews là người địa phương, dân làng biết rất rõ. Không lý gì bà ta dấn dăng đến bọn Bốn người. Và lại, lão Whalley là người vạm vỡ; phụ nữ không đối đầu nổi. Án mạng này chỉ có thể là tác phẩm của đàn ông.

- Tuy nhiên, bọn Bốn người không lẽ đã bố trí giấu trên trần nhà một thiết bị khi cần sẽ tự động lao xuống cất cổ Whalley?

- Nhiều tưởng tượng quá! Hastings, hãy tự kiểm chế.

Tôi cụt hứng, không nói. Poirot tiếp tục tha thẩn khắp nơi, hăm hừ lục lọi các phòng, các bàn, tủ. Tôi kêu lên:

- Poirot, anh điên rồi sao?

- Xin anh hãy nhìn cái đuôi gà này, nhìn gần vào.

Tôi nhìn thật sát mà chẳng thấy gì đặc biệt; với tôi, đó chỉ là cái đuôi gà, một đuôi gà hết sức bình thường. Poirot lườm tôi một cái như sét đánh:

- Thế anh không nhìn thấy cái này? Cái này? Cái này nữa?...

Mỗi lần nhún như thế là một lần anh đập vào miếng thịt vô tri từ đó rơi ra những mảnh nước đá nhỏ.

Poirot kêu tôi hay tưởng tượng hão, song lúc này rõ ràng về mặt này, anh bỏ xa tôi đến hàng trăm dặm. Chẳng lẽ anh nghiêm túc nghĩ rằng những mẩu đá vụn này là tinh thể của một độc dược chết người. Tôi bình thản nói:

- Đây là thịt gà đông lạnh.

Anh nhìn tôi một lát, rồi phá lên cười:

- Tuyệt vời! Hastings, được có anh làm cộng sự cũng không uống! Không gì thoát khỏi con mắt, cái gì cũng biết. Chỉ còn hỏi anh là mọi việc sáng rõ!

Poirot quăng đuôi gà lên đĩa, rời khỏi phòng.

Nhìn qua cửa sổ, anh nói:

- Ông bạn thanh tra kia rồi. Rất tốt, tôi đã xem tất cả những gì cần xem.

Anh gõ gõ tay lên bàn, đắm chìm trong suy nghĩ. Rồi đột nhiên:

- Hôm nay là thứ mấy?

- Thứ hai - tôi hơi ngạc nhiên, đáp.

- Thứ hai. Chà, phạm tội vào thứ hai là xui rồi.

Quay vào phòng khách, anh nhìn lên phong vũ biểu và nhiệt kế.

- Thời tiết tốt. Bảy mươi lăm độ Fahrenheit. Đúng là một ngày hè đẹp!

Ingles tiếp tục xem xét một số tượng nhỏ Trung Hoa rải rác trong phòng. Poirot nói:

- Xem ra ông chẳng thích thú gì với cuộc điều tra này.
 - Thú thật đây không phải lĩnh vực của tôi. Tôi hiểu biết nhiều thứ, nhưng mù tịt về nghệ thuật điều tra hình sự. Vì vậy tôi xin đứng ngoài, những năm sống ở phương Đông đã dạy tôi biết kiên nhẫn.
- Viên thanh tra chạy vào như gió, xin lỗi vì đã vắng mặt lâu, ông khăng khăng xin dẫn chúng tôi đi thăm khắp nhà một lần nữa, rồi tất cả chúng tôi ra về. Trên đường qua làng, Poirot nói:
- Tôi rất cảm ơn thịnh tình của ông thanh tra. Tuy nhiên, tôi muốn yêu cầu ông một việc nữa.
 - Chắc ông muốn nhìn thi thể nạn nhân?
 - Ồ không! Tôi không quan tâm điều ấy. Điều tôi muốn, là gặp Robert Grant.
 - Nếu vậy, phải cùng tôi quay trở lại Moreton.
 - Đồng ý, nhưng tôi muốn nói chuyện riêng với anh ta.
 - Tôi chưa dám hứa, thưa ông Poirot .
 - Nếu ông gọi điện hỏi Scotland Yard, tôi tin ở đó sẽ không phản đối.
 - Ồ, tất nhiên, tôi đã nghe tiếng ông. Tôi biết ông đã nhiều lần giúp đỡ chúng tôi; nhưng đây là vấn đề nguyên tắc.
 - Có thể, nhưng tôi cần phải nói chuyện với anh ta - Poirot bình tĩnh đáp. Rất cần, ông có biết vì sao? Hừm, đơn giản vì Grant không phải kẻ giết người.
 - Sao? Vậy thì là ai?
 - Theo tôi, hung thủ phải là người trẻ, đi xe hơi đến và dừng trước cổng “Granite Bungalow”. Hắn đi vào giết người rồi lại ra và đi theo lối hẻm đã tới. Hắn để đầu trần và quần áo phải có vết máu.
 - Nhưng... như vậy cả làng sẽ trông thấy hắn.
 - Điều đó còn tùy.
 - Có thể không, nếu mọi việc diễn ra ban đêm. Đằng này tội ác xảy ra giữa ban ngày.
- Poirot chỉ mỉm cười.
- Làm thế nào ông lại nghĩ ra chiếc xe hơi, ông Poirot? Chắc phải có khối xe đi qua cổng nhà. Không có xe nào để lại dấu vết đặc biệt nào nhìn thấy được.
 - Mắt không nhìn thấy, có thể - Poirot đáp - Nhưng trí óc ta nhìn thấy!
- Viên thanh tra đưa tay lên trán, nhìn tôi, cười.
- Tôi hoàn toàn hoang mang, nhưng tin ở Poirot. Chúng tôi cùng viên thanh tra lên đường đi Moreton. Poirot và tôi được đưa đến gặp Grant, nhưng có một cảnh sát đứng chứng kiến. Poirot đi thẳng vào đích.
- Grant, tôi biết anh vô tội. Hãy nói thật mọi việc với tôi.
- Người tù vóc tầm thước, bộ mặt đặc biệt xấu xí. Trông mà hãi. Hắn sụt sịt.
- Xin thề, tôi không làm việc đó. Một kẻ nào đó đã bỏ các bức tượng lẫn vào đồ đạc của tôi. Một vụ gấp lửa bỏ tay người. Lúc về tôi đi thẳng vào phòng tôi và như tôi đã khai, tôi không biết gì cho đến khi bà Betsy la toáng. Xin làm ơn! Làm ơn! Làm ơn! Tôi không liên quan gì.
- Poirot đứng dậy.
- Nếu anh không nói tôi nghe tất cả sự thật, thì hãy biết vậy.
 - Nhưng...
 - Anh đã vào trong phòng. Anh đã biết là ông chủ bị chết, và anh sắp sửa chạy trốn thì bà Betsy phát hiện ra...

Grant há hốc miệng.

- Nào, thú thật đi! Phải thế không? Cách duy nhất để cứu mình, là nói hết sự thật. Tôi cam đoan với anh như thế.

- Thôi thì cũng liều! Grant đột nhiên nói. Sự việc diễn ra đúng như ông nói. Lúc về, tôi đi thẳng vào phòng ông chủ và thấy ông nằm chết trên sàn lênh láng máu. Thế là tôi hoảng sợ, người ta sẽ truy ra giờ giấc đi lại của tôi, chắc chắn kết tội tôi là thủ phạm. Ý nghĩ duy nhất lúc bấy giờ là bỏ chạy mau, trước khi mọi người phát hiện ...

- Còn những tượng ngọc thạch?

Grant ngập ngừng:

- À! Vâng, nguyên là...

- Do suy nghĩ lại một cách tự nhiên, anh đã lấy chúng đi. Đúng thế không? Bây giờ, hãy trả lời câu hỏi sau: Anh có quay trở lại vào phòng để lấy các tượng?

- Tôi không quay trở lại lần thứ hai, chỉ một lần là đủ.

- Anh chắc chắn như thế?

- Hoàn toàn chắc chắn.

- Tốt! Bây giờ tôi hỏi: anh ra tù từ bao giờ?

- Cách đây hai tháng.

- Anh vào làm việc cho ông Whalley bằng cách nào?

- Qua trung gian của một hội giúp đỡ tù nhân. Khi tôi được tha, một người đã lo thu xếp cho tôi.

- Người đó như thế nào?

- Trông giống một mục sư, nhưng thật ra là không phải! Đội mũ mềm, đen, nói như sách! Răng cửa sứt, đeo kính. Tên là Saunders. Hắn nói nếu tôi biết hối lỗi và quyết tâm tu tỉnh, hắn sẽ tìm việc làm cho. Nhờ hắn môi giới, tôi đã tìm đến ông Whalley.

Poirot đứng lên.

- Cảm ơn. Tôi đã biết những gì cần biết! Xin hãy kiên nhẫn - Anh dừng lại ở bậc cửa, nói thêm - Saunders có đưa cho anh một đôi giày?

Grant ngạc nhiên:

- Vâng, có. Sao ông biết?

- Nghề của tôi là phải biết - Poirot nghiêm trang.

Sau khi trao đổi vài câu với thanh tra, chúng tôi vào quán “Hươu trắng” để vừa bàn luận, vừa thưởng thức món trứng rán nhấm với rượu nho vùng Devonshire. Ingles mỉm cười hỏi:

- Bây giờ, ông đã sáng ra những gì rồi?

- Vâng, với tôi vụ việc có vẻ rõ ràng, nhưng dẫn chứng ra thì hơi khó. Whalley bị giết do lệnh của lũ Bốn người, nhưng Grant không phải là công cụ của chúng. Một tên ranh ma đã đưa Grant vào làm việc ở đây, tất nhiên nhằm mục đích dùng anh ta làm kẻ bung xung. Rất tiện, anh ta có tiền án mà! Hắn tặng anh ta một đôi giày, còn hắn giữ một đôi y hệt. Rất đơn giản. Lúc Grant đi vắng, bà Betsy thì đang chuyện trò con cà con kê với các bà già ngoài làng (gì chứ việc ấy thì chắc bà ta nói suốt ngày không chán), tên lưu manh kia đến, hắn xỏ đôi giày giống đôi đã cho Grant; hắn vào trong bếp, sang phòng khách, phang ông già một nhát lên đầu rồi cắt cổ. Hắn trở ra bếp, trút giày, đi giày khác vào, cầm đôi giày vấy máu trong tay, ra cổng, lên xe... và chuẩn.

Ingles đắm đắm nhìn Poirot :

- Tuy nhiên, vẫn có một điều chưa ổn. Ông giải thích thế nào là không ai nhìn ra hấn?
- Tất cả sự khôn ngoan của lũ Bốn người là ở chỗ đó! Mọi người đều nhìn thấy mà không nhận ra, ông hiểu không? Hấn đi trong xe hàng thịt!
- Tôi không tìm được tiếng kêu:
- Ra cái đùi gà là thế!
- Chính vậy, anh Hastings. Ai cũng cam đoan là không trông thấy ai tới “Granite Bungalow” sáng hôm đó; vậy mà tôi tìm thấy ở phòng ngoài một cái đùi gà tươi rói, còn nguyên nước đá. Hôm nay là thứ hai, vậy chuyện cung ứng thực phẩm diễn ra vào đúng sáng nay! Các ông nghĩ xem ... nếu cung ứng từ thứ bảy, thì với trời nóng này, thịt sẽ không giữ được lạnh qua suốt ngày chủ nhật! Vậy có người đã tới Bungalow, và tôi nghĩ phải là người nào mặc trang phục có vết máu mà lại không bị ai để ý vì chuyện đó.
- Chúng khôn ngoan kỳ lạ! - Ingles kêu.
- Đúng. Bọn Bốn người rất mạnh.
- Có mạnh bằng Hercule Poirot không? - Tôi hỏi.
- Ông bạn ném cho tôi một cái nhìn đầy trách móc, nói trịnh trọng:
- Hastings, có những chuyện đùa mà anh không nên nói. Tôi chẳng đã cứu một người vô tội khỏi đoạn đầu đài? Mỗi ngày mỗi việc, thế là đủ.

5. Nhà Bác Học Mất Tích

Tòa tha bổng cho Robert Grant, tức Biggs, điều đó chưa đủ để thanh tra Meadows tin là anh ta vô tội. Ấy là tôi đoán thế.

Bản luận tội mà Meadows lên án Grant (căn cứ vào quá khứ của anh ta, việc đánh cắp tượng ngọc thạch, các dấu chân và các vết máu), ông ta nghĩ rằng quá chặt chẽ để có thể bị đảo ngược như thế. Tuy nhiên, lập luận logic của Poirot đã buộc hội đồng xét xử ngã theo quan điểm của anh.

Hai nhân chứng đã ra toà khai là đã nhìn thấy xe hàng thịt đi về “Granite Bungalow” sáng thứ hai. Song thường lệ ông hàng thịt quen trong vùng chỉ đi giao hàng vào thứ tư và thứ sáu.

Một bà người làng khai đã trông thấy cái tên giả làm hàng thịt nọ ra khỏi ngôi nhà có án mạng, nhưng không thể cung cấp chi tiết nào về nhân dạng. Bà chỉ nhớ hấn ta mày râu nhẵn nhụi, người tầm thước, có dáng vẻ bề ngoài đúng là anh hàng thịt. Nghe mô tả sơ sài vậy, Poirot nhún vai ngao ngán.

Sau phiên toà, Poirot bảo tôi:

- Như tôi đã nói, tên này đóng kịch giỏi, hấn không cải trang, đeo râu giả, đeo kính sẫm, hấn làm hơn thế. “Số Bốn” biết thay đổi bộ dạng, đó là một trong những tài lẻ của hấn. Khi cần đóng vai gì, hấn là người ấy, hấn nhập rất tốt vào nhân vật.

Quả thật, cái tên tự xưng là giám thị từ nhà thương điên Hanwell tới hoàn toàn đáp ứng hình ảnh mà tôi nghĩ về giám thị một nhà thương điên. Tôi không thể nghi ngờ là hấn giả danh.

Nhận xét đó thật đáng nản lòng và việc can thiệp vào vụ án ở Dartmoor không làm chúng tôi tiến thêm một bước.

Tôi ngó ý ấy với Poirot, anh không đồng tình.

- Không, ta có tiến, có tiến. Mỗi lần tiếp cận mới, làm ta hiểu nhiều hơn về tinh thần và các phương pháp của tên này. Trong khi hấn không biết gì hết về chúng ta và kế hoạch của chúng ta.
- Về kế hoạch, thì hấn và chúng ta giống nhau, vì hình như anh cũng chẳng có kế hoạch gì.
- Anh bạn thân mến - Poirot mỉm cười - Anh bao giờ cũng thế, chẳng thay đổi gì, vẫn là anh chàng Hastings sẵn sàng lao vào bóp cổ kẻ thù. Có thể anh sắp có dịp! Mà có phải là “Số Bốn” lại đang gõ cửa chúng ta?

Đỗ là thanh tra Japp, cùng đi với một quý ông lịch sự. Sự ngạc nhiên của tôi làm Poirot bật cười. Japp nói:

- Cho phép tôi giới thiệu với các vị đại úy Kent, thuộc đội cảnh sát mật vụ Mỹ.

Đại úy Kent cao, to, nét mặt thản nhiên cứ như tạc vào gỗ.

- Hân hạnh được làm quen - ông ta bắt tay chúng tôi rất mạnh mẽ, nói nhỏ.

Poirot chất thêm một khúc gỗ vào lò sưởi, đưa ra hai chiếc ghế. Tôi lo chuẩn bị cốc chén và rượu ứt-ki xô đa.

Đại úy dùng rất nhiều ứt-ki và nói nhỏ:

- Tốt quá ! Hy vọng rồi ở nước tôi cũng sớm mua được thứ này (chuyện xảy ra thập kỷ 20, lúc đó ở Mỹ cấm bán rượu mạnh (lời người dịch)).

- Và bây giờ, ta vào việc - Japp nói - Ông Hercule Poirot, người có mặt đây, đã yêu cầu tôi một việc. Ông quan tâm đến bốn Bốn người và yêu cầu tôi khi nào có ai nói đến chúng thì báo cho ông biết. Thú thật là tôi cũng chưa chú ý lắm; nhưng khi ông đại úy đây đến nói với tôi một câu chuyện khá lạ kỳ, tôi nghĩ ngay: Ta hãy đến gặp ông Poirot!”

Poirot nhìn viên đại úy, ông này bắt đầu kể.

- Thưa ông Poirot, chắc ông có nhớ đã đọc trên báo chí rằng một số tàu phóng ngư lôi và khu trục hạm đã bị xô vào đá và chìm ở ngoài khơi bờ biển nước Mỹ. Sự kiện này xảy ra ít lâu sau khi ở Nhật Bản có một trận động đất, và người ta giải thích đợt sóng thần là nguyên nhân của tai họa hàng hải nói trên. Song mới đây, ta tóm được nhiều phân tử nghi vấn và khám phá ra một số giấy tờ cung cấp những cách nhìn mới.

Từ đó thấy rằng hiện nay trên thế giới tồn tại một tổ chức tên gọi “Bộ Tứ vĩ đại” có nhiều phương tiện hoạt động, trong đó có một thiết bị vô tuyến cực mạnh. Đó là một nguồn năng lượng mà sức mạnh vượt xa tất cả những gì đã đạt được tới nay; có vẻ như có thể hội tụ một tia cường độ cực mạnh vào một điểm nhất định. Hiệu quả của phát minh này được đồn thổi ghê gớm đến mức vô lý - là tôi nghĩ thế. Tuy nhiên tôi đã thông báo chuyện này đến đại bản doanh, nơi đây đã giao nó cho một nhà kỹ thuật xuất sắc nhất của chúng tôi nghiên cứu. Đồng thời, có sự trùng hợp kỳ lạ, một nhà bác học của các ông cũng ra một thông báo về vấn đề này cho Viện Hàn lâm Anh quốc. Các đồng nghiệp của ông ta không coi trọng lắm, cho cái gọi là phát minh đó chỉ là huyền tưởng. Song nhà khoa học kia vẫn kiên trì. Ông tuyên bố: “Tôi đã tìm hiểu chuyện này, sắp đạt kết quả”.

- Rồi sao? - Poirot hỏi, vẻ chăm chú.

- Và tôi được phái đến đây để gặp nhà khoa học. Ông ta còn rất trẻ, tên John Halliday. Rất có uy tín trong lĩnh vực này. Rất quan tâm những tài liệu mà tôi cung cấp. Ông ấy sẽ nói cho tôi biết những điều hoang đường ấy là có thật hay không.

- Liệu có thật hay không? - tôi vội hỏi.

- Chính tôi cũng chưa biết. Tôi không gặp ông Halliday. Và có lẽ không bao giờ gặp được.

- Vấn đề là, ông Halliday đã mất tích - Japp nói gọn.

- Bao giờ?

- Cách đây hai tháng.

- Có ai khai báo không?

- Tất nhiên. Vợ ông ấy đã lên tìm chúng tôi, tỏ vẻ rất lo lắng. Chúng tôi đã hết sức cố gắng, nhưng tin rằng sẽ không bao giờ tìm ra.

- Sao vậy?

- Vì với những vụ mất tích loại này thì thường là thế.

- Dấu tích bị mất từ đâu?

- Ở Paris.

- Halliday đã đi Paris?

- Vâng, vì công việc khoa học. Ít nhất là ông ấy nói thế. Ông ta không thể viện lý do nào khác. Các ông thừa biết nguyên nhân những vụ mất tích ở Paris là những gì. Một trong hai điều: hoặc tác giả là một tên lưu manh, hoặc đó là sự mất tích tự nguyện: đôi khi như thế đấy. Paris “vui vẻ trẻ trung” mà! Có thể Halliday đã ngăn cuộc sống gia đình? Có thể ông ta đã cãi nhau với vợ trước khi đi?

- Có thể lắm - Poirot nói, về suy tư.

Vị người Mỹ, vẫn chăm chú quan sát bạn tôi, đặt câu hỏi:

- Thưa ông, ông làm ơn giải thích cho tôi cái vụ Bộ Tứ vĩ đại là thế nào?

- Bọn Bốn người, hay “Bộ Tứ vĩ đại” - Poirot đáp - hợp thành một tổ chức quốc tế, đứng đầu là một người Tàu, gọi là “Số Một”. “Số Hai” là một người Mỹ. “Số Ba” là đàn bà, người Pháp, và “Số Bốn”, biệt danh “Kẻ Tiêu Diệt” là một người Anh.

- A! Trong bọn lại có một đàn bà người Pháp, mà Halliday mất tích ở Pháp. Hai điều này hẳn không phải không có liên quan. Người đàn bà này tên gì?

- Tôi không biết - Về mục này tôi có ít tư liệu hơn cả.

- Hừm! Theo tôi nghĩ, vụ này không đơn giản?

Poirot gật đầu đồng tình, trong khi anh sắp xếp cẩn thận các cốc vào khay; anh vốn coi trọng trật tự trong mọi thứ.

Kent lại hỏi:

- Họ đánh đắm những chiến hạm nọ nhằm mục đích gì? Bọn Bốn người phải chăng là tay chân của bọn quân phiệt Đức?

- Bọn Bốn người hành động cho bản thân chúng, thưa đại úy, chúng không nhằm mục đích gì ngoài làm bá chủ thế giới.

Viên đại úy Mỹ phá lên cười, nhưng ngừng bật trước thái độ nghiêm chỉnh của Poirot. Bạn tôi chỉ tay vào ông ta nói:

- Ông cười ư? Ông không suy nghĩ, nói cách khác, ông không bắt chắt xám làm việc! Nào, nào! Những kẻ đã phá hủy một bộ phận hải quân của các ông chỉ nhằm thử nghiệm sức mạnh của chúng. Không có gì khác hơn là chúng thử ứng dụng cái lực tương mới mà chúng đang nắm giữ!

Japp vui vẻ xen vào:

- Thôi, thôi! Tôi thường đọc truyện về những “siêu tội phạm”, nhưng chưa có dịp đối mặt chúng bao giờ. Giờ đây, ông đã nghe những thông tin của đại úy Kent rồi, vậy tôi còn giúp ông được gì nữa đây?

- Nữa chứ, ông cho tôi xin địa chỉ bà Halliday, kèm theo một chữ giới thiệu tôi với bà.

Và thế là hôm sau, chúng tôi lên đường đi “Chetwynd Lodge”, gần làng Chobham, quận Surrey.

Bà Halliday sẵn sàng tiếp chúng tôi. Đó là một phu nhân cao lớn, xinh đẹp, cực kỳ cứng cáp. Bên cạnh bà là đứa cháu gái năm tuổi, rất kháu khỉnh. Sau khi nghe bạn tôi trình bày lý do cuộc viếng thăm, bà nói:

- Ôi! Ông Poirot, tôi rất biết ơn ông đã quan tâm đến chuyện đau buồn này. Tôi đã nghe nói nhiều về ông, và tôi tin rằng ông sẽ không giống lũ công chức của Scotland Yard, họ chẳng chịu nghe, chịu hiểu gì cả! Còn cảnh sát Pháp, cũng chẳng hơn gì. Họ cho chồng tôi mất tích là vì đi theo một mụ đàn bà khác! Ông ấy không phải loại người như thế. Công việc là trên hết. Phần nửa những trục trặc giữa tôi và ông ấy cũng là vì thế. Ông ấy quan tâm đến công việc hơn cả tôi.

Poirot nhỏ nhẹ an ủi:

- Người Anh là như thế đấy: với họ, khi không là công việc, thì là thể thao. Đối với việc nào họ cũng nghiêm túc, trừ với những việc thực sự nghiêm túc! Và bây giờ thưa bà, xin bà kể lại chính xác, từng chi tiết, một cách hết sức tuần tự, hoàn cảnh mất tích của ông nhà.

- Chồng tôi đi Paris hôm thứ năm 20 tháng Bảy, nhằm quan hệ với nhiều nhà bác học từng biết về những công trình nghiên cứu của ông ấy. Trong số đó có bà Olivier.

Nghe tên nhà nữ hoá học người Pháp nổi tiếng mà sự nghiệp vượt xa bà Curie, Poirot gật gù. Bà được Chính phủ Pháp tặng huân chương, và là một trong những nhân vật xuất chúng của thời đại. Bà Halliday kể tiếp:

- Ngay chiều hôm đó, nhà tôi đến Paris, ở khách sạn Castighone. Sáng hôm sau, ông gặp giáo sư Bourgoneau. Họ chuyện trò rất bổ ích, và thống nhất là hôm sau nữa nhà tôi sẽ đến la bô của giáo sư để chúng kiến các thí nghiệm. Nhà tôi đã ăn sáng tại tiệm Royal, đi dạo ở Rừng rồi đến gặp bà Olivier tại nhà riêng ở Paris. Ở đây cũng vậy, mọi việc diễn ra bình thường. Khoảng mười giờ nhà tôi ra về. Không rõ ông ấy dùng bữa tối ở đâu; có lẽ là ăn một mình, tại khách sạn. Rồi ông trở về buồng, sau khi đã hỏi xem có thư từ gì không. Sáng hôm sau, ông ấy lại đi, rồi mất hút.

- Ông nhà rời khách sạn lúc mấy giờ? Chắc phải vừa kịp thời gian đến dự đúng hẹn ở phòng thí nghiệm của giáo sư Bourgoneau?

- Không ai biết, không ai trông thấy ông đi ra. Tuy nhiên ông ấy không ăn điểm tâm ở khách sạn, không gọi người phục vụ, do đó có thể nói ông đi rất sớm.

- Không trông thấy ông ra đi sáng sớm; có thể tối hôm trước ông về rồi lại đi ra lần thứ hai chăng?

- Tôi không nghĩ vậy. Giường ông ấy bừa bộn, và người gác cửa nhớ là không nhìn thấy ai ra khỏi khách sạn vào giờ ấy.

- Đúng thế, thưa bà. Vậy có thể suy rằng ông nhà đi ra từ sáng sớm, và ta yên tâm về một mặt nào đó, vì giờ ấy ít có khả năng bị trộm cướp tấn công. Hành lý ông nhà vẫn để lại khách sạn?

Bà Halliday ngần ngừ một lúc mới trả lời:

- Không... Ông ấy mang đi một vali nhỏ.

- Hừm! - Poirot nói, giọng hơi nghi ngại - Không hiểu ông nhà đi đâu tối hôm đó nhỉ. Biết điều đó, sẽ gỡ được nhiều chuyện. Ông ấy đi gặp ai? Thật bí ẩn. Thưa bà, xin hãy tin là tôi không nhất thiết đồng tình với cách nhìn của cảnh sát; với họ, bao giờ cũng áp dụng công thức cũ rích: “Hãy tìm người đàn bà”. Tuy nhiên, rõ ràng là đêm đó đã xảy ra việc gì làm thay đổi kế hoạch của chồng bà. Bà đã nói là khi trở về khách sạn, ông đã hỏi có thư từ gì không. Bà biết là có thư hay không?

- Có một cái, và chắc đó là lá thư tôi viết gửi ông ấy hôm ông ra đi.

Poirot lặng yên suy nghĩ chừng một phút, rồi đứng lên:

- Được! Lời giải của bí ẩn này là ở Paris, tôi xin tới đó ngay tức khắc để tìm.

- Nhưng, những việc vừa rồi xảy ra cách đây đã hai tháng, thưa ông.

- Vâng, tôi biết, song dù sao cũng phải tới đây mới tìm ra lời giải.

Lúc từ biệt, Poirot đặt tay lên nắm cửa rồi còn quay lại:

- Một điều nữa, thưa bà! Bà cố nhớ xem ông nhà có bao giờ nói đến bọn “Bốn Người”, hoặc “Bộ Tứ vĩ đại”?

- Bốn Người? Không, tôi không nhớ.

6. Người Đàn Bà Trong Cầu Thang

Những thông tin do Bà Halliday cung cấp chỉ có vậy. Chúng tôi quay vội trở về London, và hôm sau đáp tàu đi Pháp.

Poirot cố nở nụ cười:

- Bọn Bốn người này làm mình chạy hết hơi. Sang phải, sang trái, chạy đi chạy lại, ngộ nguậy chẳng khác ông bạn “Cáo Già” chúng ta.

- Có thể anh sẽ gặp ông ta ở Paris? - tôi nói vì biết “Cáo Già” là biệt danh của Giraud, một thám tử có tiếng của Sở Mật vụ Pháp, mà Poirot đã từng cộng tác trong một vụ việc lý thú.

Poirot nhăn mặt:

- Tôi không gặp anh ta. Mà anh ta có vẻ cũng không ưa tôi lắm...

- Nhưng thế thì nhiệm vụ của anh ở Paris sẽ rất khó khăn. Làm thế nào lập lại thời khóa biểu của một công dân Anh xa lạ, một buổi tối cách đây hai tháng?

- Hừ! Nếu không khó khăn, Hercule Poirot này không cần phải xông vào. Càng khó khăn, mình càng thêm hăm hở.

- Thực sự anh tin rằng Halliday bị bọn Bốn người bắt cóc?

Poirot gật gật đầu.

Công việc tìm kiếm của chúng tôi tất nhiên trở lại một mảnh đất đã cày xới, nên ngoài những gì bà Halliday nói, không thu thập thêm được nhiều lắm.

Với giáo sư Bourgoneau, Poirot đã chuyện trò khá lâu nhằm làm rõ xem: Halliday có thể lộ ra những dự định nào không? Ông ta có nói sẽ phải đi đâu tối hôm đó không? Song Bourgoneau không biết gì. Hercule Poirot ra về trắng tay.

Nguồn thông tin thứ hai của chúng tôi là bà Olivier danh tiếng. Tôi rất hồi hộp khi bước lên bậc thang nhà bà ta ở Passy. Một người đàn bà, vâng, chỉ là đàn bà, mà nổi danh như vậy trong giới khoa học! Kỳ lạ! Trước đó, tôi nghĩ chỉ một bộ óc nam giới mới có thể có công trình như vậy.

Một cậu bồi trẻ chừng mười bảy tuổi ra mở cửa, tôi trông cứ tưởng là môn đồ, vì vẻ mặt nghiêm khắc và cử chỉ cứng nhắc. Tất nhiên, Poirot đã xin hẹn từ hôm trước; không phải ai cũng được bà bác học lớn ban cho hân hạnh được tiếp kiến.

Cậu bồi dẫn chúng tôi vào một phòng khách nhỏ, một lát sau bà Olivier bước vào. Người cao lớn, mặc áo blu trắng, mũ trắng chùm đầu kiểu nữ tu. Vùng trán nghiêm nghị, mắt đen lấp lánh tia sáng kỳ lạ khó ai chịu nổi. Trông bà giống một nữ tu sĩ thời cổ hơn là một phụ nữ Paris hiện đại. Má trái vạch một vết sẹo do vụ nổ lớn trong phòng thí nghiệm gây ra ba năm trước; giết chết chồng bà và người phụ tá. Từ ngày tai nạn ấy, bà Olivier rút lui hẳn khỏi cuộc sống xã hội, chỉ chuyên tâm vào khoa học với một nghị lực phi thường. Bà tiếp chúng tôi với thái độ mực thước, lạnh lùng.

- Cảnh sát đã hỏi tôi nhiều lần rồi, sợ rằng chẳng còn giúp ích các ông.

- Thưa bà, có thể tôi sẽ không đặt các câu hỏi giống của cảnh sát. Để mở đầu, xin bà vui lòng cho biết, khi gặp ông Halliday, hai người đã chuyện trò về vấn đề gì?

Bà ta tỏ vẻ hơi ngạc nhiên:

- Về công trình của ông ấy, tất nhiên. Của ông ấy và của tôi.

- Ông ấy có nói với bà về những lý thuyết ông ấy đã thông báo với Viện hàn lâm Anh quốc?

- Tất nhiên! Đó là chủ đề chính của câu chuyện.

- Những lý thuyết ấy có thực là kỳ quặc không? - Poirot hỏi một cách lơ đãng.

- Một số người bảo là có, còn tôi thì không.

- Bà cho là chúng có thể thực hiện được?

- Hoàn toàn thực hiện được. Chương trình nghiên cứu của tôi có nhiều điểm chung với ông ấy, mặc dù không cùng mục đích. Tôi đã nghiên cứu các tia gamma, do radiom C phóng ra - chất này là một chất dẫn xuất

của radiom - và đã nhận thấy kết quả là những hiện tượng từ tính rất đặc biệt. Tôi có những dự định riêng về môn từ học, nhưng chưa phải lúc để công bố rộng rãi trước công chúng.

Poirot gật gù đầu, rồi hỏi một câu khiến tôi ngạc nhiên:

- Hai người chuyện trò vấn đề đó ở đâu? Ngay tại đây? Trong phòng khách này?
- Không, trong phòng thí nghiệm.
- Cho phép tôi vào xem có được không?
- Được.

Bà Olivier đưa chúng tôi qua cửa mà bà đã vào. Cửa này mở ra hành lang, chúng tôi đi qua hai cửa khác nữa rồi mới tới phòng thí nghiệm đầy những chai, lọ, ống và trăm thứ dụng cụ khác tôi chẳng biết tên. Bà Olivier giới thiệu hai nhân viên đang lúi húi làm thí nghiệm:

- Cô Claude, một phụ tá của tôi.

Một thiếu nữ cao lớn, mặt nghiêm túc, mỉm cười với chúng tôi một cách khả ái.

- Ông Henri, một người bạn lâu năm, mà tôi hoàn toàn tin cậy - Bà Olivier tiếp tục.

Một thanh niên nhỏ người, gầy, tóc nâu, chào chúng tôi như một người máy.

Poirot nhìn quanh: ngoài cái cửa chúng tôi vừa vào, còn hai cửa khác. Một dẫn ra vườn, theo như bà Olivier giải thích, một tới một phòng thí nghiệm thứ hai hẹp hơn. Poirot ghi tất cả những chi tiết đó vào trong ức rồi xin trở lại phòng khách.

- Khi tiếp chuyện ông Halliday, hai người chỉ có một mình?
- Vâng, chỉ có hai người. Hai phụ tá của tôi ở phòng nhỏ bên cạnh.
- Họ, hoặc ai đó, có thể nghe được câu chuyện?

Bà Olivier suy nghĩ rồi lắc đầu:

- Tôi không tin! Không thể nghe được. Tất cả các cửa đều đóng.
- Ai đó có thể vào trong phòng?
- Tất nhiên. Ở góc phòng có một hòm lớn, có thể ẩn nấp. Nhưng, ý nghĩ của ông thật vô lý!
- Không vô lý như bà tưởng đâu! Một câu hỏi nữa, nếu bà cho phép: ông Halliday có vô tình nói định làm gì tối hôm đó?
- Không. Không nói gì.
- Giờ thì tôi xin cảm ơn bà, và xin lỗi đã làm phiền. Thì giờ của bà là quý giá, tôi biết! Xin bà khỏi đưa tiễn, chúng tôi biết đường.

Trong cầu thang, chúng tôi gặp một bà mặc đồ đại tang bước vội lên tầng gác. Lúc ra khỏi nhà, Poirot buông ra lời nhận xét:

- Đàn bà gì mà kỳ lạ!
- Bà Olivier ư? Phải, bà ấy...
- Không, tôi không nói bà Olivier! Bà ta thì thiên tài rồi, ai cũng biết; nhưng lúc này tôi đang nói cái bà... cái bà chúng mình gặp trong cầu thang.
- Tôi không nhìn thấy mặt, còn anh làm thế nào mà trông rõ, vì bà ấy có nhìn về phía chúng ta đâu!
- Thế tôi mới cho là bà ấy kỳ lạ! - Poirot bình thản đáp - một bà vào nhà mình - vì tôi đoán là bà ấy về nhà, vì bà ấy có chìa khoá - mà lại chạy xộc lên gác chẳng buồn ngó hai khách lạ vừa ở đó bước ra, thì rõ không phải một bà như những bà khác. Gần như bất bình thường... Trời đất hỡi.

Vừa thốt lên lời than, Poirot vừa kéo vội tôi về phía sau, đủ kịp để tránh một thân cây vừa đổ vật xuống vỉa hè. Một tí nữa thôi là chúng tôi bị nó đè bẹp. Poirot tái mặt, nhìn trân trân vào cái cây.

- Chỉ cách nhau một sợi tóc! Không có cái nhìn tinh, đôi mắt sắc, thì lúc này Hercule Poirot không còn ở trên đời này nữa! Tai họa thay cho nhân loại. Chưa kể anh nữa, Hastings! Không có tôi, anh sẽ biết làm gì nữa trên đời, hỡi anh bạn già? Tôi mong cho anh là còn có tôi ở bên! Cả anh nữa, anh cũng có thể bị giết. Nhưng dù sao, việc đó chưa thể trở thành quốc tang!

- Xin cảm ơn ! - Tôi lạnh lùng đáp - Bây giờ chúng ta làm gì?

- Suy nghĩ! Lý giải! Bắt chắt xám làm việc! Bắt đầu nhé: Liệu cái ông Halliday này có thực đi Paris hay không ? Có, vì giáo sư Bourgogneau đã gặp và nói chuyện với ông ta.

- Anh định ám chỉ gì đây ? - tôi hỏi.

- Họ gặp nhau sáng thứ sáu, và người ta nhìn thấy ông ta lần cuối vào mười một giờ tối thứ sáu. Nhưng nói thật tình, người ta có trông thấy ông ấy thực không?

- Cậu gác cửa...

- Một anh gác đêm chưa từng biết mặt ông ta trước đó? Một người hao hao giống Halliday (“Số Bốn” chẳng hạn. có thể đóng vai trò này) đi vào sảnh khách sạn, hỏi có thư từ gì... rồi lên gác, chuẩn bị một vali con, và sáng hôm sau thì chuồn. Không ai nhìn thấy Halliday tối hôm đó, là tất yếu, vì ông ta đã nằm trong tay kẻ thù. Bây giờ, có thật là bà Olivier đã tiếp Halliday hay không? Bà ấy chưa từng biết mặt ông ta ... Một kẻ giả danh khó thể đánh lừa bà ấy khi phải nói chuyện về hoá học và radiom... Vậy Halliday có đến nhà bà ta, và sau đó ra về... Từ đó chuyện gì đã xảy ra?...

Poirot nắm tay tôi, kéo tôi đi về hướng nhà bà Olivier.

- Giờ đây, anh hình dung chúng ta đang ở hôm sau ngày mất tích, và ta đi tìm các dấu chân. Thế là anh thích nhé? Đây, dấu này là của một người đàn ông, ông Halliday... ông ta rẽ phải, như ta đã nói, bước đi hăm hăm... Nhưng đây là những dấu chân khác đi theo ông ta: chân nhỏ, của một người đàn bà. Thấy chưa, bà ta đuổi kịp! Đó là một bà đồng cao, mặt đại tang. “Xin lỗi, thưa ngài. Bà Olivier yêu cầu ngài trở lại! Bà ấy còn có điều cần nói”. Tất nhiên, Halliday đi theo bà ta. Bà ta dẫn đi đâu? Bà ta không muốn bị bắt gặp đi cùng với ông. Bà bắt kịp ông vào đúng chỗ bắt đầu lối đi ngăn vườn nhà bà Olivier với vườn bên cạnh: “Mời Ngài đi lối này!” Hastings, anh thấy chưa? Bên phải, là vườn nhà bà Olivier, bên trái là vườn nhà bên; chính từ đó mà cái cây ập xuống suýt làm ta toi mạng... Hai vườn này, mỗi vườn đều có một đường ra lối đi. Rất thuận lợi cho một cuộc phục kích! Halliday qua hàng rào vườn bên trái: nhiều tên xông ra, tấn công, khống chế và lôi ông về ngôi nhà bên cạnh.

- Trời ơi là trời! - Tôi kêu lên - Poirot, anh bị ảo giác! Anh nhìn thấy tất cả những chuyện đó, thực hay hư?

- Đúng thế, nhìn thấy trong óc! Sự việc chỉ có thể xảy ra cách ấy. Đi theo tôi, ta trở lại ngôi nhà.

- Anh muốn gặp lại bà Olivier?

Poirot nở một nụ cười kỳ lạ.

- Không, tôi chỉ muốn xem mặt cái bà ta gặp trong cầu thang.

- Anh nghĩ bà ta là ai? ... Bạn bà Olivier?

- Một nữ thư ký thì đúng hơn. Một nữ thư ký bà mới mượn gần đây.

Vẫn cậu bồi ấy ra mở cửa. Poirot hỏi:

- Anh có thể cho biết danh tính bà mặc đồ tang vào đây lúc này?

- Bà Vêroneau? Thư ký của bà chủ?

- Chính vậy. Anh có thể vui lòng mời bà cho tôi hỏi chuyện một lát?

Cậu bồi đi vào, rồi trở lại ngay.

- Rất tiếc, bà Vêroneau đi ra ngoài rồi.

- Tôi không tin - Poirot điềm nhiên - nhờ anh nói tên tôi với bà: Hercule Poirot, và chuyển lời tôi cần gặp bà gấp trước khi đến Sở Cảnh sát.

Anh chàng biến đi lần nữa. Lần này, Poirot đã thành công. Dích thân bà Véroneau đi xuống và mời chúng tôi theo bà. Quay về phía chúng tôi, bà vén chiếc khăn trùm mặt. Tôi vô cùng ngạc nhiên nhận ra đối thủ quen thuộc, bà nữ bá tước Rossakoff, từng nhúng tay vào vụ cướp tiệm vàng ở London. Bà thở nhẹ, nói:

- Ông Poirot, ngay lúc thấy ông ngoài sảnh, tôi đã lo có chuyện chẳng lành.

- Thưa nữ bá tước...

Bà ta lắc đầu:

- Giờ gọi tôi là Inej Véroneau. Người Tây Ban Nha lấy chồng Pháp. Ông muốn gì tôi, ông Poirot? Ông thật là ghê gớm. Đã đuổi tôi đi khỏi London, giờ lại sắp bắt tôi rời bỏ Paris? Nói thật đi, ông muốn tố cáo tôi với bà Olivier? Bà ấy sẽ đuổi tôi, và tôi mất việc... Tôi cũng cần phải sống chứ.

- Vấn đề nghiêm túc hơn nhiều, thưa bà. Tôi định vào ngôi nhà trước mặt để giải thoát ông Halliday, nếu ông ấy còn sống. Tôi biết hết, bà thấy không?

Mặt Véroneau - Rossakoff tái nhợt. Rồi chợt nói:

- Ông ấy còn sống, nhưng không có trong nhà đó. Nào, ông Poirot, ta cũng mặc cả. Để cho tôi tự do, và ông Halliday sẽ được trả về nguyên vẹn.

- Tôi đồng ý - Poirot nói - Chính tôi cũng định đề nghị với bà việc ấy. Bà làm việc cho bọn Bốn Người, có phải không?

Mặt nữ bà tước nhợt đi như xác chết, song bà ta lờ đi không đáp.

- Tôi xin ông một điều - bà ta nói - cho tôi gọi điện, được không?

Trong khi chờ điện, bà nói thêm.

- Đó là số điện của ngôi nhà nơi bạn ông bị giữ. Ông có thể báo cho cảnh sát, vì khi họ đến thì sẽ không còn ai. A! Tôi gọi được rồi! A lô! Anh André phải không?... Phải, phải tôi Inej đây! Lão người Bỉ biết hết rồi. Đưa Halliday đến khách sạn, rồi chuồn nhanh.

Bà ta đặt máy, mỉm cười tiến về phía chúng tôi. Poirot yêu cầu:

- Mời bà đi theo chúng tôi về khách sạn.

- Tất nhiên, tôi sẵn sàng.

Cả ba chúng tôi lên xe taxi. Nhìn nét mặt, tôi biết Poirot có vẻ phân vân. Mọi việc trở nên quá đơn giản.

Tại khách sạn, người gác cửa tiến lại:

- Thưa ông Poirot, có một quý ông vừa tới. Tôi đã đưa lên phòng ông. Quý ông có vẻ rất suy nhược. Có một y tá đi kèm, nhưng cô ấy đã bỏ về.

- Rất tốt - Poirot đáp - Đó là ông bạn tôi.

Chúng tôi cũng lên phòng và thấy một người ngơ ngác ngồi bên cửa sổ, coi chừng như sắp ngất xỉu. Poirot đi thẳng tới.

- Ông là John Halliday?

Người nọ gật đầu.

- Đưa tôi xem cánh tay trái.

Thật vậy vợ ông ta nói là John Halliday có một nốt ruồi dưới khuỷu trái.

Người nọ vén tay áo: nốt ruồi có đó.

Poirot gật đầu chào nữ bá tước khi bà xin lui.

Một cốc rượu làm Halliday hơi hồi tỉnh ... ông ta lẩm bẩm:

- Trời đất ơi! Tôi vừa trải qua thời khắc quá quý giá vậy? Bọn chúng quả là quý dữ! Vợ tôi đâu? Bà ấy nói gì? Chúng nó bảo tôi rằng bà ấy nghĩ là tôi...

- Không có gì đâu - Poirot đáp dứt khoát. Bà nhà luôn tin tưởng vào ông. Bà đang chờ ông, cả con gái nhỏ nữa. Cả hai đều bình yên vô sự.

- Ôn trời! Thật khó tin là tôi đã trở lại tự do.

- Giờ ông đã hồi phục một phần, rất mong ông kể cho nghe câu chuyện từ đầu.

Halliday ngơ ngác nhìn Poirot:

- Tôi không nhớ gì hết.

- Sao?

- Đã bao giờ ông nghe nói tới bọn Bốn Người?

- Ông không biết những gì tôi biết: chúng có quyền lực vô hạn. Nếu tôi ngậm miệng, thì thoát. Còn nếu đại dốt hớ ra một tiếng, chỉ một tiếng thôi, thì tất cả những người thân nhất của tôi sẽ phải trả giá. Không bàn cãi nữa. Tôi... tôi không nhớ gì hết... Không!

Nói rồi, Halliday đứng dậy và đi ra.

Poirot lộ vẻ chưng hửng.

- Có thể thôi sao? - Anh nói rất nhỏ - Bọn Bốn Người lại thắng một keo nữa. Hastings, anh cầm gì trong tay vậy?

Tôi chìa ra một mảnh giấy, nói:

- Nữ bá tước viết vội vào đây trước khi đi.

Mảnh thư chỉ có hai từ và chữ ký:

“Tạm biệt - I. V.”

Bà ta ký bằng hai chữ tên đầu: I.V. - Inej Vêroneau. Có phải đơn thuần là sự trùng hợp, khi đọc hai chữ này theo số La Mã cũng có nghĩa là “Bốn”? Hừm!

7. Những Kẻ Cắp Radiom

Đêm tự do đầu tiên, Halliday ở trong khách sạn, nằm một phòng cạnh phòng chúng tôi, và tôi nghe thấy ông ta rên rỉ, trằn trọc liên tục trên giường. Thảm kịch phải chịu hằn đã làm ông mất tinh thần, và sáng hôm sau cũng không chịu nói gì hơn hôm trước.

Ông chỉ luôn luôn ám chỉ tới quyền lực to lớn của bọn Bốn Người, và lo lắng nếu nói ra điều gì ông sẽ bị chúng trả thù không thương tiếc.

Sau bữa ăn sáng, ông từ biệt chúng tôi để ra tàu về Anh gặp vợ, còn Poirot và tôi ở lại Paris.

Sau sự việc này, tôi cảm thấy mình sẵn sàng chiến đấu hơn bao giờ hết, và chủ trương phải dùng sức mạnh. Poirot thì cứ ngậm miệng, làm tôi bực mình. Tôi kêu:

- Poirot, vì Chúa, ta phải làm cái gì chứ? Phải tìm kiếm bọn chúng!

- Anh rất đáng khen! Vô cùng đáng khen! Làm gì? Tìm kiếm ai? Anh nói rõ đi nào!

- Bọn Bốn Người chứ ai.

- Tôi rất hiểu. Nhưng xin hỏi anh định tấn công chúng bằng cách nào?

- Kêu cảnh sát - Tôi đưa ra để thăm dò.

Poirot mỉm cười:

- Chúng mình sẽ bị coi là những bộ óc giàu tưởng tượng. Chúng mình chẳng nắm được cái gì cụ thể, hoàn toàn không. Phải đợi thôi.

- Đợi cái gì?

- Đợi chúng động đây. Này nhé, người Anh chúng ta rất mê môn quyền Anh, thừa biết là khi đối thủ chưa ra tay, thì người kia phải tấn công và do đó để lộ chiến thuật của mình. Vậy chúng ta phải đợi và buộc đối thủ tấn công.

- Liệu chúng có làm thế không? - Tôi hoài nghi.

- Tôi tin chúng sẽ làm. Đầu tiên, chúng định ép tôi rời khỏi nước Anh, nhưng không thành. Tiếp theo, trong vụ án ở Dartmoor, chúng ta kịp tới và cứu nạn nhân của chúng khỏi cái chết. Cuối cùng, hôm qua, chúng ta làm kế hoạch của chúng bị đảo lộn. Rồi anh xem, chúng sẽ quật lại.

Như mọi lần, anh bạn Poirot bắt tôi lại nói đúng... Vài giờ sau, có tiếng gõ cửa. Không đợi trả lời, một người bước vào và tự khép cửa ở phía sau.

Cao, gầy, da mai má, mũi khoằm, mắt sắc, hần mặc áo khoác dạ cài khuy lên tận cằm, đội mũ mềm ẩn súp cẩn thận che mắt. Hần nói nhẹ nhàng:

- Xin lỗi về sự đường đột, nhưng tôi cần nói với các ông vài điều hơi đặc biệt.

Hần tiến lại gần bàn, ngồi xuống và mỉm cười. Tôi sắp nhảy bổ lên, thì Poirot ra hiệu ngăn lại.

- Xin nói, ông muốn gì?

- Ông Poirot thân mến, rất đơn giản, ông đang làm phiền các bạn của tôi?

- Bằng cách nào vậy?

- Thôi đi ông Poirot, ông nói không nghiêm túc! Ông thừa biết.

- Xin nói rõ: các bạn ông là những ai?

Chẳng nói chẳng rằng, tên khách lạ giở hộp đựng thuốc lá, rút ra bốn điếu ném lên bàn; rồi lại từ từ nhét lên bỏ vào hộp, nhét vào túi.

- À, à! Poirot kêu. Tôi hiểu. Vậy các bạn ông muốn gì?

- Muốn đề nghị ông đem khả năng - khả năng khá xuất sắc đấy - đi trở tài ở những vụ việc khác hơn. Ông Poirot, hãy trở lại công việc thường lệ của ông. Hãy giải những vụ mà các quý bà thượng lưu của London quan tâm.

- Tóm lại, ông đề nghị với tôi cả một chương trình không còn gì êm ái hơn - Poirot nói - Nhưng nếu tôi không chấp nhận?

Người nọ phác một cử chỉ đầy ý nghĩa:

- Thì chúng tôi và tất cả những người từng khâm phục ngài Hercule Poirot vĩ đại sẽ rất lấy làm tiếc. Nhưng nuối tiếc gì, dù sâu sắc đến mấy, cũng không làm con người sống lại...

Poirot gật gù:

- Thế là ông đã nói rõ rất khéo. Bây giờ giả thử tôi chấp nhận?...

- Trường hợp ấy, tôi được uỷ nhiệm đền bù ông hậu hĩ.

Hần rút trong túi ra mười tệp giấy bạc, bày lên bàn, mỗi tệp là mười tờ một ngàn.

- Đây mới chỉ là tiền đặt làm tin - hẳn nói - Ông sẽ có mười lần như thế.

- Lạy Chúa! - tôi thốt lên - sao người này lại dám...?

- Ngồi xuống, anh Hastings! - Poirot nghiêm nghị. Hãy tìm lòng trung thực của anh xuống và ngồi yên. Còn với ông, không gì ngăn cản tôi gọi điện thoại cho cảnh sát đến bắt ông. Ông bạn Hastings đây sẽ giữ ông không cho chạy trốn.

- Cứ thử xem - tên khách lạ điềm nhiên.

- Thôi đủ rồi - tôi không chịu được nữa và kêu lên - Poirot, anh gọi ngay cảnh sát, chấm dứt màn kịch này đi.

Tôi đứng lên, ra cửa quay lưng lại chỗ.

- Làm điều ấy lúc này là đúng đắn nhất - Poirot lầu bầu, như đang tranh luận với chính mình.

- Nhưng chắc ông cũng còn một chút hoài nghi - tên kia nói, ra vẻ rất thoải mái.

Tôi sốt ruột, giục:

- Nào, anh Poirot ...

- Tất cả trách nhiệm đè nặng lên ông đấy.

Trong khi Poirot nhắc máy, tên kia lao bổ vào tôi song tôi đã cảnh giác. Hai người ôm chặt nhau lăn trên sàn, vật lộn quyết liệt. Đột nhiên, tôi cảm thấy hần rã rời, yếu sức đi: tôi hăng hăng lên. Nhưng giữa lúc tôi sắp say sưa với thắng lợi, thì một điều kỳ lạ xảy ra. Tôi bị bắn về phía trước, lao đầu vào tường. Lúc gượng dậy được, thì đối thủ đã sập cửa biến mất. Tôi định ra theo, nhưng hai chúng tôi đã bị hần khoá cửa từ bên ngoài giam chặt. Tôi chạy lại chỗ điện thoại, giằng máy từ tay Poirot.

- A lô? Trực khách sạn phải không? Hãy bắt giữ một người đàn ông sắp ra, cao, gầy, mặc áo khoác cài khuy tận cằm, mũ mềm sụp mắt. Hắn đang bị cảnh sát truy nã.

Máy phút sau, có tiếng chìa khoá tra vào ổ; cửa mở, giám đốc khách sạn xuất hiện.

- Bắt được hần chưa? - Tôi hỏi.

- Không, không có ai đi xuống cả.

- Ông lại để hần qua mặt rồi.

- Chúng tôi không để ai qua mặt, thưa ông. Không người nào có thể chạy thoát.

- Nhưng ít nhất cũng có người nào qua mặt chứ? - Poirot nhẹ nhàng hỏi - một nhân viên khách sạn, chẳng hạn?

- Chỉ có một nhân viên bưng một cái khay, thưa ông.

- Ai - Poirot nói, giọng kéo dài đầy ý nghĩa.

- Chính vì thế mã áo khoác của hần mới cài khuy kỹ thế - Poirot bình luận sau khi giám đốc rút lui.

Tôi nói nhỏ:

- Anh Poirot, tôi rất ân hận. Đã tưởng là thắng được nó...

- Phải, tôi cho là hần đã giở với anh một miếng võ jui-jitsu. Không sao, anh bạn, tất cả đã diễn ra theo kế hoạch định trước. Đó đúng là điều tôi mong đợi.

- Còn cái này - vừa nói, tôi vừa lao xuống nhặt một vật màu nâu nằm dưới đất. Đó là một túi nhỏ đựng thiếp, chắc rơi ra từ túi áo tên ấy lúc vật nhau. Túi đựng hai hoá đơn mang tên Félix Laon, và một tờ giấy gấp tư. Tôi hồi hộp mở. Mấy dòng nguệch ngoạc bằng bút chì.

“Cuộc họp sắp tới của Hội đồng vào thứ sáu, mười một giờ, 34 phố Echelle”.

Dưới ký một số “4” lớn.

Hôm nay đúng là thứ sáu, và kim đồng hồ trên lò sưởi chỉ mười giờ rưỡi. Tôi thốt lên:

- May quá? Chúng ta đi ngay. Một dịp không ngờ.

- Hẳn đến là vì chuyện này đây - Poirot nói - Giờ tôi đã hiểu tất cả.

- Anh hiểu cái gì? Thôi đi, anh Poirot! Hãy nhúc nhích lên? Không lẽ ngồi đây mà ngáp vặt. Giờ hành động đã tới.

Poirot lườm tôi, lắc đầu, mỉm cười:

- Nhện nói với ruồi: mời anh đến chơi nhà tôi... hình như ngụ ngôn bắt đầu như thế? Không, chúng rất cáo, nhưng không cáo bằng Hercule Poirot.

- Anh định nói gì?

- Tôi tự hỏi về lý do cuộc viếng thăm vừa rồi, và tôi đã tìm ra. Anh tưởng rằng hẳn thực sự hy vọng mua chuộc được tôi, hoặc giả trò dọa nạt mà buộc được tôi buông tay? Chuyện ấy ít khả năng xảy ra. Vậy thì hẳn tôi để làm gì? Bây giờ tôi đã hiểu: đó là một kế hoạch rất khôn khéo! Trước tiên, thử mua chuộc hoặc dọa dẫm, rồi gây ra vật lộn (điều này không khó, vì có sự hăng hái tiếp tay của anh), rồi để rơi cái túi này! Bẫy đã giăng. Họp Hội đồng lúc mười một giờ, phố Échelle ư? Không đời nào! Hercule Poirot không để bị lừa dễ dàng đến thế!

Poirot chau mày:

- Còn một điều mà tôi chưa hiểu.

- Điều gì?

- Giờ... giờ! Nếu chúng định nhử tôi, thì vào ban đêm chắc chắn sẽ thuận lợi hơn. Tại sao lại mười một giờ? Phải chăng có một sự kiện nào sẽ xảy ra sáng nay. Một sự kiện mà chúng muốn giấu tôi?

Poirot lắc đầu, nói tiếp:

- Để rồi xem. Tôi sẽ ở lại đây. Chúng ta không đi đâu cả, và ngồi chờ.

Đúng mười một giờ rưỡi, một bức điện màu xanh được gửi tới. Poirot mở ra, bảo tôi đọc. Điện của bà Olivier. Nhà nữ bác học nổi danh mà chúng tôi được vinh dự tiếp kiến hôm trước để hỏi về ông Halliday, yêu cầu chúng tôi đến nhà ngay.

Chúng tôi lập tức đến Passy, và được bà Olivier tiếp vắn trong phòng khách nhỏ. Một lần nữa bà lại gây ấn tượng với tôi về trí thông minh kỳ lạ toát ra từ con người có bộ mặt nữ tu, đôi mắt rực sáng, xưng danh đệ tử xuất sắc của Becquerel và Curie. Bà đi thẳng vào vấn đề:

- Hôm qua, các vị đã hỏi tôi về ông Halliday mất tích. Giờ tôi lại biết các vị có trở lại lần thứ hai và yêu cầu gặp cô thư ký Inez Véroneau. Cô ta đã đi với các ông, nhưng không thấy trở về.

- Còn gì nữa, thưa bà?

- Còn nữa. Đêm vừa rồi, có người đột nhập vào phòng thí nghiệm của tôi... Nhiều giấy tờ bị đánh cắp. Bọn đạo chích còn định lấy đi một thứ gì quý hơn, song may thay, chúng không mở nổi cái két sắt lớn.

- Thưa bà, đây là sự thật: bà Véroneau, nguyên nữ thư ký của bà, thật ra là nữ bà tước Rossakoft, chuyên gia đạo chích. Bà ta đã tham gia vụ bắt cóc ông Halliday. Bà ta làm việc ở đây từ bao giờ?

- Năm tháng. Điều các ông vừa nói làm tôi kinh ngạc!

- Nhưng không phải không đúng sự thật. Những giấy tờ bị mất có dễ tìm không? Hay ngược lại? Bà có nghĩ là người lấy cắp phải là người biết rõ nơi chốn?

- Rõ ràng kỳ lạ là bọn ăn cắp biết nơi nào phải tìm. Ông cho rằng Inez...?

- Đã chỉ điểm cho kẻ cắp? Điều đó là chắc chắn! Nhưng cái vật quý mà chúng không mang đi được là cái gì? Đồ trang sức?

Bà Olivier lắc đầu.

- Một thứ quý giá hơn thế?

Bà ta nhìn quanh, rồi cúi xuống chúng tôi, khẽ nói:

- Radiom.
- Radiom?
- Phải, tôi có riêng một số lượng radiom, và còn mượn thêm một số nữa để có thể tiếp tục nghiên cứu. Dù số lượng tôi có trong tay là nhỏ, nó vẫn chiếm một phần đáng kể trong tổng số mà thế giới có, và đáng giá nhiều triệu phrăng.
- Radiom để ở đâu?
- Trong một hộp bằng chì, đặt trong cùng két lớn. Bề ngoài, chiếc két có vẻ cổ lỗ, nhưng thực ra có đủ các thiết bị hiện đại: an toàn tuyệt đối! Vì thế bọn cướp không mở được.
- Bà sẽ giữ số radiom này trong bao lâu?
- Còn hai ngày nữa là tôi kết thúc các thí nghiệm.

Mắt Poirot sáng lên :

- Inez Véroneau có biết như thế không? Biết? Nếu vậy các ông bạn chúng ta sẽ quay trở lại. Bà đừng để lộ tôi với ai, tôi cam đoan sẽ bảo vệ radiom cho bà. Chìa khoá cửa phòng thí nghiệm đi ra vườn, bà có không?
- Nó đây! Tôi giữ chiếc thứ hai cho tôi. Đây là chìa khoá chiếc cửa vườn đi ra lối đi ngăn giữa nhà tôi và nhà trước mặt.
- Xin cảm ơn bà. Tối nay bà đi nghỉ như thường lệ, không lo ngại gì, mọi việc để mặc tôi. Nhất là đừng nói gì với ai hết, kể cả với hai người phụ tá, cô Claude và ông Henri thì phải? Với họ càng không được nói.

Khi rời khỏi ngôi nhà, Poirot xoa tay thoải mái.

Tôi hỏi:

- Ta làm gì bây giờ?
- Rời ngay Paris, đi sang Anh.
- Sao?
- Ta hãy chuẩn bị hành lý, đi ăn sáng rồi ra ga Bắc.
- Nhưng... còn radiom?
- Tôi đã bảo là chúng mình đi sang Anh, chứ có bảo là tới nước Anh đâu Hastings, hãy suy nghĩ một lát. Nhất định chúng ta đang bị theo dõi, cần phải làm cho đối thủ tưởng ta đã đi. Để chúng tin thế thật ta phải lên tàu.
- Anh muốn nói là đến phút chót ta sẽ lộn lại?
- Không, kẻ thù chỉ yên tâm khi chúng nhìn thấy ta thực sự khởi hành.
- Nhưng tàu sẽ chạy một mạch không dừng, cho tới Calais?
- Nó sẽ dừng, nếu ta trả tiền.
- Trời ơi, Poirot, anh nghĩ rằng chỉ bỏ tiền mà bắt được tàu tốc hành dừng bánh?
- Anh bạn ơi, anh không bao giờ nhận thấy trong toa tàu có một cái dây gọi là Báo hiệu cấp cứu? Ai giật bậy không lý do sẽ bị phạt khoảng trăm phrăng gì đó.
- Vậy anh sẽ giật dây báo động?
- Không phải tôi! Mà là Pierre Cambeau, một người bạn. Trong khi anh ta phân bua với trưởng tàu và hành khách xúm xít chung quanh, thì chúng mình chuẩn.

Kế hoạch của Poirot được thực hiện đúng như vậy. Pierre Combeau, một bạn nối khố của Poirot, rất quen thuộc với các mảnh khoé của anh, chấp nhận tiếp tay. Dây báo động được kéo lúc tàu ra tới ngoại ô. Combeau vào vai rất thiện nghệ. Thừa lúc đó, Poirot và tôi xuống tàu không ai để ý. Điều đầu tiên phải làm

là cái trang cẩn thận; những vật dụng cần thiết đã có trong chiếc vali nhỏ mang theo. Poirot và Hastings biến thành hai kẻ lang thang mặc áo lao động ngồi ăn trong một hàng quán tồi tàn.

Gần mười một giờ, chúng tôi có mặt trước nhà bà Olivier. Sau khi quan sát kỹ tứ phía, chúng tôi lên vào lối đi vắng lặng, chắc chắn không bị ai trông thấy. Poirot thì thầm bên tai tôi:

- Mình chưa chắc gặp chúng hôm nay. Có thể tối mai chúng mới tới? Nhưng chúng biết chắc là radiom chỉ còn đó trong hai đêm nữa.

Chúng tôi khẽ khàng mở cửa vườn, bước vào thật êm.

Đột biến bất ngờ xảy ra. Trong nháy mắt, chúng tôi bị bao vây, bị nhét giẻ vào miệng và trói gô. Chúng có ít nhất mười tên, nên mọi sự chống cự là vô ích. Chúng tôi bị khiêng như hai cái bị vào nhà bà Olivier. Sao không vào nhà bên cạnh? Bọn khốn kiếp đã giở trò gì với nhà nữ bác học? Bọn chúng có chìa khóa mở phòng thí nghiệm, quăng chúng tôi vào. Một tên đục vào kết, cửa mở ngay. Thú thật là trong một thoáng, tôi lạnh ớn sống lưng, lo bị chúng bỏ vào trong đó để cho chết ngạt!

Nhưng, ô lạ sao, kết sắt không phải là kết sắt! Bên trong cùng, có những bậc thang dẫn xuống hầm. Hai chúng tôi được khiêng xuống một phòng rộng dưới đất, và đặt vào một xó.

Một người đàn bà đứng đó, cao lớn, đường bệ, đeo mặt nạ bằng nhung đen. Sau một hiệu lệnh của con người bí ẩn đó, bọn kia rút lui. Chỉ còn hai chúng tôi với mặt nạ. Không nghi ngờ gì nữa: chính là người đàn bà Pháp, "Số Ba" của Bộ Tư vĩ đại.

Mặt nạ cúi xuống bỏ giẻ ở miệng chúng tôi, nhưng vẫn để dây trói. Rồi đứng lên, nhìn thẳng chúng tôi, mặt nạ bằng một khoát tay nhanh chóng.

Đó là bà Olivier!

- Ngài Poirot - giọng mặt nạ báng sâu cay - Ngài Poirot kỳ tài, ngài Poirot độc nhất vô nhị! Sáng hôm qua, tôi đã có lời cảnh báo ông, ông đã không thêm đếm xỉa, đã nghĩ rằng có thể dùng mưu mẹo chống đối chúng tôi. Bây giờ ông đã ở đây. Trong tay chúng tôi.

Một sự tàn ác lạnh lùng, trái hẳn với ánh mắt tinh nhanh, toát ra từ người đàn bà này. Toàn thân tôi lạnh toát.

Poirot không nói gì. Anh há hốc miệng ngấm nhìn người đàn bà có vẻ điên, hoàn toàn điên dại vì ham quyền lực này, cái điên dại chỉ những bộ óc siêu phàm mới có. Mặt nạ mỉm cười:

- Nào, thế là hết. CHÚNG TA không cho phép ai ngáng trở kế hoạch của mình. Ông có đề nghị một lời cuối cùng nào không?

Chưa bao giờ, cả trước đó và về sau này, tôi cảm thấy mình cận kề cái chết bằng lúc đó.

Poirot thật đáng khen. Điềm nhiên, không động đậy, anh tiếp tục ngấm thẳng mặt nạ với vẻ thích thú thực tâm.

- Tôi rất quan tâm quan sát tính cách, tâm lý của bà, tiếc rằng không còn nhiều thì giờ để nghiên cứu! Vâng, tôi có một yêu cầu. Một tử tù bao giờ cũng được phép hút thuốc cuối cùng. Thuốc ở trong túi tôi vậy nếu bà cho phép...

Anh đưa mắt chỉ những dây trói làm anh không cựa quậy được.

- Tất nhiên! - mặt nạ cười và nói - ông muốn tôi nới lỏng đôi tay? Hercule Poirot, ông khôn lắm. Nhưng tôi khôn không kém nên không dại gì nghe ông. Nhưng ông sẽ có thuốc!

Mặt nạ quỳ xuống, lấy hộp thuốc trong túi Poirot, rút một điếu đặt vào miệng anh.

- Bây giờ, ông cần diêm - mặt nạ đứng lên.

- Không cần, thưa bà, xin cảm ơn.

Giọng Poirot có vẻ gì lạ khiến tôi giật mình. Mặt nạ Olivier cũng lộ vẻ ngạc nhiên.

- Đứng yên, không đụng đây, thưa bà! Không nghe theo, bà sẽ hối tiếc! Bà có biết đặc tính của chất cu-ra? Người Da đỏ Nam Mỹ dùng nó để tẩm tên độc, gây cái chết tức khắc. Một số bộ lạc để nó vào ống nhỏ để thổi vào cho khuyếch tán. Điều thuốc này của tôi cũng có chức năng ấy. Tôi chỉ cần thổi... A! Bà giật nảy mình? Hãy đứng yên! Điều thuốc này cực kỳ lợi hại. Chỉ thổi nhẹ, một mũi tên nhỏ xíu sẽ bay tới đích... Bà muốn chết không? Không? Nếu vậy, hãy cởi trói cho ông Hastings. Vâng, chân tay tôi bị trói, nhưng tôi có thể quay đầu, thổi mũi tên vào bà, bà chớ quên điều đó!

Tay run bần bật, mặt rúm ró vì tức giận và hận thù, mụ Olivier cúi xuống thi hành lệnh của Poirot. Tôi được cởi trói. Poirot hướng dẫn tiếp:

- Hastings, dây trói anh, giờ dùng để trói bà. Thật chắc chưa? Rồi, vậy anh cởi cho tôi. May mắn sao là bà đây đã cho các phụ tá ra ngoài? Mong sao ta sẽ không bị chúng chắn lối ra!

Trước khi rút, Poirot nghiêng mình lịch sự:

- Không dễ gì sát hại được Hercule Poirot đâu, thưa bà. Chúc ngủ ngon!

Miệng bị bịt giẻ nên mụ Olivier không đáp lại, song ánh mắt căm thù mụ phóng ra đủ làm tôi phát khiếp, và cầu mong đừng bao giờ rơi vào tay mụ nữa.

Thật may, chúng tôi không gặp ai. Khu vườn vắng lặng.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã đi giữa phố xá Paris. Hercule Poirot nắm chặt hai bàn tay, lúc này mới hả cơn tức giận:

- Tôi thật đáng đời với những gì mụ đàn bà ấy nói! Tôi là một anh đại ngu! Một thằng ngốc, trẻ ranh, một thám tử phường chèo! Thế mà lại từng tự hào không để mắc bẫy. Con quỷ cái ấy đã lừa được tôi! Véra Rossakoff không phải tay chân của mụ. Mụ Olivier cần những ý tưởng của Halliday: nếu ý tưởng đó còn khiếm khuyết, mụ thừa tài để bổ sung. Đúng, giờ ta đã biết “Số Ba” là ai! Là người đàn bà thông minh nhất, học thức nhất, nổi danh nhất thế giới! Giờ anh đã thấy hết sức mạnh của bọn Bốn Người chưa? Toàn bộ trí óc phương Đông, toàn bộ khoa học phương Tây, toàn bộ sự giàu có châu Mỹ... Và ta còn phải xác định danh tính của “Số Bốn” nữa! Sáng mai, ta sẽ trở về London, và sẽ bắt tay vào việc.

- Anh không tố cáo mụ Olivier với cảnh sát?

- Họ sẽ không tin đâu! Ở đây, mụ được kính trọng như một thần tượng. Vả lại, ta chẳng có bằng chứng gì. Ngược lại, mụ không tố cáo chúng ta trước pháp luật đã là may rồi.

- Vô lý. Sao lại thế?

- Chắc chắn là thế. Hãy suy nghĩ một chút: chúng mình bị bắt quả tang ở trong nhà mụ, tay cầm những chìa khóa mà mụ sẽ thề là không hề đưa cho ta. Mụ bắt gặp ta trước két sắt, ta trói mụ, nhét giẻ mụ rồi chạy trốn! Hastings, anh chớ nên ảo tưởng. Chúng mình sẽ rất khó ăn khó nói. Thôi, ngày mai ta rời Paris thật sớm!

8. Trong Nhà Kẻ Thù

Về tới London, Poirot có nhiều thư đang đợi. Anh đọc rồi đưa một lá cho tôi với nụ cười khác thường.

- Anh hãy đọc xem.

Trước hết tôi nhìn chữ ký: “Abe Ryland” và nhớ tới Poirot từng nói: “Người giàu nhất thế giới”.

Thư ông Ryland viết ngắn và gay gắt. Ông tỏ sự bất bình về những lý do Poirot viện ra để không đi Nam Mỹ vào phút chót, từ chối sự đề nghị hào hiệp của ông.

- Cũng đáng để suy nghĩ, phải không Hastings?

- Ô! Tất nhiên là ông ấy bực mình!

- Anh chưa hiểu. Chẳng hơn gì mọi lần! Nào, anh hãy nhớ những lời của Mayerling, người đã trốn vào đây rồi chết vì tay kẻ thù. “Số Hai” được biểu hiện bằng chữ S có hai gạch, ký hiệu đồng đôla, hoặc gạch hai gạch

và một ngôi sao. Suy ra, hẳn là người Mỹ và đại diện quyền lực đồng tiền. Thêm vào đó là Ryland biểu tôi một số tiền lớn để khiến tôi đi khỏi nước Anh đúng lúc tôi sắp quan tâm đến vụ Bốn Người. Bây giờ anh hiểu chưa?

- Anh định nói là anh nghi Abe Ryland, nhà tỉ phú, chính là “Số Hai” của Bộ Tứ vĩ đại?

- Hastings, anh đã sáng ra rồi đây. Phải, đó là điều tôi nghĩ. Cái giọng anh dùng để nói “tỉ phú” là rất ý nghĩa. Nhưng cách đây ba ngày, ai có thể ngờ thực chất của bà Olivier? Bạn ơi, hãy khẳng định đi, tổ chức này do những nhân vật xuất chúng cầm đầu, và ngài Ryland còn lâu mới được tiếng là nhà từ tâm bác ái... Trong công việc, hẳn rất nhẫn tâm. Tiền, tham vọng, không từ một cái gì hết; tóm lại, một con heo mập cỡ bự.

- Nhưng tại sao anh đi đến kết luận như vậy? Bằng chứng đâu? Có chắc chắn không?

- Tôi sẵn lòng đổi mọi thứ để có điều đó! Trong khi chờ đợi, cứ cho phép tôi, về giả thuyết, coi Abe Ryland là “Số Hai” và chúng ta đang gần tới đích.

- Theo thư, Ryland vừa tới London; anh có định gặp và xin lỗi ông ta không?

- Có thể.

Hai hôm sau, Poirot về nhà trong tình trạng kích động cực điểm, nắm chặt tay tôi nói liên hồi:

- Bạn ơi, ta sắp có cơ hội vô song, một dịp may hiếm có không bao giờ lặp lại! Nhưng nguy hiểm đấy, rất nguy hiểm, nên tôi không dám đòi hỏi anh cùng trải.

Tôi nhún vai. Nếu Poirot tưởng đoạ được tôi, thì anh đã lầm!

Cổ kìm xúc động, ngài thám tử trình bày kế hoạch. Abe Ryland đang kiếm một thư ký người Anh có học thức, lịch thiệp, và Poirot nghĩ tôi có thể nhận việc đó. Anh thanh minh:

- Bản thân tôi có thể làm việc ấy, song không thể tài nào cải trang cho phù hợp. Đã đành, tôi nói thạo tiếng Anh, trừ những lúc bị xúc động. Nhưng cái giọng lơ lớ của tôi sẽ bị chú ý liền. Dù tôi chịu hy sinh cạo bộ ria mép, người ta vẫn nhận ra tôi!

Anh nói đúng. Và tôi tuyên bố sẵn sàng đóng vai thư ký để xâm nhập vòng thân cận của Ryland. Song tôi nói:

- Tôi cuộc hai ăn một là ông ta sẽ không nhận tôi làm thư ký.

- Tôi nghĩ trái lại. Tôi sẽ xoay cho anh đủ chứng chỉ tốt nhất khiến hẳn thêm rõ ràng! Anh sẽ được đích danh Bộ trưởng Bộ Nội vụ giới thiệu. Tôi từng giúp ông ta một việc khiến ông thoát khỏi tai tiếng lớn giải quyết kín đáo và êm nhẹ, nên ông ta rất thân với tôi!...

Việc đầu tiên phải làm là nhờ sự giúp đỡ của một chuyên gia hoá trang. Ông chuyên viên này, hao hao giống Poirot một cách kỳ lạ, ngắm nghía tôi hồi lâu rồi bắt tay vào việc. Một giờ sau nhìn vào gương, tôi sững người. Tôi không nhận ra tôi nữa.

Đôi giầy thừa đặc biệt khiến tôi cao thêm ít nhất năm phân, chiếc áo khoác thùng thình làm tôi gầy bớt. Hàng lông mày sửa sang rất khéo khiến bộ mặt mang dáng vẻ khác hẳn. Hai má tôi được độn thêm bông, màu da rám nắng biến thành màu nhợt nhạt. Cuối cùng, râu mép tôi bị cạo phẳng, và khi tôi mở miệng nói, hở ra lóng lánh một chiếc răng vàng.

- Từ nay - Poirot nói - tên anh là Arthur Neville. Cầu Chúa phù hộ! Có thể anh sẽ gặp nguy hiểm.

Tim đập mạnh, tôi đến Savoy vào giờ ông Ryland đã hẹn.

Hai phút chờ đợi, tôi được dẫn lên căn hộ. Ryland ngồi ở bàn. Tôi thấy lá thư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ để mở trước mặt ông. Đây là lần đầu tiên gặp nhà tỷ phú nên dù không muốn tôi vẫn bị ấn tượng. Người cao dong, cằm nhô, mũi hơi khoằm, tóc muối tiêu. Đôi mắt xám và lạnh dưới lông mày hình cung.

Ông ta ngậm điều xì gà dài lệch một bên miệng (về sau, tôi thấy không lúc nào Ryland bỏ thói quen ấy).

- Xin mời ngồi - ông ta nói.

Tôi làm theo, ông chỉ lá thư trước mặt:

- Cứ theo lời Bộ trưởng, ông là người hoàn hảo, tôi khỏi phải kiếm đâu hơn. Nhưng ông có thực sự am hiểu lễ thói của giới thượng lưu?

Tôi đáp ông có thể yên tâm về mặt ấy.

- Nếu tôi tiếp các khách là công tước, bá tước, tử tước hoặc các nhân vật tương tự trong lâu đài của tôi ở nông thôn, ông biết cách tiếp họ theo đúng lễ thói và sắp xếp họ ngồi vào bàn ăn đúng chỗ?

- Được ạ! - tôi mỉm cười, đáp.

Một cái liếc mắt nữa nhìn lá thư quan trọng của Bộ trưởng, thế là tôi được chấp nhận.

Người ông Ryland muốn có là một người Anh quen các thói tục của xã hội thượng lưu: ông ta cần một thư ký bất thiệp cạnh người thư ký riêng, cô tóc ký, vân vân.

Hai hôm sau, tôi đi Hatton Chase, lâu đài của công tước Loamhire, mà Ryland đã thuê trong sáu tháng.

Chức vụ của tôi chẳng khó khăn gì. Tôi đã có lúc làm thư ký riêng cho một nghị sĩ quốc hội, do đó việc này không vượt quá khả năng.

Ông Ryland tiếp rất nhiều khách vào dịp nghỉ cuối tuần, nhưng những ngày khác thì tương đối êm ả. Hiếm khi tôi được gặp ông Appleby, viên thư ký người Mỹ, song trông anh ta có vẻ cảm tình, típ doanh nhân trẻ Hoa Kỳ! Cô Martin, nữ tóc ký, thì tôi có dịp chuyện trò nhiều hơn. Cô ta là một phụ nữ xinh đẹp và đứng đắn, tóc màu hạt dẻ, đôi mắt đen thường sụp xuống, đôi khi ánh lên những tia ác ý. Tôi có cảm tưởng cô có ác cảm và cảnh giác với ông chủ. Nhưng hai chúng tôi chưa đủ thân mật để bàn chuyện đó.

Khỏi phải nói là tôi rất chú ý quan sát mọi nhân vật ở đây. Một anh bồi, một cô hầu phòng mới vào làm gần đây, ông bếp trưởng, anh gác cửa và người quản gia vốn là người làm cho công tước, nhưng bằng lòng ở lại phục vụ ông chủ mới. Các cô phục vụ khác không có gì đáng để ý; ngược lại, tôi chú ý đến James, anh bồi thứ hai, mà ông bếp trưởng mới mượn gần đây.

Người tôi cảnh giác nhất là Deaves, tên bồi phòng của Ryland, được ông này mang từ New York tới. Hẳn người gốc Anh, thái độ luôn tề chỉnh; tuy nhiên, hẳn gọi cho tôi những nghi hoặc mơ hồ.

Tôi đã ở Hatton Chase ba tuần mà không có chuyện gì xảy ra: không bằng chứng gì để củng cố giả thuyết của chúng tôi. Không dấu vết gì của Bộ Tứ. Ông Ryland là người có tính tình và nhân cách đàng hoàng, và tôi nghĩ Poirot đã lầm khi coi ông ta là thành viên của cái tổ chức khủng khiếp nọ.

Một tối lúc đang ăn, tôi nghe ông Ryland noi đến tên Poirot.

- Người ta bảo tôi cái ông Poirot nay rất tài ba, còn tôi nói ông ta là kẻ chạy làng! Tôi đã đề nghị một việc, ông ta nhận lời, thế mà đến phút chót, ông ta bỏ lửng! Tôi không tin nữa vào cái ông Hercule Poirot của các ông!

Những lúc đó, sao mà chiếc răng giả và mấy nệm bông làm tôi đau buốt óc!

Ít lâu sau, Ryland đi London suốt cả ngày, có Appleby theo. Sau tuần trà, cô Martin đi dạo với tôi trong vườn. Trông cô có vẻ buồn bã, lúng túng, nóng nảy; tôi nhìn cô một cách cảm tình nhưng không dám hỏi. Tôi mến cô gái này và rất muốn giúp đỡ an ủi cô. Với linh tính phụ nữ, cô cảm thấy ngay.

- Ông Neville có biết là tôi định xin thôi việc?

Tôi ngạc nhiên nhìn cô, và cô nói tiếp:

- Tôi biết rõ là về mặt vật chất, chỗ làm ở đây rất tốt, không đại gì rồi bỏ; nhưng bị người ta lăng mạ thì tôi không chịu được! Nếu ông Ryland là người quân tử thực, ông sẽ không đối xử như thế.

- Ông ấy tỏ ra lỗ mãng với cô?

Cô gật đầu.

- Tính khí ông ấy hay cáu giận. Nếu ông ta ít nhiều biết tự kiềm chế, tôi còn chịu được. Nhưng hôm nọ ông ấy nổi xung ghê gớm vì một chuyện không đâu, làm tôi phải khiếp.

- Chuyện gì vậy?

- Như ông biết, tất cả thư từ của ông Ryland đều do tôi mở; một số tôi chuyển cho ông Appleby, số còn lại do tôi giải quyết. Trong khi phân loại, thỉnh thoảng tôi thấy những phong bì xanh đánh dấu con số 4 ở góc... Ông Neville, tôi xin lỗi, ông vừa nói gì cơ?

Tôi lắc đầu, yêu cầu cô kể tiếp. Sự thật là điều cô vừa nói đã làm tôi thốt lên một tiếng kêu.

- Những thư đánh dấu số 4 phải được chuyển nguyên si cho ông Ryland; điều đó tôi đã thuộc. Song hôm qua thư từ nhiều quá, trong khi mở vội, tôi đã lỡ mở một phong bì màu xanh đỏ. Biết là mình nhỡ tay, tôi đem ngay thư ấy đưa ông Ryland và giải thích sự việc. Không ngờ ông ấy nổi cáu kinh khủng, làm tôi sợ hãi thực sự.

- Thư ấy nói gì mà ông ấy lên cơn như thế?

- Chẳng có gì đặc biệt, thế mới lạ. Tôi đã đọc trước khi biết mình nhầm, và lá thư rất ngắn nên nội dung vẫn đọng lại trong óc tôi; đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi có gì mà quan trọng vậy!

- Thật à, cô vẫn còn nhớ? - Tôi hỏi, giọng khích lệ.

Sau một lát suy nghĩ, cô Martin chậm chậm nhắc lại:

"Thưa ông, điều cấp bách là qua gặp ông ấy để xem trang trại cùng mỏ đá. Giá tiền mười bảy ngàn livơ là mua được. Mười một phần trăm hoa hồng là quá đáng. Bốn phần trăm là đủ. Kính chào.

Arthur Leversham".

Cô Martin nhún vai nói tiếp:

- Chắc đó là một trang trại ông Ryland định mua, nhưng tôi coi một người nổi khùng lên như vậy là nguy hiểm. Ông là người kinh nghiệm, ông bảo tôi nên làm gì?

Tôi an ủi, nói rằng ông Ryland chắc đau chứng táo bón, vốn là căn bệnh truyền kiếp của người Mỹ, không nên quan trọng hoá vấn đề. Và cô Martin hoàn toàn bình tĩnh lại khi chúng tôi chia tay.

Phần tôi, tôi không bình tĩnh chút nào! Còn lại một mình, tôi ghi và đọc lại nội dung bức thư kỳ lạ. Bề ngoài vô hại, nhưng bên trong nó chứa đựng ý nghĩa gì? Có phải chỉ là một vụ mua bán mà Ryland không thích mọi người biết chi tiết? Nếu vậy sao lại có số 4 nhỏ ở góc phong bì? Phải chăng tôi đang trên đường tìm ra vết tích?

Cả đêm tôi nghiền cứu bức thư, mờ sáng tôi ngủ thiếp đi vì mệt, vẫn không tìm ra lời giải. Hôm sau đột nhiên lời giải hiện lên, và nó vô cùng đơn giản. Con số 4 là chìa khóa giải bí ẩn. Thật vậy, đọc thư nhảy bốn chữ một, sẽ cho một câu ý nghĩa khác hẳn:

"Cấp bách gặp ông mỏ đá mười bảy mười một bốn".

Số mười bảy chắc tương ứng với ngày 17 tháng Mười, tức ngày mai; mười một là giờ, và bốn là chữ ký của "Số Bốn", Kẻ Tiêu Diệt bí hiểm, hoặc đó là dấu hiệu ước lệ của một tên tay chân trong bọn.

Còn về mỏ đá, tuyệt thay, thật là rõ: cách lâu đài năm trăm mét, ngay trong khu vực trang trại, có một mỏ đá bỏ không nằm ở một nơi vắng vẻ, địa điểm lý tưởng cho một cuộc hẹn bí mật.

Trong một thoáng, tôi đã định tự lo việc này, để thêm một bông hoa trên vương miện! Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi đổi ý: trách nhiệm quá nặng nề, và tôi không có quyền đơn thương độc mã, có nguy cơ làm hỏng việc lớn.

Một khi chiếm được lợi thế với kẻ thù, cần phải khai thác tối đa. Poirot sẽ khôn khéo hơn tôi rất nhiều, điều đó tôi phải công nhận.

Tôi liền viết thư ngay, kể mọi chuyện cho anh. Anh sẽ tự nhận ra tầm quan trọng của cuộc hẹn này. Tôi nói sẵn sàng một mình lo toan việc này, nhưng cũng cho anh mọi chỉ dẫn cần thiết để tới mỏ đá, trong trường hợp anh thấy cần phải đích thân can thiệp.

Hôm sau, tôi như ngồi trên đồng lửa. Không có khách khứa nào, nên tôi đành ở với ông Ryland suốt buổi tối trong văn phòng. Tôi đã đoán trước không thể ra đón Poirot ở sân ga, song tin rằng tôi sẽ được rảnh trước mười một giờ. Và quả nhiên như vậy.

Mười giờ rưỡi, ông Ryland nhìn đồng hồ và tuyên bố “tối nay thế là xong”. Không đợi bảo tới hai lần, tôi lên phòng mình làm như đi ngủ, nhưng lại xuống ngay bằng cầu thang xếp, ra vườn. Tôi mặc áo khoác màu sẫm để dễ bề che giấu.

Đi quá một quãng, tôi quay lại nhìn phía sau và thấy ông Ryland ra khỏi văn phòng. Hẳn ông ta đi đến nơi hẹn. Tôi rảo bước nhằm giữ khoảng cách, và tới mở đã, miệng thở gấp.

Nơi đây có vẻ hoàn toàn vắng lặng. Tôi nấp vào một bụi cây, chờ xem.

Hai phút sau, lúc mười một giờ đúng, Ryland xuất hiện, đội mũ sụp mắt, điều gì gà bất biến trên môi.

Ông ta nhìn vòng quanh rồi biến vào trong mỏ đá. Rồi tôi nghe thấy tiếng nói rì rầm: người hẹn (hoặc những người hẹn) hẳn đã tới.

Tôi bò ra khỏi bụi cây, lườn từng bước dọc con đường nhỏ khắp khếnh, đến lúc chỉ còn bị ngăn cản với đôi thủ bằng một tảng đá lớn tôi nấp phía sau. Đó là một điểm nghe trộm tuyệt vời.

Yên tâm mình được an toàn, tôi cúi về phía trước để nghe cho rõ hơn, thì... nhìn thấy trước mặt một nòng súng đen ngòm.

- Giờ tay lên! - tiếng của Ryland - Ta vẫn chờ đây.

Hắn ngồi khuất bên kia tảng đá; tôi không nhìn thấy hắn, nhưng cứ nghe giọng nói đanh gọn là đủ hiểu tình thế của mình!

Lại có một nòng thép lạnh chạm vào sau gáy tôi. Đến lúc này, Ryland mới hạ khẩu súng lục của hắn, ra lệnh:

- Tốt lắm. George! Giải hắn tới đây.

Lòng đầy căm hận, tôi đành để mình bị lôi đi, bị nhét giẻ vào mồm và bị tên George vô hình trói chặt (mà tôi đoán không ai khác là thằng cha Deaves)!

Ryland nói tiếp, nhưng bằng giọng cứng rắn đến mức tôi khó nhận ra:

- Đã đến lúc phải kết liễu với hai ông thôi. Các ông đã ngăn trở kế hoạch của Bộ Tứ. Phải trả giá! Ông có nghe nói chuyện đá lở không? Cách đây hai năm ở đây đã xảy ra một vụ; tối nay sẽ có một vụ nữa. Tôi quyết định như thế. Chỉ còn đợi ông bạn của ông nữa thôi. Ông ta không đứng hẹn nhỉ!

Tôi vô cùng hối hận về ý nghĩ đã gọi Poirot đến đây để rồi cũng mắc bẫy. Miễn là anh quyết định để mặc tôi lo một mình! Miễn là anh chưa đi khỏi London.

Các giây phút càng trôi, tôi càng hy vọng.

Nhưng, hỡi ôi. Một tiếng động rất nhỏ làm tôi hiểu là đã hy vọng hão. Tôi nghe có tiếng đi nhẹ, rất nhẹ... Đến gần, vẫn gần nữa... Vậy mà tôi bất lực bị bịt miệng, không thể báo hiệu cho người bạn vô cùng thân thiết... Ôi oái oăm!

Không thể nhầm lẫn: tiếng chân đi từ phía ngoài đường. Cuối cùng một bóng đen xuất hiện, nghiêng đầu một bên, dò tìm.

Ryland hừ lên một tiếng hài lòng, giờ súng:

- Giờ tay lên!

Cùng lúc, Deaves nhảy xổ vào Poirot, ôm chặt phía sau. Nhà thám tử đại tài bị bắt.

- Tôi rất vui được gặp ông, ông Hercule Poirot - Ryland dần từng tiếng.

Sự bình tĩnh của Poirot thật tuyệt vời. Anh không chớp mắt, nhìn quanh trong đêm tối:

- Bạn tôi có đây không?

- Lẽ dĩ nhiên, cả hai đều đã mắc bẫy...

Poirot phá lên cười:

- Ông nói bẫy nào vậy?

- Ông không thấy đó ư?

- Đúng là có bẫy - Poirot thản nhiên đáp - nhưng ông lầm. Người bị mắc bẫy, chính là ông!

- Ông nói gì? - Ryland giơ súng, thốt lên.

- Nếu ông bắn, ông phạm tội giết người trước mười cặp mắt nhân chứng và sẽ bị treo cổ, chắc như hai cộng hai là bốn. Nơi chúng ta đứng đã bị cảnh sát bao vây từ hơn một giờ. Chịu thua đi, ông Ryland!

Poirot huýt một tiếng, và như có phép thần, cảnh sát bổ ra từ tứ phía. Trong nháy mắt, Ryland và tên đồng bọn bị bắt và tước vũ khí.

Sau khi trao đổi vài lời với viên sĩ quan chỉ huy, Poirot cầm tay tôi dắt đi. Vừa ra khỏi mỏ đá, cử chỉ đầu tiên của anh là ôm hôn tôi, hỏi tôi có bị thương tổn gì không.

Cuối cùng anh ngợi khen tôi và tỏ sự ân hận về việc đã để tôi phải đóng vai trò này.

- Không sao, mọi việc đã qua là đã qua và kết thúc tốt đẹp. Nhưng Poirot này, sao anh đoán được là chúng lại giăng bẫy tôi lần nữa?

- Thì chính tôi đang chờ đợi điều này mà! Khốn khổ anh nghĩ tôi đưa anh vào đây làm gì? Hãy nghĩ xem, này tên giả, này cái trang... Những thứ đó đánh lừa được Ryland ư?

- Sao? Vậy mà anh không nói gì với tôi?

- Như tôi đã từng nhận xét, bản chất anh quá thật thà nên không thể đánh lừa được ai, chỉ trừ tự đánh lừa mình mà thôi. Theo tôi dự đoán, anh đã bị phát hiện ngay lúc mới vào nhận việc. Điều đó tất yếu như toán học, với ai biết để chất xám làm việc. Chúng đã sử dụng anh như con mồi, để hồng bắt tôi. Con về cô tóc ký... nhân tiện hỏi, có phải cô ta có bộ tóc hung đỏ?

- Nếu người anh định nói là cô Martin - tôi hậm hực - thì tóc cô màu hạt dẻ óng ánh rất đẹp, và...

- Những con người này cực kỳ tinh xảo. Chúng đã nghiên cứu cả những điểm yếu của anh. Này nhé, cô Martin cũng là người trong bọn! Cô ta kể chuyện Ryland nổi khùng và khi anh tỏ vẻ bất bình, nàng liền đọc nội dung bức thư. Con số được tính toán khéo léo, vừa khó vừa dễ. Chàng Hastings suy ngẫm, tìm ra lời giải và báo ngay Poirot... Đến đây, mọi việc của Bộ Tứ đều suôn sẻ, nhưng chúng không biết là Poirot đã dự đoán tất cả! Nhận thư anh, tôi gặp Japp và bố trí mọi thứ để đạt được kết quả thắng lợi như anh vừa chứng kiến.

Tôi nói thẳng với Poirot là tôi rất không bằng lòng với cái vai anh bắt tôi đóng. Dù sao tôi vẫn khoan khoái vứt bỏ chiếc răng giả và cái tên giả để sung sướng trở về London!

Sáng hôm sau, tắm táp xong, tôi hoan hỉ nghĩ tới bữa điểm tâm ngon miệng, thì nghe tiếng Japp trong phòng khách. Tôi khoác vội chiếc khăn tắm và đi ra.

- Anh có thể khoe là đã lôi chúng tôi vào một chuyện huyền hoặc tài tình - Japp nói - Anh Poirot, anh mà cũng lắm thế ư?

Nét mặt của Poirot lúc này thật đẹp.

Japp tiếp:

- Anh đã làm chúng tôi bắt lầm tên hầu thay cho chủ hân.

- Tên hầu nào? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- James, tên bồi thứ hai của ông Ryland! Hắn đã cuộc với các gia nhân khác là sẽ đóng giả ông chủ để vạch mặt một tên gián điệp (nó ám chỉ ông đấy, ông Hastings), đang dò xét mọi người ở Hatton Chase!

- Vô lý - tôi nói.

- Ông Hastings tội nghiệp, tôi đã cũng đi với tên cha tiệt ấy đến lâu đài và thấy ông Ryland chính cồng nằm ngủ say trên giường! Tên bếp trưởng tên quản gia và cả lũ gia nhân đều thề chỉ là một trò đánh cuộc. Một trò hề dớ dẩn, không hơn. Tất nhiên, tôi đã trả tự do cho thằng hầu ấy rồi.

- Vậy là hắn vẫn đang trong bóng tối - Poirot nói.

Japp đi rồi, chúng tôi nhìn nhau. Bạn tôi nói:

- Bây giờ ta đã biết thêm. Abe Ryland là “Số Hai” của “Bộ Tứ vĩ đại”. Trò giả trang tên hầu tham gia là nhằm đối phó với trường hợp nguy hiểm. Tên hầu đó... chính là “Số Bốn”? - Poirot nghiêm nghị kết luận.

9. Bí Mật Của Hoa Nhài Vàng

Poirot luôn miệng nói ngày càng có nhiều hiểu biết về kẻ thù. Phần tôi, tôi ưa những kết quả cụ thể hơn.

Từ khi chúng tôi được biết về bọn Bốn Người, chúng đã giết hai mạng người, bắt cóc Halliday và suýt đưa Poirot và tôi sang thế giới bên kia. Thắng lợi duy nhất của chúng tôi là hãy còn sống!

Poirot không chia sẻ sự bí quan ấy.

- Tôi công nhận là đến nay, chúng vẫn qua mặt ta, nhưng hãy đợi đấy: cười người hôm trước, hôm sau người cười! Và anh nhớ cho rằng đây không phải vụ án hình sự tầm thường, mà là một mưu đồ có tầm thế giới do những bộ óc siêu đẳng chỉ huy.

Tôi cố dò xem Poirot định làm gì. Nhưng như thường lệ, anh vẫn giữ kín hành tung của mình, không cho tôi biết.

Tuy nhiên, tôi được tin là anh đã liên hệ với những nhân viên mật vụ ở Ấn Độ, ở Trung Hoa và ở Nga.

Căn cứ vào những lời tự khoe thính thoảng anh thốt ra, thì Poirot đang tiến hành chiến thuật quen thuộc: dò xét tâm trạng kẻ thù, và tiến lên từng bước.

Nhà thám tử cừ khôi đã bỏ lửng hẳn các khách hàng thường lệ. Có nhiều lời mời mọc hấp dẫn, anh đều từ chối, hoàn toàn không quan tâm đến vụ việc nào không liên quan đến hoạt động của bọn Bốn Người.

Cách làm này rất có lợi cho thanh tra Japp; ông ta đạt nhiều thành tích nhờ những lời chỉ dẫn lơ lửng của Poirot. Để đáp lại, Japp cung cấp cho nhà thám tử Bỉ những thông tin mà ông cho là có ích.

Khi Japp được giao điều tra vụ mà báo chí đặt tên một cách văn vẻ là “Bí mật của Hoa nhài vàng”, ông ta điện xin gặp Poirot để tham khảo ý kiến.

Đó là khoảng một tháng sau vụ việc xảy ra với tôi ở nhà Ryland. Tôi đã bắt đầu thấy quá nhàn rồi, vì vậy rất vui được cùng đi với Poirot đến Market Handford, tỉnh Worcestershire, nơi Japp đang đợi.

Ngồi chễm chệ trên toa tàu rồi, Poirot hỏi tôi:

- Hastings, anh nghĩ thế nào về vụ này?

- Mọi việc có vẻ khá phức tạp ... - tôi thận trọng nói nhỏ.

- Anh cho là thế? - Poirot nói, vẻ mặt vui thích.

- Còn gì nữa! Rõ ràng anh cho ông Paytner chết là bị giết, chứ không phải do tự tử hay tai nạn, vì thế chúng ta mới vội và đến Market Handford...

- Không, không, anh chưa hiểu tôi. Dù cho là ông Paytner chết do một tai nạn đặc biệt khủng khiếp vẫn còn có một số điều bí ẩn cần làm rõ.

- Thì tôi cũng nói thế, cho nên mới bảo là phức tạp.

- Ta hãy điểm lại những sự việc chính một cách bình tĩnh, tuần tự. Hastings, anh kể xem, nhưng thật sáng sủa, chính xác.

Tôi cố gắng làm theo yêu cầu của ông bạn nghiêm khắc.

- Ông Paytner là một người giàu có, học thức, thường đi chu du khắp thế giới, năm năm mươi lăm tuổi bỗng tuyên bố mình mệt mỏi, không đi đây đi đó nữa. Ông tậu một cơ ngơi nhỏ ở vùng Worcestershire và mời người cháu tên Gerald Paytner, là người bà con duy nhất còn lại, đến ở cùng tại “Croftlands” (tên cơ ngơi). Gerald Paytner, một nghệ sĩ trẻ, đang chẳng có thu nhập gì, vợ được dịp may hiếm có. Từ bảy tháng nay, anh ta sống với ông chú cho đến khi xảy ra thảm kịch.

- Anh kể rất khá - Poirot nói - Cứ như sách!

Không quan tâm đến lời khen của Poirot, bản thân đang say sưa với câu chuyện, tôi tiếp tục:

- Tại “Croftlands”, ông Paytner có cuộc sống vương giả: sáu gia nhân, không kể một anh hầu phòng riêng, một người Tàu tên là Ah Ling.

- Hầu phòng riêng, tên Ah Ling - Poirot khẽ nhấn mạnh.

- Thứ ba vừa rồi, sau bữa trưa, ông Paytner kêu khó chịu trong người, và một gia nhân chạy đi gọi bác sĩ. Paytner không chịu đi nằm, tiếp thầy thuốc ngay trong phòng làm việc. Không biết hai người làm gì, chỉ biết trước khi ra về bác sĩ Quentin đòi gặp bà quản gia, nói rằng ông Paytner yếu tim, và ông đã tiêm một mũi dưới da. Ông dặn không được làm nhiều người bệnh, rồi đặt những câu hỏi khá lạ lùng về các gia nhân: họ phục vụ ông Paytner từ khi nào? Từ đâu đến? vân vân. Bà quản gia lấy làm lạ nhưng đều trả lời đủ. Sáng hôm sau, một cô hầu phòng khi đi xuống, ngửi thấy mũi thịt cháy khét lẹt bốc ra từ phòng làm việc của chủ. Cô định mở cửa, nhưng cửa khóa từ bên trong. Gerald Paytner và tên hầu người Tàu phải phá cửa để vào: ôi cảnh tượng kinh khủng! Ông Paytner ngã chúi đằng trước vào cái lò đốt ga, nên đầu hoàn toàn cháy thành than. Mặt không nhận ra tí nào. Ngay lúc đó, chưa ai nghi ngờ gì. Nếu trách ai thì thích ông bác sĩ Quentin đã không buộc người bệnh đi nằm sau khi tiêm. Nhưng rồi người ta tìm thấy dưới đất một tờ báo, hẳn là từ trên đùi ông già rơi xuống. Xem kỹ tờ báo, thấy có một số chữ nguệch ngoạc bên lề.

Bàn tay viết những chữ đó rất yếu. Lại thấy ngón trỏ bàn tay phải của nạn nhân bị giầy mực đến đốt thứ hai. Không cầm được bút, ông Paytner đã nhúng ngón tay vào lọ mực (lọ mực để trên bàn, vừa tầm tay) và có viết mấy chữ “Hoa nhài vàng” lên lề tờ báo đang cầm. Nhưng mấy chữ ấy có nghĩa gì? Hoa nhài vàng nở rộ phủ kín các tường ở Croftlands nên có thể giả thử là hình ảnh đó đã đập vào mắt, làm ông già hấp hối viết ra câu đó. Báo chí luôn săn tìm tin giật gân, vợ ngay câu chuyện và đặt tên là “Bí mật Hoa nhài vàng”, mà thực ra mấy chữ ấy có lẽ chẳng có ý nghĩa.

- Anh cho là không có ý nghĩa? - Poirot hỏi - Rốt cuộc, anh đã nói thế, thì chắc là thế.

Tôi nhìn anh, ngạc nhiên, song không thấy ý giễu cợt gì trong ánh mắt. Tôi kể tiếp:

- Cuộc điều tra được tiến hành. Ngay từ đầu người ta đã có định kiến với bác sĩ Quentin. Trước hết, ông ta không phải là bác sĩ quen của gia đình, mà là người thay thế bác sĩ Bolitho đang đi nghỉ. Sự bất cẩn của Quentin có vẻ là nguyên nhân trực tiếp của tai nạn. Nhưng từ đó mà bảo là giết người thì còn xa. Cũng phải nói thêm ngay khi đến ở “Croftlands” ông Paytner đã sinh ra đau yếu, và bác sĩ Bolitho đã điều trị ông được một thời gian. Khi bác sĩ Quentin tiếp xúc với ông lần đầu, ông đã thấy một số triệu chứng đáng ngại. Trước buổi tối oan nghiệt, Quentin mới chỉ xem bệnh cho Paytner có một lần. Khi gia nhân mời ông đến gấp, ông đã thấy người bệnh ở trong cơn kích động kỳ lạ. Paytner nói ông không cảm thấy ốm đau gì, nhưng món cà ri ông vừa ăn có mùi là lạ, vì vậy ông đã đuổi Ah Ling ra ngoài, rồi đổ món ăn từ đĩa vào bát đưa cho bác sĩ để đem đi xét nghiệm. Quentin khẳng định Paytner không ốm, nhưng bị xúc động quá ảnh hưởng đến tim; nên cần tiêm một ống strychnine, chứ không phải moócphin. Tôi nghĩ đã kể hết, và nói thêm kết quả xét nghiệm: món cà ri đúng là có lẫn một lượng bột thuốc phiện đủ để giết chết hai người!

- Vậy kết luận của anh ra sao? - Poirot bình tĩnh hỏi.

- Thật khó kết luận. Paytner rất có thể chết do tai nạn; mưu đồ đầu độc chỉ là một sự trùng hợp đúng tới hôm ấy.

- Hãy thú nhận rằng đối với anh, đây là vụ giết người thì hợp lý hơn!

- Còn với anh thì không?

- Anh và tôi, chúng ta không lập luận theo cùng một cách. Tôi không vội tìm kết luận; khi nào vấn đề kia được giải đáp hãy hay. Tôi muốn nói đến “Bí mật của Hoa nhài vàng”. À này, anh còn quên một chi tiết.

- Tôi đoán anh định nói đến hai gạch theo hình thước thợ ở dưới mấy chữ nguệch ngoạc bằng mực trên tờ báo? Quả là tôi không coi nó là quan trọng!

- Ta hãy để bí mật Hoa nhài vàng sang một bên mà xem xét món cà ri.

- Tất nhiên, có thể đặt hàng trăm câu hỏi: ai đã bỏ độc được? Mục đích gì? vân vân... Ta biết Ah Ling là người dọn món ăn, nhưng vì lý do gì hắn lại định đầu độc chủ? Hay hắn nằm trong một “băng” tội phạm. Băng “Hoa nhài vàng” chẳng hạn? Rồi nữa, còn Gerald Paytner...

- Đúng, đúng, - Poirot gật đầu - anh ta là người thừa kế ông chủ. Nhưng chiều hôm ấy, hắn đi ăn ngoài thị trấn.

- Anh ta có thể dễ dàng vào bếp và trộn thuốc phiện vào một chất liệu nào đó dùng để nấu món cà ri! Hắn đi ăn ở bên ngoài để khỏi phải đụng đến thức ăn bị bỏ thuốc độc.

Lập luận của tôi có vẻ nghe được và, điều hiếm có Poirot tỏ ra rất quan tâm!

Tôi được khích lệ và tiếp tục trình bày giả thuyết:

- Gerald Paytner về muộn, thấy ánh đèn trong phòng ông chủ, biết là kế hoạch đã thất bại, liền đẩy ông già vào lửa.

- Giả thiết này của anh không hợp lý - Poirot nói - Một người năm mươi lăm tuổi, còn vạm vỡ, lại chịu để bị đẩy vào lửa mà không chống cự?

- Được. Vậy thì đến lượt anh trình bày quan điểm.

Poirot cười, ưỡn cao ngực và nói như diễn giảng:

- Giả thử đây là vụ giết người, một vấn đề đặt ra ngay lập tức: tại sao lại chọn cách ấy? Tôi thấy chỉ có một lý do: để không ai nhận diện được! Bộ mặt bị cháy đen, và...

- Sao? - Tôi ngất lờ. Anh nghĩ là...

- Hastings, hãy khoan. Đó chỉ là giả thiết. Có thể nghĩ rằng đó không phải là xác ông Paytner? Mà là của một ai khác? Tôi xem xét hai câu hỏi ấy và xin trả lời: không.

- Vậy thì sao? - tôi thốt lên, thất vọng.

Poirot nháy mắt, nói tiếp:

- Vậy thì tôi tự nhủ có một cái gì đấy ta chưa nắm được và cần nghiên cứu vấn đề này. Không nên để lúc nào cũng bị ám ảnh vì lũ Bốn Người... À được rồi! Anh có biết cái bàn chải áo của tôi để đâu không nhỉ? À! Nó đây rồi. Nhờ anh chải cho tôi rồi tôi chải cho anh.

Bỏ bàn chải vào vali, Poirot nói tiếp:

- Hừ, tôi lại bị một ý tưởng duy nhất thu hút... Đây, hai gạch thước thợ mà anh nói, nó có nghĩa gì, nếu không phải là người ta bắt đầu viết số 4?

- Trời! - Tôi bật cười - Anh định mò mẫm gì ở đó?

- Tôi thừa nhận là cứ quay đi quay lại mãi một việc thì thật buồn cười... Cần phải thay đổi không khí! Chính vì thế mà tôi đến đây!... Anh Japp thân mến? Khỏe chứ?

10. Tìm Kiếm Ở Croftlands

Viên thanh tra Scotland Yard đón chúng tôi rất nồng nhiệt.

- Ông Poirot! Có điều thú vị đây. Tôi nghĩ ông sẽ thích thú tham gia vụ này. Lần này trước mặt chúng ta là một sự bí ẩn hoàn toàn.

Đúng là anh chàng Japp đang lúng túng không biết xoay sở ra sao, nên rất chờ mong lời chỉ dẫn quý báu của nhà thám tử đại tài.

Croftlands là một toà nhà trắng, hình vuông, không có gì đặc biệt, tường phủ kín dây leo và hoa nhài vàng.

- Hoa nhài dường như là nổi ám ảnh của ông già xấu số - Japp nhận xét - Trong cơn hấp hối mê sảng, ông ta tưởng mình ở trong vườn.

- Ông nghĩ thế nào, ông Japp? Tai nạn hay ám sát - Poirot hỏi.

Câu hỏi dường như làm viên cảnh sát khó trả lời.

- Nếu không có cái chuyện càri, thì kết luận là tai nạn; tuy nhiên khó có thể hình dung đầu của nạn nhân, lúc đó còn sống, lại được giữ trong đồng lửa; nạn nhân phải kêu cứu, và cả nhà sẽ biết.

- Ông nói đúng, tôi chưa nghĩ đến điều đó, lần này ông thắng tôi rồi.

Japp đỏ mặt và nói mấy lời khiêm tốn; ông ngạc nhiên thấy mình được khen, vì thường ngày, Hercule Poirot chỉ tự khen mình.

Phòng làm việc của ông Paytner, nơi xảy ra tai hoạ, là một căn phòng lớn, trần thấp, với những tủ sách dọc các tường và những ghế bành lớn bọc da.

Poirot đưa mắt nhìn ngay vào cửa sổ thông ra sân thượng.

- Cửa sổ có được đóng bằng then móc không?

- Tất cả vấn đề là ở đó. Khi ông bác sĩ đi ra, ông chỉ khép cửa, vậy mà sáng hôm sau nó lại khoá từ bên trong. Ai khoá? Chính ông Paytner ư? Ah Ling cam đoan là cửa sổ đóng bằng then móc; bác sĩ Quentin lại nói nó chỉ đóng hờ, nhưng ông ta không dám khẳng định. Nếu ông Paytner bị giết, hung thủ phải vào hoặc lối cửa, hoặc cửa sổ. Trường hợp thứ nhất, mọi sự điều tra phải hướng vào những người nhà. Còn trường hợp thứ hai, thì kẻ giết người có thể là bất cứ ai. Khi cửa bị phá rồi, việc đầu tiên của cô hầu phòng là đến mở toang cửa sổ, cô ta nhớ là nó không cài then. Phải nói rằng cô hầu phòng này là một nhân chứng rất tồi, muốn bảo ả ta nhớ ra cái gì ả cũng nhớ hết!

- Còn chìa khoá?

- Nó nằm dưới đất lẩn trong vụn gỗ: có thể nó rơi khỏi ổ khi người ta phá cửa, mà cũng có thể được một người nào đó vứt xuống lúc đi vào. Hoặc đặt dưới khe cửa từ bên ngoài.

- Tóm lại, mọi thứ đều có thể?

- Đúng vậy, ông Poirot.

- Tất cả đều hết sức mơ hồ, có lúc hé sáng, có lúc lại chìm vào tối đen. Tôi chưa tìm ra được đường hướng gì, động cơ gì.

- À! Về động cơ, thì tôi thấy chàng thanh niên Gerald Paytner có nhiều - Japp đột nhiên nói - Trước khi đến với chú, anh ta đã có một cuộc sống hoang toàng, đầy thăng trầm. Nghệ sĩ mà, không phải lúc nào cũng đi đôi với đạo đức!

Poirot mỉm cười đáp :

- Ông Japp thân mến, có phải ông định đánh lạc hướng tôi? Tôi thừa biết là ông đang tập trung nghi ngờ vào tên hầu người Tàu. Ông cáo lỗi: vừa nhờ tôi giúp đỡ vừa cố che giấu quan điểm của mình.

- Không lẩn đi đâu được, ông Poirot! Vẫn tinh quái như bao giờ. Quả là tôi cực vào tên người Tàu. Chỉ Ah Leng mới bỏ được thuốc phiện vào càri và khi đã một lần định hại chủ, thì hẳn có thể thử lần thứ hai.

- Tôi cũng tự hỏi thế! - Poirot nói nhỏ.

- Nhưng động cơ thì tôi chưa nắm được... Phải chăng để trả thù? Đó là điều tôi phân vân - Japp nói.

- Có mất cắp gì không? Không? Đồ trang sức? Tiền bạc? Giấy tờ, đều không?

- Không... nghĩa là...

Tôi giống tai, cả Poirot cũng vậy. Japp giải thích:

- Tôi muốn nói không có mất cắp, nhưng ông Paytner có viết một cuốn sách, điều này biết là do sáng nay có thư của nhà xuất bản gửi tới, hỏi xem bản thảo đã tới đâu. Theo nhà xuất bản, cuốn sách vừa được viết xong. Tôi và Gérald Paytner đã tìm khắp nơi, nhưng không thấy; chắc nó được giấu ở nơi an toàn.

Mắt Poirot ánh lên một tia sáng mà tôi biết rõ.

- Tên cuốn sách là gì? - anh hỏi.

- Bàn tay bí ẩn ở Trung Hoa, tôi nhớ hình như thế.

- A! A! - Poirot hồi hộp - Gọi ngay Ah Ling lên!

Nét mặt anh chàng châu Á này không mấy may lộ vẻ xúc động. Hắn đứng trước Poirot, mắt nhìn xuống.

- Ah Ling, anh có đau buồn vì cái chết của ông chủ?

- Ồ! Nhiều lắm, ông chủ tốt!

- Anh có biết ai giết?

- Không biết. Nếu biết, đã nói với thanh tra.

Ah Ling kể hắn đã dọn món cà ri thế nào. Theo hắn, bếp trưởng không đụng đến, chỉ có hắn làm. Tôi tự hỏi hắn có hiểu lời thú nhận ấy là nguy hiểm nhường nào... Hắn nói cửa sổ nhất định đóng, chắc ông chủ mới mở về sau.

- Anh có thể lui - Poirot bảo Ah Ling.

Nhưng lúc hắn sắp ra khỏi phòng, Poirot gọi giật lại, hỏi:

- Anh chắc chắn là không biết gì về Hoa nhài vàng?

- Không! Không biết.

- Anh cũng không biết những gạch dưới mấy chữ này là có nghĩa gì?

Vừa hỏi, Poirot vừa cúi xuống chiếc bàn nhỏ, lấy ngón tay vẽ lên lớp bụi phủ một số 4 thật to.

Mặt tên Trung Quốc co rúm lại, nhưng ngay sau đó trở lại lì lợm. Hắn lí nhí:

- Không biết.

Rồi đi ra.

Thừa lúc vắng mặt Japp đang đi tìm chàng trai Paytner, Poirot thốt lên:

- Bọn Bốn Người! Hastings ơi, lại vẫn bọn Bốn Người! Paytner đi nhiều, nhiều năm sống ở Trung Hoa, rất có cơ sở để nghĩ rằng cuốn sách ông ta viết chứa đựng những phát hiện về hành tung của Li Chang-yen, tức "Số Một", người cầm đầu cả bọn.

- Nhưng... nhưng... nhưng...

- Suýt! Họ đến.

Gérald Paytner là một thanh niên dễ mến, nhưng lập dị. Anh ta để râu màu nâu, đeo cà vạt Lavallière. Anh nhã nhặn trả lời những câu hỏi của Poirot.

- Tối đó, tôi ăn ngoài thị trấn với gia đình Wycherly, hàng xóm. Tôi trở về giờ nào ư? Ồ! Khoảng mười một giờ. Tôi có chìa khóa riêng, không phiền ai. Các gia nhân đều ngủ, và tôi nghĩ chú tôi cũng thế. Ở cuối sảnh tôi thoáng trông cái tên Tàu chết tiệt đi lẹ như một cái bóng, song tiếc thay tôi không dám khẳng định.

- Trước khi đến ở với ông chú, anh không gặp mặt ông từ bao giờ?

- Từ lúc tôi lên mười. Cha tôi và ông không hoà hợp với nhau nên từ đó không gặp mặt nhau.

- Ông ấy tìm ra anh có dễ không?

- Dễ, tình cờ may mắn, tôi đọc thấy thông báo của người công chứng.

Poirot không hỏi thêm gì nữa.

Cuộc tiếp xúc tiếp theo là với bác sĩ Quentin. Nhưng ông ta không nói gì hơn những điều đã khai.

Ông tiếp chúng tôi ngay trong phòng mạch của ông. Về người thông minh, nhưng hơi điệu bộ, ông ta nói thẳng:

- Tôi rất muốn nhớ chính xác xem cửa sổ mở hay đóng, khóa thay, thật nguy hiểm khi muốn nhớ lại một điều mình chỉ thấy thoáng qua. Dễ khẳng định hoặc bác bỏ một sự việc thực ra không có. Đó là một hiện tượng tâm lý, phải không ông Poirot? Ông thấy đấy, tôi đã đọc tất cả những gì viết về ông. Tôi là một trong những người rất hâm mộ ông. Theo tôi, chính tên người Tàu đã bỏ thuốc phiện vào cà ri, nhưng hẳn không bao giờ thú nhận đâu, kể cả lý do của hành động ấy... Còn giữ chặt một người ẩn vào lửa, thì hẳn không có tính cách ấy. Ý kiến tôi là vậy.

Lúc cùng đi dọc phố chính của Market Handrord với Poirot, tôi hỏi:

- Anh có cho là họ đồng phạm với nhau? Ta có thể nhờ Japp theo dõi ông bác sĩ? Tay chân của lũ Bốn Người là rất năng động.

- Japp đã được giao theo dõi bác sĩ ngay từ đầu. Nhưng không tiến triển gì.

- Dù sao, chúng ta biết rằng Gérald Paytner vô tội.

- Hastings, anh biết nhiều hơn tôi quá đấy! Xin hoan nghênh!

- Anh cáo lỗi - tôi cười - chuyên ngâm miệng ăn tiền. Tuy nhiên, tôi tin là anh đã nhìn ra ánh sáng!

- Đúng, vụ việc với tôi lúc nay khá rõ, trừ điều liên quan đến “hoa nhài vàng”. Có thể những từ đó không dính dáng gì đến án mạng. Trong một vụ loại này, điều cần biết trước tiên là ai trong số các nhân chứng nói dối hoặc giấu chúng ta điều gì. Việc đó nay đã rõ. Tuy nhiên...

Bạn tôi bỗng ngừng bật, rẽ vào một hiệu sách bên đường, rồi lát sau đi ra với một bọc sách trên tay. Japp, đã từ biệt chúng tôi để dạo qua văn phòng, lúc nay lại tới để đưa chúng tôi về nhà trọ.

Sáng hôm sau tôi dậy hơi muộn và lúc xuống nhà đã thấy Poirot ở trong phòng khách dành riêng: anh đi đi lại lại, vẻ mặt cau có.

- Đừng nói gì! - Anh bảo - Để tôi xem xem mọi việc đã ổn chưa, hẳn đã bị bắt giữ chưa, quả thực tôi đã thiếu một chút tâm lý. Một người viết gì trước khi chết thì hẳn điều đó là rất quan trọng. Mọi người đọc: “Hoa nhài vàng”. Chẳng có nghĩa gì. Có khối ở ngoài vườn, thế thôi. Nhưng mà không! Tôi đã tìm ra. Nghe đây!

Và Poirot gỡ cuốn sách nhỏ trên tay, đọc to:

- Gelsemium Sempervirens: Nhài Virginie, hoặc Nhài vàng. Thành phần: Gelsiminine alcoloide C₁₁H₁₁Az₁O₁, độc được mạnh tác động như cicutine. Gelsemine: C₁₁H₁₁Az₁O₁, tác động như strychnine. Acide Gelseminine, v.v.. Gelsemium là chất làm suy hệ thần kinh. Đến giai đoạn cuối, nó làm tê liệt hai đầu các dây thần kinh chỉ đạo cử động; dùng nhiều, nó gây ra chóng mặt, tiếp theo là mất mọi khả năng cơ bắp. Hậu quả là cái chết do tê liệt hệ hô hấp. Giờ anh đã hiểu chưa? Ngay từ đầu tôi đã cảm thấy Japp có lý, không thể giữ mãi một người ẩn đầu vào lửa: từ đó suy ra cái xác bị đốt cháy đã chết từ trước.

- Nhưng tại sao? Nhằm mục đích gì?

- Giả thử, anh cầm dao đâm một người đã chết; người ta sẽ phát hiện ra ngay là vết thương do dao gây ra sau khi người đã chết! Nhưng nếu đầu bị cháy thui, không ai nghĩ đến chuyện tìm ra nguyên nhân thực sự của cái chết. Hơn nữa, không ai tin một người có vẻ như vừa thoát khỏi một âm mưu đầu độc lại có thể tiếp tục bị đầu độc ngay sau đó. Vậy ai đã nói dối ta? Vẫn là câu hỏi ấy. Tôi thì tôi tin Ah Ling.

- Sao? - Tôi thốt lên.

- Anh lạ lắm sao? Ah Ling biết có bọn Bốn Người, nhưng không biết là vụ án này do chúng gây ra. Hẳn chỉ đoán ra khi tôi nói xa nói gần đến bọn chúng. Nếu được tôi luyện từ trước, hẳn đã không tái mặt và giật

mình khi tôi viết con số 4. Vì vậy tôi quyết định tin những gì Ah Ling nói và chuyển mọi nghi ngờ sang Gerald Paytner. Tôi nghĩ bọn Bốn Người dễ dàng bịa ra một người cháu từ lâu không gặp.

- Đó là “Số Bốn” chẳng? - Tôi hỏi, lòng hồi hộp vô tả.

- Không, không phải “Số Bốn”. Khi biết định nghĩa khoa học của Hoa nhài vàng, tôi hiểu ngay sự thật. Rõ như ban ngày.

- Nhưng không rõ với tôi - Tôi ngọt nhạt.

- Vì anh không chịu bắt chất xám làm việc. Theo anh, ai đã có thể đựng vào món cà ri?

- Ah Ling, và chỉ một mình hắn.

- Không còn ai nữa? Còn ông bác sĩ?

- Ông ấy chỉ đựng đến sau khi...!

- Đồng ý! Không hề có thuốc phiện trong món cà ri đem lên cho ông Paytner! Chỉ do ảnh hưởng của người bác sĩ điều trị trước đó, ông già sinh ra nghi ngờ nên không ăn. Ông ta cho gọi bác sĩ đến, đưa món cà ri đòi ông đem đi xét nghiệm. Lấy cố an thần, bác sĩ Quentin tiêm một mũi không phải strychnine, mà là Hoa nhài vàng. Mũi tiêm chết người. Khi tác dụng của thuốc bắt đầu, Quentin ra, sau khi đã mở cửa sổ để đến đêm sẽ quay trở lại lấy bản thảo; lần thứ hai này hắn mới đẩy xác ông Paytner vào lửa. Nhưng hắn ta không chú ý tới tờ báo vương dưới đất. Hắn ta không ngờ là phút chót, nạn nhân trong một cơn minh mẫn loé sáng, đã nhận ra chất độc bị tiêm vào đoán ra bàn tay của Bộ Tứ. Trong một nỗ lực cuối cùng, kẻ hấp hối cố nguyền nguyền vài chữ lên tờ báo, để tố cáo lũ sát nhân. Còn Quentin, hắn bỏ thêm thuốc phiện vào cà ri trước khi đưa xét nghiệm, là việc dễ ợt. Còn câu chuyện hắn nói đã trao đổi với ông Paytner, rõ ràng chỉ là tưởng tượng. Quentin nói đã tiêm strychnine cốt để vết tiêm để lại trên da khỏi bị để ý. Tìm thấy thuốc phiện trong cà ri. Ah Ling sẽ bị nghi ngờ...

- Dù sao bác sĩ Quentin không phải là “Số Bốn”.

- Tại sao không? Có thể có một bác sĩ Quentin thật mà “Số Bốn” chỉ mượn danh! Bác sĩ Bolitho bố trí người thay thế đều qua thư từ, vì các người mà ông ta chọn thay thế mình lại bị ốm vào phút chót.

Poirot giải thích đến đó, thì Japp ập vào, mặt nhớn nhác.

- Ông tóm được hắn chưa? - Poirot xúc động không kém.

Japp lắc đầu, không nói nên lời. Mãi rồi mới thốt ra:

- Bác sĩ Bolitho vừa ở nơi nghỉ về sáng nay, nói là có điện gọi ông về mà không biết ai đánh điện. Còn bác sĩ Quentin thay thế, hắn đã téch chiều qua. Hãy tin là chúng tôi sẽ tóm được hắn!

- Tôi không tin - Poirot nói, đầu lắc nhẹ.

Và anh lấy mũi dao vạch một con số 4 lớn lên bàn.

11. Một Chuyện Đánh Cờ

Poirot và tôi thường ăn ở một nhà hàng nhỏ tại Soho. Một tối nọ chúng tôi ở đó thì nhận ra người quen ở bàn bên: thanh tra Japp. Từ lần gặp cuối cùng đến nay cũng đã một thời gian. Poirot mời ông ta sang bàn mình và nói giọng trách cứ:

- Ông đi đâu mà lâu lắm mới gặp. Lần cuối là từ vụ “Hoa nhài vàng” ... Tức là hơn một tháng.

- Tôi có việc phải lên miền Bắc, có vậy thôi. Công việc ông ra sao? Lũ Bốn người vẫn khoẻ mạnh?

- A, ông giấu tôi đấy phỏng? Nên nhớ, lũ Bốn Người là có thật!

- Ồ, tôi đồng ý, nhưng chúng không phải là trung tâm của vũ trụ, như ông có vẻ tin.

- Ông làm rồi. Thế lực hung ác lớn nhất thế giới hiện nay là Bộ Tứ Vĩ đại. Chúng nhằm mục đích gì, không ai biết. Nhưng chưa từng có một tổ chức tội phạm nào tương tự. Cầm đầu nó là bộ óc xuất chúng nhất của phương Đông; trong số thành viên, có một tỷ phú người Mỹ và một nữ bác học lớn người Pháp... Còn tên thứ tư...

Japp ngắt lời:

- Tôi biết, tôi biết, một nỗi ám ảnh thực sự. Yên tâm đi, ông Poirot, ta nói chuyện khác! Ông có quan tâm môn cờ vua?

- Có, trước tôi đã từng chơi.

- Ông có nghe nói đến chuyện kỳ lạ xảy ra hôm qua? Ván cờ giữa hai kỳ thủ danh tiếng thế giới, mà một người chết khi đang chơi?

- Có, tôi đã đọc báo sáng nay. Một bên là giáo sư Savaronoff, vô địch nước Nga; phía bên kia, người bị chết vì lên cơn đau tim, là chàng trẻ tuổi người Mỹ Gilmour Wilson.

- Đúng, Savaronoff trở thành vô địch nước Nga cách đây mấy năm, khi đánh bại Rubinstein. Còn Wilson, người ta gọi là một Capablanca thứ hai.

- Quả là một sự việc kỳ lạ - Poirot nói. Theo tôi hiểu: ông đặc biệt quan tâm vụ này?

Japp mỉm cười, hơi lúng túng:

- Ông Poirot, ông đoán đúng. Thú thật, tôi lấy làm lạ. Wilson vững chắc như một cổ thụ, đâu có nghe nói bệnh tim. Cái chết của anh ta thật khó giải thích.

- Hay ông nghi ngờ giáo sư Savaronoff muốn diệt một đối thủ mạnh? - Tôi hỏi.

-Ồ! Không, dù là người Nga cũng không giết đối thủ để khỏi bị thua cờ... nhất là theo ý kiến của những người am hiểu, ưu thế thuộc về Savaronoff. Ông ta được đánh giá rất cao, xem ra, đứng ngay sau Lasker.

Poirot lắc đầu:

- Vậy ý kiến ông ra sao? Vì sao Wilson bị đầu độc? Vì đúng ông đang nghĩ như thế?

- Tất nhiên. Suy tim bao giờ cũng có nguyên nhân. Khái niệm “bệnh tim” là rất mơ hồ, đòi hỏi phải giải thích thêm.

- Bao giờ thì mổ tử thi?

- Chiều nay. Wilson chết trong nháy mắt. Đang ở trong trạng thái bình thường, anh ta vừa đi một quân thế là chết ngay tắp lự.

- Ít có thuốc độc nào hiệu quả nhanh như thế - Poirot nhận xét.

- Vâng. Hy vọng mổ tử thi sẽ biết. Nhưng ai muốn Wilson chết? Đó là điều cần tìm hiểu. Anh ta là người dễ chịu, vô hại nhất đời. Từ Hoa Kỳ sang, và xem ra chẳng có kẻ thù nào hết.

- Thật khó tin! - Tôi nói.

- Ngược lại, rất tin được - Poirot nói lại - và tôi tin là ông Japp đã có ý kiến riêng.

- Tất nhiên rồi. Theo tôi, thuốc độc ấy không dành cho Wilson, mà cho người khác.

- Cho Savaronoff?

- Phải. Có lúc người ta tưởng ông đã bị giết. Nhưng ông ta trốn thoát và ẩn náu ở trong rừng, chịu khổ cực muôn vàn trong ba năm. Rồi đi thoát, nhưng già trước tuổi. Hiện giờ ông ta ốm yếu, sống trong một căn hộ ở Westminster cùng với cô cháu gái Sonia Daviloff và một người hầu. Có lẽ ông ta luôn nghĩ mình bị truy nã, vì phải mất nhiều công mời mọc ông ta mới nhận đấu trận cờ này. Ông ta thường từ chối không nhận thi đấu, gần đây báo chí có cả một loạt bài phê phán ông thiếu tinh thần thể thao, nên ông ta mới nhận đấu. Gilmour Wilson đã thách thức ông ta đặc kiểu Mỹ. Vì sao Savaronoff hay từ chối? Theo tôi, để

khỏi gây sự chú ý về mình, không muốn người khác tìm ra dấu tích. Tôi tin là Wilson là nạn nhân của một sự lầm lẫn.

- Anh cho là có người nào muốn thủ tiêu Savaronoff?

- Có thể là cô cháu gái. Savaronoff mới được hưởng thừa kế một gia sản lớn do bà Gospoja, vợ của người chung vốn cũ, nguyên là một tay đầu cơ cổ bự dưới thời Nga hoàng, để lại.

- Cuộc đấu diễn ra ở đâu?

- Ở nhà Savaronoff. Tôi đã nói ông ta ốm yếu: gần như bị liệt.

- Có nhiều người xem không?

- Độ hơn chục người.

Poirot nhìn mặt một cách ý nghĩa.

- Ông Japp ơi: nhiệm vụ của ông khó khăn đấy!

- Dĩ nhiên rồi, nhưng chừng nào tôi biết chắc Wilson chết vì bị đầu độc, thì sẽ là một bước tiến đáng kể.

- Cứ cho rằng kẻ thù nhằm vào Savaronoff chứ không phải Wilson, liệu hắn có lặp lại tội ác lần nữa không?

- Nhất định thế, vì vậy tôi đã cho hai nhân viên theo dõi chặt chẽ căn hộ của Savaronoff.

- Họ sẽ rất được việc nếu bỗng có người nào dẫn xác đến với quả bom trên tay! - Poirot nói độc.

- Tôi thấy ông quan tâm vụ này rồi đó. Ông có muốn đến nhà xác xem xét tử thi Wilson trước khi mổ? Biết đâu đấy? Một kim cài cà vạt của hắn gài lệch chẳng hạn, và ông sẽ tìm thấy ở đó dấu hiệu để phá tan bí mật? - Japp nói khích.

- Trong khi chờ đợi, chính kẹp cà vạt của ông bị cài lệch thì có! Tôi vẫn nhìn nó đến nửa tiếng đồng hồ. Ông cho phép? Thế! Bây giờ, nó được chỉnh rồi? Cần có thứ tự, các bạn! Thứ tự trong mọi việc. Nào, ta cùng đi nhà xác.

Tôi thấy mọi sự quan tâm của Poirot đã tập trung vào vụ việc mới này. Thật đáng mừng, vì bấy lâu nay anh chẳng thiết việc gì khác, trừ bọn Bốn Người.

Không quen không khí nhà xác, tôi cực kỳ xúc động khi trông thấy thi thể bất động của chàng kỳ thủ người Mỹ, chết một cách bất đắc kỳ tử. Poirot xem xét rất kỹ: xác không có vết tích gì, trừ một sẹo nhỏ ở bàn tay trái. Japp giải thích:

- Bác sĩ bảo đây là vết cháy, không phải vết cắt.

Poirot chuyển sự chú ý sang những thứ có trong túi, mà một nhân viên vui lòng bày ra cho xem.

Cũng không có gì đặc biệt: một khăn tay, chùm chìa khóa, một cái ví khá nặng và vài lá thư không quan trọng. Một vật khác bỗng làm anh để ý.

- Một quân cờ - anh kêu lên - con Hề trắng! Nó ở trong túi anh ta à?

- Không, anh ta cầm nó trong tay, phải mất công mới gỡ ra được. Chúng tôi sẽ gửi trả lại giáo sư Savaronoff, vì nó thuộc bộ cờ rất đẹp của ông ta, bằng ngà voi có chạm trổ.

- Đưa tôi, tôi sẽ trả, như vậy cũng là dịp để tôi thăm ông ta.

- A! A! - Japp kêu. Thế là ông muốn làm vụ này?

- Rất sẵn lòng, ông đã khéo léo kích thích tôi tôi đó.

- Hoan hô! Tôi rất vui vì ông đã bỏ đề tài quen thuộc. Tin là đại úy Hastings cũng mừng.

- Tất nhiên rồi - tôi cười.

- Ông còn chi tiết gì khác đáng chú ý nữa không? - Poirot hỏi.

- Không. Cả việc... Wilson là người thuận tay trái - Poirot quay về phía tử thi, nói.

- Ông này như ma xó. Sao ông biết? Đúng, Wilson thuận tay trái. Nhưng cái đó thì liên quan gì?

- Không, không liên quan - Poirot vội công nhận khi thấy Japp lộ vẻ hơi nóng nảy - Tôi muốn trêu ông một chút thôi! * * *Sáng hôm sau, chúng tôi đi Westminster để đến nhà giáo sư Savaronoff.

- Sonia Daviloff, tên đẹp quá - Tôi lảm nhảm..

Poirot ngao ngán nhìn tôi:

- Lúc nào cũng nghĩ chuyện lằng mạn. Anh thật bất trị. Nhưng nếu Sonia Daviloff không phải ai khác mà chính là không ai khác ngoài nữ bá tước Rossakof thì thú vị biết bao!

Nghe tên nữ bá tước, tôi sầm nét mặt.

- Thôi, thôi, anh Hastings. Đùa chút thôi! Dù sao tôi cũng không bị lũ Bốn Người ám ảnh đến mức ấy.

Một gia nhân có bộ mặt băng giá, như không có khả năng biểu hiện chút tình cảm nào, ra mở cửa.

Poirot đưa tấm thiệp trên đó Japp đã viết vài lời giới thiệu. Người hầu dẫn chúng tôi vào một phòng rộng, thấp, trang trí đẹp. Hai bức tranh thánh tuyệt mỹ treo ở một góc; sàn trải thảm Ba Tư lộng lẫy. Trên một cái bàn, ngự một ấm xa mô va bóng loáng.

Poirot ngồi thụp xuống đất, khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Tấm thảm đẹp thật, nhưng có đáng để xem kỹ đến thế không?

- Là vật hiếm lắm ư? - tôi hỏi.

- Cái gì cơ? À, tấm thảm! Không, tôi không xem tấm thảm. Nhân tiện, phải nói nó đẹp tuyệt vời, nhưng đáng tiếc là không được giữ gìn. Đây này, ai đóng đinh ngay giữa, làm thành một lỗ thủng lớn.

Tiếng sột soạt nhẹ nhàng khiến Poirot bỏ dở xem xét. Một cô gái đứng trong khung cửa, nhìn chúng tôi, vẻ nghi ngờ. Vóc dáng tầm thước, điệu bộ đặc người Anh. Bộ mặt hấp dẫn, nhưng buồn.

- Tôi sợ là chú tôi không thể tiếp các ông. Chú tôi ốm.

- Rất tiếc, thưa cô, nhưng cô có thể thay mặt ông. Cô là Daviloff, phải không?

- Phải, Sonia Daviloff. Ông cần gì?

- Tôi đã tiến hành điều tra về sự việc đau buồn hôm kia... cái chết của ông Gilmour Wilson. Cô có thể cung cấp một số tin tức?

- Ông ấy chết vì cơn đau tim trong khi đánh cờ.

- Thưa cô cảnh sát chưa khẳng định được nguyên nhân thực sự.

Cô gái có một cử chỉ hoảng sợ:

- Thực thế ư? Vậy Ivan nói đúng?

- Ivan là ai?

- Người vừa mở cửa đón các ông. Hẳn bảo ông Wilson không chết tự nhiên, mà là bị đầu độc nhằm.

- Nhắm?

- Phải, vì thực ra họ định nhằm chú tôi.

Nàng hoàn toàn không còn đáng bộ nghi ngờ, mà tiếp chuyện một cách hăm hở.

- Sao cô nói vậy? Chẳng lẽ có ai muốn đầu độc giáo sư Savaronoff?

- Tôi không biết, không hiểu gì. Chú tôi rất tin tôi. Thực ra ông chưa biết tôi nhiều, mới gặp tôi từ ngày tôi còn bé, và cũng mới bảo tôi đến ở gần đây. Nhưng tôi chắc chắn là ông lo sợ cái gì. Có rất nhiều hội kín, và một hôm tôi mang máng hiểu là có một tổ chức làm ông đặc biệt lo ngại.

Sonia Daviloff tiến gần Poirot, hỏi:

- Ông đã từng nghe nói đến một hội mang tên “Bộ Tứ Vĩ đại” hoặc “Bốn Người”?

Tôi e là đầu Poirot sắp vỡ tung; anh trở mắt:

- Cô biết gì về Bốn Người, thưa cô?

- Vậy ra có cái tổ chức ấy thật? Trong cơn mê ngủ, tôi nghe chú thốt lên vài tiếng, nhưng khi tôi đánh bạo hỏi, ông buộc tôi phải im lặng. Tôi chưa bao giờ thấy ông kinh hãi thế. Chắc chắn là ông sợ bọn chúng.

- Bốn Người! - Poirot lẩm bẩm - Lại Bốn Người! Một sự trùng hợp kỳ cục? Thưa cô, cô biết là chú cô vẫn còn bị nguy hiểm; tôi muốn cứu ông ấy. Hãy giúp tôi! Cô có thể kể chính xác những gì xảy ra tối hôm đó? Chỉ cho tôi xem bộ cờ, nó được đặt trên bàn nào... Hai người ngồi ở đâu... Tóm lại, càng nhiều chi tiết càng tốt.

Cô gái tiến gần một bàn nhỏ, sơn các ô vuông đen trắng, làm thành bàn cờ.

- Chiếc bàn này được gửi tới chú tôi cách đây vài tuần; người ta yêu cầu ông nhận và dùng nó trong cuộc đấu sắp tới, nó đặt ở giữa phòng... như thế này.

Poirot xem xét chiếc bàn kỹ lưỡng đến mức tôi cho là thừa... Nếu là tôi, tôi sẽ hướng điều tra một cách khác. Nhiều câu hỏi của anh xem ra vô bổ, ngược lại anh có vẻ không nắm những điểm chính.

Ro ràng anh bị lũ Bốn Người ám ảnh đến mức lú lẫn.

Sau khi xem kỹ bàn cờ, anh đòi xem các quân cờ

Sonia Daviloff mang ra cái hộp đựng quân cờ, anh chỉ xem qua loa.

- Bộ cờ đẹp - anh nói khểnh như với chính mình.

Anh không hỏi gì liên quan đến những đồ giải khát mỗi khán giả, hoặc những điều cốt yếu khác. Tôi định lưu ý anh việc đó, nên đánh bạo:

- Anh Poirot, tôi nghĩ...

- Anh khỏi phải nhọc công nghĩ - anh gạt thẳng thường - hãy để tôi làm việc đó! Thưa cô, chả lẽ tôi không thể gặp chú cô?

Mặt nàng tươi tỉnh lên:

- Ồ có, ông sẽ gặp. Chắc ông hiểu tôi có trách nhiệm phải hỏi bất kỳ người lạ nào tới đây.

Nàng biến đi, và tôi nghe có tiếng nói trong phòng bên. Lát sau, chúng tôi được mời vào.

Giáo sư Savaronoff nằm trên giường. Bộ mặt hơi lạ: gầy, hốc hác, lông mày rậm, râu bạc, ánh mắt ngơ ngác, con người giàu có này có bộ dạng của người sắp chết đói.

Tôi để ý cái đầu quá khổ. Biết rằng đại kỳ thủ tất phải có bộ óc rất phát triển, nên không có gì lạ khi giáo sư Savaronoff đứng thứ hai trong những người vô địch thế giới.

Poirot nghiêng mình kính trọng:

- Thưa giáo sư, cho phép tôi được hầu chuyện riêng.

Savaronoff quay về cô cháu gái, bảo đi ra. Cô làm theo không nói một câu.

- Giờ ông muốn gì?

- Tôi biết giáo sư mới được thừa hưởng một gia sản lớn. Trường hợp ông bất thần... mất đi, ai sẽ thừa kế?

- Tôi đã làm di chúc dành tất cả cho cháu gái tôi, Sonia Daviloff... Ông không định nghĩ rằng ...

- Tôi không định nói gì cả, nhưng ông không gặp cô cháu gái từ lúc cô con bé, một kẻ giả danh rất dễ...

Savaronoff có vẻ bị choáng thật sự.

- Tôi không nói thêm - Poirot tiếp - đó chỉ là gợi ý. Điều tôi quan tâm, là mong ông kể lại ván cờ tối hôm nọ.

- Ông muốn nói gì?... Kể cái gì?

- Thế này! Tôi không chơi cờ, song cũng hiểu là có nhiều cách hợp lệ để mở đầu một ván: ví dụ, cho con Hề tiến hai nước, khi con Vua và con Hậu cũng tiến gần ấy...

- Tôi hiểu ông nói gì - giáo sư Savaronoff mỉm cười - Wilson vào trận bằng miếng “Ruy Lopez”; đó là một trong những cách mở đầu tốt nhất, nó thường được ứng dụng trong các cuộc tranh tài.

- Ván cờ bắt đầu được bao lâu thì xảy ra tai nạn?

- Tôi nhớ hình như mới tới nước thứ ba hoặc bốn, thì Wilson đột ngột gục chết trên bàn.

Poirot đứng dậy để đi ra. Về lững lờ, anh hỏi câu cuối:

- Ông Wilson có ăn hoặc uống gì không?

- Một cốc urytki và sôđa thì phải.

- Cảm ơn giáo sư, tôi không muốn làm phiền giáo sư lâu hơn.

Ivan chờ ngoài sảnh để đưa tiễn chúng tôi, nhưng Poirot có vẻ không vội, dừng lại trước bậc cửa hỏi anh ta:

- Anh có biết căn hộ dưới nhà ai ở?

- Ngài Charles Kingswen, một nghị sĩ quốc hội, thuê ông. Nhưng nài ấy đi vắng lâu nên đã thuê căn hộ, mới gần đây.

- Cảm ơn.

Bên ngoài, mặt trời mùa đông chiếu sáng. Tôi vội nói ngay những điều tôi nghĩ về cuộc điều tra vừa rồi.

- Lần này thì anh không xuất sắc lắm! Anh hỏi những câu không cốt yếu.

- Anh tưởng thế? Đúng là hôm nay tôi không sung sức. Ở địa vị tôi, anh sẽ tìm hiểu cái gì?

Tôi suy nghĩ rồi trình bày kế hoạch của tôi.

Poirot nghe có vẻ chăm chú. Tôi nói xong thì vừa về đến nơi ở. Poirot mở cửa, nói:

- Cũng hay đấy, nhưng tiếc thay, chẳng ích lợi gì.

- Tại sao? - Tôi phật ý, hỏi lại. Nếu Wilson bị đầu độc...

Poirot chạy đến chiếc bàn để lấy lá thư đặt trên đó, kêu:

- Đây đây! Tôi đang chờ mấy chữ của Japp đây. Mổ tử thi không thấy dấu vết thuốc độc, chưa giải thích được lý do tử vong. Anh thấy đó, các câu hỏi của anh chẳng dùng vào được việc gì.

- Anh đoán được việc ấy?

- Không, nhưng tôi đã dự liệu trước kết quả.

- Xin anh, đừng chẻ sợi tóc làm tư. Anh thực sự chờ đợi kết quả đó?

- Đúng vậy.

- Làm sao anh lại dự đoán được?

Poirot rút từ trong túi con Hề trắng.

- Anh quên không trả nó cho giáo sư Savaronff?

- Không đâu, anh bạn thân mến! Quân cờ mà tôi quên trả vẫn nằm trong túi tôi. Còn quân mà anh vừa thấy là từ bộ cờ cô Daviloff đưa. Một Hề cộng một Hề thành hai Hề!

Càng lúc tôi càng không hiểu.

- Sao anh lấy cấp quân này?

- Chỉ để xem hai quân có giống nhau không?

Anh đặt hai quân cờ lên bàn, cạnh nhau.

- Trông có vẻ giống nhau, nhưng không bao giờ khẳng định một điều chưa được chứng minh. Anh vui lòng đưa cái cân tiểu ly của tôi lại đây.

Anh cẩn thận cân từng quân cờ rồi nhìn tôi, đắc thắng:

- Tôi nói đúng, thấy chưa? Đúng hòng lừa tôi dễ thế.

Và, nhắc ông máy nói:

- Alô! Alô! Scotand Yard? Ông Japp phải không? Poirot đây. Hãy theo dõi tên hầu Ivan. Đừng để nó thoát vì bất kỳ lý do nào.

Anh đặt máy, quay sang tôi mỉm cười:

- Anh không hiểu ư, Hastings? Tôi xin giải thích: Wilson không bị đầu độc, mà bị điện giật chết. Một trong những quân cờ có một dây kim loại xuyên qua. Chiếc bàn được chuẩn bị trước và đặt ở một điểm nhất định. Khi quân cờ rơi trên được đặt vào một trong những ô trắng trắng bạc, dòng điện chạy qua người Wilson, làm anh ta chết ngay. Dấu hiệu duy nhất là vết cháy ở bàn tay trái vì Wilson thuận tay trái. Trong chiếc bàn - đồng thời là bàn cờ - gài một thiết bị cực kỳ tinh xảo. Tuy nhiên, xin chú ý là chiếc bàn đưa cho ta xem vừa rồi là một chiếc thứ hai hoàn toàn vô hại, người ta đã tráo nó vào sau vụ ám sát. Tất cả được chuẩn bị trong căn hộ ở tầng dưới, vừa được cho thuê lại, nhưng ít nhất trong nhà giáo sư Savaronoff phải có một tông phạm. Trước tiên, phải coi cô gái xinh đẹp nọ là một tay chân của lũ Bốn Người. Cô ta mưu mô thừa kế gia sản của giáo sư.

- Còn Ivan?

- Tôi ngờ hẳn chính là “Số Bốn”.

- Hẳn?

- Phải. Hẳn đóng kịch rất giỏi, biết sắm đủ loại vai!

Tôi nhớ lại các vụ đã xảy ra: nhân viên nhà thương điên, anh hàng thịt, bác sĩ Quentin... Những nhân vật đa dạng khác nhau!

- Thật lạ - cuối cùng tôi nói - tất cả đều khớp. Savaronoff ngờ ngợ có âm mưu, nên tỏ ra không hào hứng với cuộc đấu.

Sau khi nhìn tôi không nói, Poirot bắt đầu đi đi lại lại. Bỗng anh hỏi tôi:

- Liệu anh có cuốn sách dạy chơi cờ nào không?

- Có thể có.

Phải mất một thời gian tôi mới kiếm được. Lập tức Poirot đành hoàng ngồi vào ghế, đọc chăm chú.

Mười lăm phút sau, chuông điện thoại reo. Tôi cầm máy: đó là Japp. Ivan đã ra khỏi nhà với một gói to. Hẳn nhảy lên tắc xi đợi sẵn, nhưng cảnh sát đã bám theo. Tưởng đã đánh lạc hướng cảnh sát, Ivan vào một ngôi nhà lớn, không có người ở, ở Hampstead. Ngôi nhà đã bị bao vây.

Tôi nói lại tất cả cho Poirot. Anh nhìn tôi như tưởng tôi nói gì khó hiểu. Tiếp đó, anh chìa cuốn sách đánh cờ:

- Anh nghe tôi đây, đây là luật chơi tên gọi “Ruy Lopez”: 1. vua đi 4 ô, vua đi 4 nữa; 2. mã - vua - hễ đi 3, mã - hậu - hễ đi 3; 3. hễ - mã đi 5. Vấn đề đặt ra là: quân đen sẽ đi nước thứ ba thế nào? Có nhiều cách đi. Chính nước thứ ba của quân trắng đã giết chết Gilmour Wilson; 3. hễ - mã 5. Nước thứ ba... anh không thấy gì sao?

Tôi hoàn toàn không hiểu một tí gì.

- Anh Hastings, giả thử anh đang ngồi ở ghế này mà nghe tiếng cửa ra vào mở rồi đóng lại, thì anh có ý nghĩ gì?

- Rằng có người vừa đi ra.

- Đúng. Nhưng bao giờ cũng có hai cách nhìn nhận sự vật; hoặc có người ra... hoặc có người vào. Hai trường hợp khác hẳn nhau! Nếu anh chọn không đúng, sẽ có một chút mâu thuẫn nhỏ chứng minh rằng anh lầm.

- Thế là nghĩa gì, anh Poirot?

Poirot vụt đứng lên.

- Nó chứng tỏ rằng tôi không tinh! Mau, ta phải quay lại căn hộ Westminster. May ra còn kịp.

Chúng tôi nhảy lên tắc xi. Bạn tôi cảm như hén, hỏi gì cũng không đáp. Chúng tôi nhảy thang gác bốn bậc một. Nhưng vô ích, bấm chuông, gõ cửa, cửa vẫn đóng im lìm.

Tuy nhiên, áp tai vào vách, nghe như có tiếng rên rỉ ở bên trong.

Thương lượng mất nhiều thời gian, ông quản gia mới chịu dùng khóa riêng mở cửa. Mùi thuốc mê chloroforme phả ra; Sonia Daviloff nằm vật trên sàn, mồm bị nhét giấy, tay chân bị trói. Mũi, mồm bị nắm bông tẩm thuốc mê phủ kín. Poirot giật ra và cố làm cô gái hồi tỉnh trong khi cho đi mời gấp bác sĩ. Chúng tôi tìm khắp các phòng khác, không thấy giáo sư Savaronoff.

- Thế này là nghĩa gì? - tôi hoang mang, hỏi.

- Nghĩa là trong hai cách suy diễn, tôi đã chọn cách không đúng. Tôi đã nói bất kỳ ai cũng dễ dàng nhận mình là cháu gái Savaronoff, vì ông ta không gặp mặt cháu từ nhiều năm. Hừ! Lẽ ra phải nghĩ điều ngược lại! Bất kỳ kẻ nào cũng dễ dàng nhận mình là ông chú.

- Anh nói sao?

- Đúng thế. Savaronoff đã chết từ lâu. Con người nói là đã chịu nhiều cay đắng, đã tiêu tụy đi vì trải qua đau khổ, con người đã thừa hưởng gia tài khổng lồ...

- Là ai? Hẳn là ai?

- Là “Số Bốn”. Không lấy làm lạ hẳn tỏ ra hoảng sợ khi Sonia nói đến bọn Bốn Người. Một lần nữa hẳn lại tuột khỏi tay tôi. Hẳn hiểu là cuối cùng tôi sẽ đánh hơi thấy, vì vậy hẳn sai Ivan đi để đánh lạc hướng, vô hiệu hoá cô gái rồi bỏ trốn. Giờ này chắc hẳn đã chuyển gần hết các chứng khoán bà Gospoja để lại.

- Nhưng... như vậy, thì ai định giết hẳn?

- Không ai cả! Wilson đúng là nạn nhân bị ngấm.

- Nhầm mục đích gì?

- Bạn ơi, Savaronoff là người giỏi cờ thứ hai thế giới, mà “Số Bốn” chắc là không biết tí gì về môn thể thao này, nên không thể theo đuổi cuộc chơi. Hẳn đã tìm mọi cách để tránh, đến khi buộc phải nhận thì số phận Wilson đã được định đoạt. Bằng bất kỳ giá nào, phải không cho mọi người biết Savaronoff không hiểu gì về cờ. Mọi người đều biết Wilson bao giờ cũng ra quân bằng miếng “Ruy Lopez”, do đó đến nước thứ ba, “Số Bốn” quyết định chấm dứt, khỏi phải đi sâu hơn nữa.

- Nhưng, phải chăng đây là một tên điên loạn?

- Lập luận của anh khá chặt chẽ, nhưng người ta đâu có giết người chỉ để bảo toàn vai trò của mình! Còn nhiều cách khác, ví dụ viện cớ ốm đau, bác sĩ tuyệt đối cấm chơi cờ...

Poirot cau mày:

- Tất nhiên, có nhiều cách khác nhau, song cách này theo hẳn là tốt nhất. Hơn nữa, chớ quên rằng “Số Bốn” không nhìn đời bằng con mắt của anh, với hẳn tính mạng một người đầu có quan trọng. Hãy thử đặt mình vào vị trí của hẳn - điều mà anh không thể làm - tôi hình dung những suy nghĩ của hẳn. Bản thân việc giả danh thành Savaronoff làm hẳn thích thú; chắc hẳn đã từng xem nhiều cuộc cờ để nghiên cứu vai của mình, hẳn ngồi đó, nghiêm nghị suy tư, khiến cho khán giả tưởng hẳn đang tính toán những nước cờ phức tạp, trò hề đó khiến hẳn cười thầm trong bụng. Hẳn biết mình không thể đi qua nước thứ hai, nhưng chỉ hai nước đó là đủ. Hẳn mừng thầm về kết cục biết trước: đối thủ sẽ kết liễu mình, vào thời điểm do hẳn

định ra. “Số Bốn”, Kẻ Tiêu diệt đã trừ khử thêm một mạng nữa... Anh Hastings ạ, tôi bắt đầu hiểu rõ con người và tâm lý của hắn.

Hết lý, tôi đành chịu thua.

- Tôi sẵn lòng tin là anh đúng, nhưng tôi không hiểu sao hắn chịu mạo hiểm thế, trong khi có thể dễ tránh được?

- Anh bảo mạo hiểm chỗ nào? - Poirot nói. Anh thử nói xem, ở chỗ nào. Japp liệu có giải mã được bí ẩn đó? Không! Nếu “Số Bốn” không phạm một sai lầm nhỏ, thì sẽ không mấy may nguy hiểm gì.

- Vậy hắn phạm sai lầm gì? - tôi hỏi mà đã đoán được câu trả lời.

- Hắn không tính đến chất xám của Hercule Poirot!

Poirot có rất nhiều đức tính, nhưng khiếm tốn lại là điều anh thiếu!

12. Cái Bẫy Sập

Giữa tháng giêng, một ngày đông London ẩm ướt và nhộp nháp, Poirot và tôi ngồi bên lò sưởi. Tôi cảm thấy ông bạn nhìn tôi và mỉm cười ngộ nghĩnh, nhưng không đoán được lý do.

- Tôi sẵn sàng đánh đổi hai xu để biết anh nghĩ gì,

- Tôi nghĩ lúc anh mới đến, vào mùa hè, anh bảo anh chỉ ở lại nước Anh hai tháng là cùng.

- Tôi nói thế ư? Không nhớ.

Nụ cười Poirot nở rộng:

- Tôi nhớ rõ. Nhớ mọi thứ là việc của tôi, đâu phải việc anh. Tôi đề rằng từ đó anh đã thay đổi kế hoạch?

- Ồ...! Có như vậy.

- Và tại sao?

- Nếu anh muốn biết, thật đơn giản! Tôi không muốn bỏ anh khi anh đang phải giao tranh với những địch thủ đáng gờm như bọn Bốn Người.

Poirot nghiêng đầu một cách khả ái.

- Tôi cũng nghĩ là như thế. Hastings, anh là một người bạn tận tụy! Nhưng chị ấy, “cô bé lọ lem” như anh gọi, chị ấy nghĩ sao?

- Tôi không kể lễ chi tiết, nhưng nhà tôi hiểu tôi lắm. Cô ấy là người cuối cùng yêu cầu tôi bỏ rơi bạn!

- Thật đáng quý! Đáng quý! Nhưng Hastings này, vụ việc còn có thể kéo dài.

Tôi ngao ngán, ra hiệu là đúng như thế. Rồi nói nhỏ:

- Sáu tháng đã qua đi, mà chúng ta tiến đến đâu? Anh Poirot, tôi trộm nghĩ... chúng ta phải làm một cái gì.

- Đúng là tính sục sôi hăng máu của anh. Nhưng anh định hành động theo hướng nào?

Câu hỏi oái ăm. Nhưng tôi quyết không bỏ rơi vị trí. Tôi gợi ý:

- Phải chuyển sang tấn công. Đến nay chúng ta chỉ ngồi im.

- Không ngồi im như anh tưởng đâu. Đừng quên chúng ta đã xác định danh tính của “Số Hai” và “Số Ba” và đã quan sát thoải mái - nếu có thể nói vậy - các phương pháp của “Số Bốn”. Chúng ta đã đi được quãng đường không nhỏ. Đành rằng ta chưa thể tố cáo đích danh Ryland hay bà Olivier... và ai sẽ tin ta? À, tôi đã kể với anh là tôi đã phát biểu những nghi ngờ của mình với một số nhân vật ở cấp cao, trong đó có ngài Aldington chưa nhỉ? Tôi đã làm việc với ông ta trong vụ đánh cắp sơ đồ tàu ngầm, ông ấy biết phương pháp của tôi và rất tin tôi. Lúc này ông đã được thông báo về bí ẩn của Bộ Tứ, và nếu một số người còn

chưa tin, thì ông ấy tin! Ryland, bà Olivier và Li Chang-yen có thể có hành động, nhưng nhất cử nhất động của chúng được giám sát chặt chẽ.

- Aldington cũng biết sự tồn tại của “Số Bốn”?

- Như vừa nói, tôi mới bắt đầu hiểu cung cách của hắn. Anh cứ cười đi, Hastings, tôi vẫn tin chắc đó là cách làm tốt nhất. Tôi cần biết rõ tính cách của con người này đến mức có thể đoán trước các phản ứng của hắn trong trường hợp này hay trường hợp khác. Chớ quên rằng ta đang đấu tay đôi với hắn. Bao giờ tôi cũng cẩn thận tìm hiểu tâm tính đối thủ, mà không lộ ra cho hắn biết cách nghĩ của mình. Hắn thì ở ngoài ánh sáng, còn tôi đứng trong bóng tối. Tin chắc rằng chúng sẽ càng ngày càng lạ về sự bất động bề ngoài của tôi. Điều chắc, là chúng sẽ để ta yên, chúng không âm mưu hãm hại mình nữa, không giăng bẫy mới nữa, và nói thực ra tôi hơi lấy làm lạ. Hắn chúng sẽ nảy ra ý kiến dùng một hay hai cách để tiếp cận chúng ta. Anh hiểu chứ?

- Một khối bom nổ chẳng hạn?

Poirot có vẻ bực mình.

-Ồ không! Tôi để cho anh tưởng tượng, thì anh không nghĩ ra cái gì khác hơn là bom đặt trong lò sưởi! Ôi! Hastings! Hastings! Thôi! Dù thời tiết xấu, tôi sẽ đi dạo một chút cho tỉnh tâm, nhân tiện mua ít diêm. À này, anh đọc cũng một lúc các sách: Tương lai Áchentina, Tắm gương xã hội, Nuôi gia súc có sừng, Con đường đỏ và Thể thao trên núi Rocheuses à?

Tôi phá lên cười, nhận là đang đọc cuốn Con đường đỏ.

- Nếu vậy, xếp các cuốn khác vào chỗ cũ. Khổ lắm, bao giờ anh mới có trật tự và phương pháp! Tủ sách dùng để làm gì?

Tôi thực lòng xin lỗi. Sau khi xếp lại sách, Poirot đi ra, để mặc tôi với thứ nghiền ngẫm văn chương.

Tôi hy vọng tác giả Con đường đỏ sẽ lượng thứ cho tôi, nếu tôi thú nhận lúc bà Pearson gõ cửa, tôi đang ngủ gà ngủ gật.

- Thừa đại uý, có một bức điện.

Tôi thông thả mở bức điện, nghĩ rằng chẳng có gì quan trọng. Nhưng nội dung của nó làm tôi thực sự hốt hoảng.

Điện do Bronsen, người quản lý ấp trại của tôi ở Áchentina, gửi. Điện như sau:

“Bà Hastings mất tích hôm qua. Nghi bà bị một băng, tên là ”Bộ Tứ Vĩ Đại” bắt cóc. Cho biết cần làm gì. Đã báo cảnh sát. Chưa dấu vết gì.

BRONSEN”

Tôi ra hiệu cho bà Pearson lui. Đầu óc choáng váng, tôi đọc đi đọc lại. Lọ lem bị bắt cóc! Lọ lem trong tay bọn Bốn Người? Phải làm gì? Poirot đâu, tôi còn có Poirot để chỉ bảo, để phá tan mưu đồ quỷ quái. Hãy bình tĩnh. Poirot sắp về ngay bây giờ.

Lại có tiếng gõ cửa, và bà Pearson lại xuất hiện.

- Có thư cho đại uý. Một người Trung Quốc mang đến. Hắn đợi dưới nhà.

Tôi cầm bức thư, nội dung ngắn gọn, rõ ràng:

“Nếu ông muốn gặp lại bà nhà, hãy đi theo ngay người cầm giấy này. Và không được báo cho bạn ông. Nếu không bà nhà sẽ trả giá”.

Bên dưới có một số 4 to tướng.

Các bạn đã đọc mảnh thư, nếu là tôi các bạn sẽ làm gì?

Tôi không có thì giờ để suy nghĩ, chỉ thấy có một điều: Lọ lem ở trong tay bọn cướp. Tôi làm theo.

Không thể để vợ tôi bị tra tấn, hành hạ, tôi chỉ còn có cách đi theo tên người Tàu, hắn đưa đi đâu thì đi.

Có thể đây là cái bẫy, tôi sẽ bị bắt, sẽ chết. Nhưng đây liên quan đến người thân yêu nhất đời, tôi không thể ngần ngại.

Nếu tôi để lại vài chữ cho Poirot! Đó là dấu tích để anh theo mà giải quyết mọi chuyện. Có nên thử không?

Nên lắm... nhưng nếu tên Tàu lên đây để chắc chắn rằng tôi làm đúng theo lời dặn?

Việc hấn đứng lại dưới nhà càng làm tôi lo lắng. Tôi biết bọn Bốn Người rất mạnh, mạnh đến mức tôi sẵn sàng gán cho chúng quyền năng tuyệt đối. Đường như bất cứ ai đến gần tôi lúc này đều là tay chân của chúng!

Hay tôi để lại bức điện? Trông thấy, Poirot sẽ biết hết mọi chuyện.

Tất cả những ý nghĩ ấy giao nhau trong đầu tôi loang loáng, nói ra không kịp.

Hai phút sau khi nhận thư, tôi đội mũ, mặc áo khoác xuống gấp tên liên lạc đang đợi. Đó là một người Trung Hoa to lớn, ăn mặc chỉnh tề, dù quần áo có hơi cũ nát. Không động đậy nét mặt, hấn chào tôi và hỏi:

- Ông, đại uý Hastings?

- Phải - tôi đáp.

- Trả tôi thư...

Đã lường trước việc này, nên tôi nộp lá thư, không nói.

- Đã nhận điện hôm nay, có không? Điện từ Áchentina?

Lòng đầy căm giận, một lần nữa tôi phải khâm phục mạng lưới gián điệp tinh vi của chúng... Chúng đã đoán là Bronsen sẽ đánh điện cho tôi và quyết định thừa cơ gây áp lực.

Chối một điều rõ ràng và có thực, là vô ích:

- Có, tôi có nhận một bức điện.

- Lấy đưa ngay cho tôi!

Giận run người, song tôi phải thi hành.

Lúc lên gác, tôi nảy ra ý phải báo cho bà Pearson tin vợ tôi bị bắt cóc, nhưng thấy cô hầu gái đứng bên bà chủ nhà, tôi lại do dự... cô hầu này đang theo dõi tôi chăng? Lời lẽ trong thư của lũ Bốn Người còn in rõ trong óc tôi... Tôi quyết định không nói gì.

Sau khi cầm bức điện, tôi chuẩn bị đi xuống, thì chợt nảy ra ý nghĩ: tôi có thể để lại dấu hiệu gì báo Poirot biết, mà kẻ thù không nhận ra?

Tôi chạy tới tủ sách và làm rơi bốn cuốn xuống sàn. Bọn tôi sẽ thấy, và sau bài học về trật tự vừa lên lớp lúc này, hấn anh sẽ rất bức mình.

Ngoài ra, tôi còn xúc thêm một xẻng than vào lò sưởi và cố tình để rơi vãi bốn hòn ra ngoài.

Tôi không thể làm gì khác nữa. Chỉ còn mong là những dấu hiệu ấy được Poirot cảm nhận đúng đắn.

Tôi vội đi xuống, trao bức điện từ Áchentina cho tên liên lạc Trung Quốc; hấn đọc qua, bỏ vào túi ra hiệu cho tôi đi theo.

Sau khi đi bộ một quãng dài, chúng tôi lên xe buýt, rồi xe điện. Hướng về phía đông, chúng tôi đi qua những khu phố lạ lắm chưa từng biết bao giờ.

Ra đến cảng, tôi hiểu mình đang ở giữa khu phố Tàu.

Chúng tôi đi vào một vùng nhằng nhịt những phố hẹp và ngõ cụt, nhà cửa tồi tàn, thảm hại, cuối cùng dừng trước một ngôi nhà ọp ẹp. Tên liên lạc gõ vào cửa bốn tiếng, một người Tàu khác mở cửa ngay và né sang bên để chúng tôi vào.

Tiếng chốt cửa kéo sau lưng tôi vang lên như chấm dứt hy vọng cuối cùng. Tôi đã ở trong tay kẻ thù.

Tên Tàu thứ hai dẫn tôi bước mấy bậc thang lung lay đưa xuống một căn hầm chật đầy thùng, hòm từ đó bốc lên mùi hăng hăng của gia vị.

Tôi cảm thấy mình bị bao vây bởi môi trường phương đông bí hiểm và bi thảm.

Tên dẫn đường đẩy sang bên hai chiếc thùng to để lộ ra dưới chân tường một lối vào thấp như kiểu đường hầm. Hắn ra hiệu cho tôi đi vào, và tôi đi theo một hành lang dài, thấp đến nỗi phải khom lưng không thể đứng thẳng. Chẳng bao lâu tôi tới một căn hầm khác.

Tên Tàu gõ bốn tiếng vào một mảng tường, lập tức nó chuyển động như phong màn sâu khấu. Trước mắt tôi là một lầu dài kiểu Nghìn lẻ một đêm.

Phòng dài và thấp, giát toàn đồ thêu lông lấy, đèn sáng trưng. Những mùi hương là lạ phảng phất trên không. Toàn bộ đồ đạc gồm năm, sáu chiếc giường và những tấm thảm tuyệt đẹp.

Sau một tấm màn, có tiếng nói vọng ra:

- Khách đến chưa?

- Dạ đã - tên dẫn đường đáp.

- Mời vào!

Bức màn vén lên; trong cái hốc mà nó che khuất là một giường lớn chất đầy gối, nệm. Ngự trên đó là một người châu Á cao, mảnh, mặc bộ quần áo thêu rực rỡ. Nhìn những móng tay để rất dài, tôi hiểu mình đứng trước một nhân vật quan trọng. Hắn phẩy tay làm hiệu:

- Đại úy Hastings, mời ông ngồi. Tôi rất vui là ông quá bộ đến thăm.

- Ông là Li Chang-yen? - Tôi hỏi.

-Ồ không, tôi chỉ là một trong những kẻ phục vụ Người. Tôi chỉ làm theo lệnh của Người, cũng như các đồng nghiệp của tôi ở khắp nơi. Ở Áchentina chẳng hạn.

Tôi tiến lên một bước:

- Vợ tôi đâu? Ông làm gì vợ tôi?

- Bà ấy ở nơi an toàn, không ai tìm thấy được. Đến lúc này bà nhà chưa làm sao cả. Ông nghe rõ chứ: đến lúc này.

Trán tôi toát mồ hôi lạnh. Tôi nhìn đắm đắm vào tên quý phương Đông, hắn cười mà cứ như nhẩn mặt.

- Ông muốn gì? - Tôi kêu lên - Tiền?

- Đại úy Hastings thân mến, chúng tôi không muốn tước mắt của ông số tiền tiết kiệm nhỏ nhoi. Ông vừa nghĩ ra một câu hỏi thông minh đấy... Bạn ông chắc không đặt câu hỏi như thế.

Tôi dần từng tiếng:

- Tôi cho rằng ông muốn giăng bẫy bắt tôi? Vậy là làm được rồi! Ông xử tôi thế nào cũng được, nhưng xin thả vợ tôi ra. Bà ấy không biết gì hết, do đó giữ không ích gì, ông đã dùng bà ấy để bắt tôi, nay được rồi, hãy trả tự do cho bà.

Đối thủ của tôi khẽ xoa má, nghiêng mắt nhìn tôi nói, giọng mơn trớn:

- Ông vội quá! Và hơi có chút hiểu lầm những ý định của chúng tôi. Mục đích không phải là bắt ông, mà là qua ông, bắt được ông Hereule Poirot, bạn ông.

- Sợ rằng khó đấy - tôi cười khẩy.

- Tôi đề nghị thế này - hắn nói tiếp, như không nghe thấy lời tôi - Ông sẽ viết thư cho ông Hercule Poirot, nhấn đến đây gặp ông.

- Không đời nào tôi làm việc ấy!

- Từ chối thì hậu quả vô cùng tai hại...

- Mặc xác ông đe dọa! -

- Ông muốn chết ư?

Tôi cố kìm không để lộ nỗi kinh hãi.

- Ông ép tôi vô ích. Cảnh sát sẽ đến đây bây giờ.

Tên đệ tử của Li Chang-yen vỗ tay một cái, và hai tên tay sai hiện nhanh như chớp. Mỗi đứa giữ một tay tôi. Chủ chúng ra lệnh bằng tiếng Trung Quốc, và chúng kéo tôi vào một góc.

Một thằng cúi xuống và đột nhiên tôi thấy đất sụt dưới chân. Nếu thằng thứ hai không níu lại, ắt tôi đã lao xuống cái vực thăm thẳm vừa mở ra, từ đó vang lên tiếng ào ào của thác nước.

- Ông nghe tiếng sông chảy đó - người ngồi trên giường lại nói. Hãy suy nghĩ, đại úy Hastings! Nếu ông cứ từ chối, ông sẽ lao đầu xuống cõi vĩnh hằng! Dòng nước tối tăm vĩnh viễn cuốn ông đi. Một lần cuối, ông chịu viết thư không?

Tôi không tự coi là mình dũng cảm hơn số đông đồng loại, và thẳng thắn thú nhận mình sợ hãi thực sự. Rõ ràng tên này nói nghiêm chỉnh; tôi không tuân theo thì nhất định vĩnh biệt cõi đời này. Tôi đáp, cố giữ giọng mạnh bạo:

- Không! Quỷ tha ma bắt cái thư của ông!

Rồi bắt giắc, tôi nhắm mắt, lẩm nhẩm cầu nguyện.

13. Đi Tới Cái Bẫy

Hiếm khi nào tôi lại ở gần kề cái chết đến vậy. Khi từ chối đề nghị của tên người Tàu, tôi có cảm tưởng mình nói những lời cuối cùng trên trái đất này.

Tôi sẵn sàng rơi xuống dòng thác đang sủi bọt dưới chân; tôi nghĩ mình đã chết ngạt...Tôi xin trao hồn mình cho Chúa.

Tôi ngạc nhiên nghe một tiếng cười ngẩn. Tôi mở mắt, thấy người trên giường ra hiệu cho hai tên tay chân kéo tôi lên. Hắn nói:

- Đại úy Hastings, ông là người can đảm, đức tính ấy, người phương Đông chúng tôi rất quý. Và tôi cũng đã lường trước. Bây giờ ta sang màn hai của vở kịch. Ông đã đổi mặt với cái chết của chính mình; vậy ông có muốn đổi đầu nữa vì một người khác?

- Ông định nói gì? - Tôi hỏi.

Nỗi sợ hãi kinh hoàng lại chạy xuyên người tôi.

- Ông chắc chưa quên bà nhà đang ở trong tay chúng tôi.

Tôi nhìn hắn hãi hùng đến mức không nói nên lời.

- Tôi tin là ông sẽ viết ngay lá thư đó. Đây, tôi có một mẫu điện sẵn, ông chỉ cần viết vào thôi. Chớ quên là vợ ông nằm trong tay chúng tôi.

Vẫn với vẻ trầm tĩnh lạnh lùng và giọng nói ngọt ngào, tên đao phủ nói tiếp:

- Đại úy, bút đây, viết đi, nếu không...

- Nếu không thì sao?

- Thì người phụ nữ mà ông yêu dấu sẽ chết: chết từ từ, chết đau đớn. Người thầy của tôi, ông Li Chang-yen, trong lúc rảnh, hay nghĩ ra nhiều kiểu nhục hình mới.

- Trời đất! - tôi kêu - Đồ khốn! Các người không được làm thế...

- Tôi có cần phải kể ra vài phát minh mới ấy?

Không thêm để ý những lời công phần của tôi, hẳn bắt đầu bình thần mô tả đủ loại nhục hình tàn ác. Cuối cùng tôi bật tai, hét lên khùng khiếp.

- Thế đã đủ rồi, hả đại úy Hastings? Vậy thì, cầm bút viết đi.
- Không bao giờ các người dám...
- Ông biết là chúng tôi dám tất cả. Viết mau đi.
- Và trong trường hợp ấy?
- Vợ ông sẽ được tự do. Lệnh thả bà ta sẽ được phát đi ngay.
- Làm sao tôi tin rằng các ông sẽ giữ lời hứa?
- Tôi xin thề trên mồ mả thiêng liêng của tổ tiên. Ông nghĩ xem: chúng tôi hại bà ấy làm gì, một khi mục đích đã đạt?
- Còn ... Poirot?
- Chúng tôi giữ ông ấy ở nơi an toàn cho đến khi chiến dịch kết thúc. Sau đó, ông ấy có thể đi.
- Ông cũng thề như thế nữa?
- Tôi xin thề. Thế đủ chưa?

Tôi mềm lòng, tôi sắp phản bạn... để dẫn anh tới số phận nào? Tôi vẫn còn do dự, song hậu quả ghê gớm nếu tôi từ chối trở lại óc tôi như một ác mộng.

Tôi nhún vai, chuẩn bị viết. Có thể viết khéo léo cách nào đó, tôi sẽ bán tin được cho Poirot mà tránh cái bẫy. Hy vọng cuối cùng của tôi là ở đó. Nhưng nó bị dập tắt ngay, vì cái giọng ngọt ngào lại cất lên:

- Để tôi đọc ông viết.

Hắn nhìn giấy tờ đặt trước mặt, bắt đầu:

- Anh Poirot thân mến, tôi nghĩ đã dò ra dấu vết của bọn Bốn Người. Một người Tàu đến gặp tôi trưa nay và nhờ tôi đến đây bằng một lá thư giả mạo. May thay, tôi đã phát hiện âm mưu và chạy thoát. Tôi đã đảo ngược các vai trò và nghĩ đã thành công. Tôi viết mấy chữ này nhờ một thanh niên chuyển đến anh, nếu cậu ta đưa tới nơi thì anh đãi cậu ta ít tiền, tôi đã hứa thế rồi. Tôi đang theo dõi ngôi nhà, không dám rời xa. Tôi sẽ đợi anh cho tới sáu giờ, quá giờ đó mà anh không tới, tôi sẽ đột nhập một mình. Cơ hội quá tốt không thể bỏ lỡ, dù thư này không đến tay anh. Còn nếu, như tôi hy vọng, cậu ta gặp được anh, hãy bảo cậu ta đưa anh đến. Hãy cải trang, bỏ râu mép đi, kéo có kẻ nào đứng rình trên cửa sổ, hẳn sẽ nhận ra anh. Thân ái. A.H.

Mỗi chữ tăng thêm sự thất vọng trong tôi. Bọn Bốn Người vô cùng nham hiểm. Chúng hiểu từng chi tiết mối quan hệ của chúng tôi. Nếu tự viết, tôi cũng sẽ viết như thế. Việc nói đến tên Tàu gặp tôi và nhờ tôi làm vô hiệu hoá dấu hiệu tôi để lại: bốn cuốn sách vùi dưới đất lúc tôi đi không còn tác dụng.

Chúng đã giăng bẫy tôi và tôi kịp thời phát hiện. Poirot sẽ hiểu như thế. Giờ giấc cũng được tính toán: nhận được thư, Poirot có đủ thì giờ chạy tới, do tên nọ dẫn đường. Không muốn để tôi đột nhập một mình. Poirot sẽ không do dự đến ngay để chỉ huy chiến dịch.

Tôi viết xong, tên kia cầm thư, đọc lại, gật gù và đưa cho một tên tay sai mang đi. Vẫn mỉm cười êm ái, hẳn cầm một mẫu điện, điền chữ vào, đưa tôi xem. Tôi đọc:

“Thả ngay người đàn bà da trắng”.

Tôi thở phào nhẹ nhõm.

- Ông gửi ngay chứ?

Hắn mỉm cười, lắc đầu:

- Gửi ngay khi ông Hercule Poirot đến đây. Còn trước đó...

- Nhưng ông đã hứa...

- Nếu kế hoạch không thành, tôi còn cần đến vợ ông để thúc đẩy ông làm một số việc khác.

Tôi tái mặt vì giận:

- Nếu làm sao...

Hắn giơ một tay lên:

- Ông yên tâm, tôi không tin là kế hoạch thất bại, và tôi sẽ giữ lời hứa.

- Nếu ông không giữ...

- Tôi đã thề trên mồ mả tổ tiên. Đừng sợ gì. Ông cứ ở đây, có bọn gia nhân trông nom khi tôi đi vắng.

Chúng để tôi một mình trong cái hang ổ lạ lùng và sang trọng dưới đất này. Một tên gia nhân trở lại với một mâm toàn đồ giải khát. Nhưng tôi hồi hộp không thể ăn uống gì.

Lát sau, tên chủ trở vào, to lớn, oai vệ trong bộ đồ lụa. Theo lệnh hắn, tôi được dẫn qua hành lang trở về ngôi nhà vào lúc đầu. Tôi ở một phòng dưới nhà, cửa chớp đóng nhưng qua khe có thể nhìn ra phố.

Một lão gia quần áo rách rưới đi đi lại lại trên vỉa hè đối diện; thấy hắn ra hiệu về phía ngôi nhà, tôi hiểu hắn là tên đứng gác.

Tên Trung Quốc cúi xuống gần tôi:

- Thành công rồi! Hercule Poirot đã sa bẫy. Ông ta đang đến, đi theo người dẫn đường. Bây giờ, ông còn phải sắm một vai nữa. Ông sẽ ra đứng trước bậc cửa và ra hiệu cho ông ta vào.

- Sao? - Tôi công phẫn.

- Ông chỉ có một mình! Nhưng hãy nhờ điều gì sẽ xảy ra với vợ ông nếu ông không làm tròn nhiệm vụ! Nếu Hercule Poirot có chút may mắn nghi ngờ và không bước vào, vợ ông sẽ chết trong muôn ngàn cực hình. Cẩn thận, ông ta đến.

Lòng đau đớn vì bị giằng xé dữ dội, qua khe cửa chớp tôi nhận ra bạn tôi đang đi trước mặt. Cổ áo kéo cao, khăn quàng vàng che kín nửa mặt dưới; nhưng không thể lầm được, đúng là dáng đi ấy, bộ điệu ấy, và cái đầu tròn như chiếc kẹo. Poirot hào hiệp đến cứu tôi, không biết là tôi đang phản bạn. Cảnh anh, một cậu bé đặc London đưa tay chỉ ngôi nhà.

Tôi đi ra phía hiên nhà và, thừa lệnh của chủ, một tên Trung Quốc mở cửa. Sau tôi là tiếng nói nhỏ:

- Nhớ là vợ ông sẽ phải trả giá thế nào.

Tôi đã ra ngoài cửa, và ra hiệu, Poirot vội bước sang đường.

- A! A! Anh bạn Hastings, vẫn nguyên vẹn? Tôi lo quá! Anh đã đột nhập chưa? Vậy trong nhà không có ai?

- Phải - tôi nói, cố làm ra tự nhiên. Chắc nhà có lối ra bí mật. Vào đây, ta cùng tìm.

Tôi lại vào trong cửa và Poirot không hay biết gì, sắp bước vào theo.

Lúc này, tôi không dừng được nữa: đầu tôi như sắp nổ tung: tôi nhổ vào cái vai Giu-đa mà tôi đang sắm.

- Lùi lại, Poirot - tôi kêu - Lùi lại, nguy hiểm! Đây là cái bẫy. Hãy mặc tôi. Chạy mau!

Trong khi tôi nói, hay đúng hơn tôi hét, tôi bị những bàn tay tàn bạo tóm chặt. Một tên tay sai vội lao ra phố hòng bắt Poirot. Anh vung tay, lùi về phía sau: đột nhiên tôi thấy mình bị trùm một lần khối đặc làm cho sặc sụa... Tôi gục xuống... Phen này chết thật rồi...

* * *Tôi tỉnh lại một cách từ từ, vất vả, và lơ mơ thấy bộ mặt Poirot lo lắng cúi xuống. Anh reo lên khi thấy tôi mở mắt.

- A! Hồi tỉnh rồi! ... Anh bạn tội nghiệp!

- Tôi đang ở đâu? - Tôi khó nhọc hỏi.

- Ở nhà anh! Ở nhà chúng ta!

Tôi nhìn quanh mình và ngạc nhiên nhận ra căn hộ của mình. Trước lò sưởi, vẫn còn bốn hòn than.

Poirot nhìn theo tôi:

-Ồ, đúng là một ý kiến tuyệt vời của anh... Cũng như bốn quyển sách! Nếu ai bảo rằng anh không phải là một bộ óc vĩ đại, tôi sẽ nói là hấn nói láo!

- Vậy ra anh đã hiểu tôi muốn nhấn gì?

- Chả lẽ tôi lại ngu vậy? Hiểu chứ! Anh báo hiệu thế là tốt, tôi kịp có thì giờ định kế hoạch. Tôi đã hiểu là anh bị bọn Bốn Người bắt đi. Nhằm mục đích gì? Không phải vì đôi mắt xanh của anh! Cũng không phải vì chúng sợ anh và muốn trừ khử anh. Không! Mục đích đã rõ. Các vị này sử dụng anh như con mồi để vươn tới Hercule Poirot vĩ đại. Từ lâu tôi đã chờ đợi một việc tương tự. Cho nên tôi đã chuẩn bị, và khi tên liên lạc bé con tới - tên này chỉ là một chú bé London vô tội - Tôi làm như không nghi ngờ gì và đi theo chú ta. May sao chúng lại cho anh đứng ngay trước bậc cửa! Tôi cứ sợ phải tiêu diệt chúng rồi mới cứu được anh.

- Tiêu diệt chúng - Tôi hỏi yếu ớt - Bằng cách nào?

-Ồ! Cũng không khó lắm. Tôi đã chuẩn bị trước mọi thứ. Anh biết khẩu hiệu của hướng đạo sinh: “Luôn sẵn sàng”? Tôi làm như thế. Trong số bạn bè, tôi có một nhà hoá học chuyên về hơi ngạt: anh ta làm cho tôi một quả bom nhỏ dễ mang, chỉ cần ném ra, ai thở phải hơi ngạt sẽ lăn ra bất tỉnh. Anh đã được thử nghiệm rồi đó! Ném bom rồi tôi huýt một tiếng, người của Japp vẫn bí mật theo tôi, lập tức lan tới. Họ rất thông minh, năng động.

- Vì sao anh không bị khói bom làm hại?

- Lại là một mẹo nhỏ, ông bạn quý của anh tên “Số Bốn” (vì chắc chắn hấn là tác giả đã thảo bút thư khôn khéo) đã nói về bộ ria của tôi: vậy thì chiếc khăn tôi trùm không phải để giấu bộ ria, mà giấu một bình thở đường khí.

Đột nhiên, bao lời đe dọa kinh khủng về số phận của vợ tôi trở về trí óc. Tôi bị trùm trong đám sương mù đỏ máu, và ngất đi.

Khi tôi tỉnh lại lần nữa, Poirot buộc tôi uống chút rượu.

- Anh làm sao vậy?

Dần dần tôi kể anh nghe những gì tôi trải qua. Poirot thốt lên:

- Khổ thân, chắc anh đau đớn lắm! Thế mà tôi không biết. Song hãy yên tâm đi. Mọi việc đều tốt.

- Anh muốn nói là sẽ tìm ra vợ tôi? Nhưng bà ấy ở tận Áchentina, chúng ta đến thì bà ấy chết từ lâu.

- Không, anh không hiểu! Bà ấy không sao. Có bị bắt cóc gì đâu.

- Nhưng rõ ràng tôi nhận được điện của Bronsen!

- Không! Anh nhận một bức điện ký tên Bronsen, đó là việc khác hẳn. Nào, anh có nghĩ rằng một tổ chức như bọn Bốn Người, có tay chân trên khắp thế giới, thừa sức tác động tới anh qua cô Lọ lem mà anh yêu dấu!

- Không, không bao giờ.

- Tôi thì đã nghĩ điều đó và sợ dĩ không nói ra, là để anh khỏi lo lắng vô ích...Tuy nhiên tôi đã đi bước trước. Tất cả thư từ của chị ấy gửi cho anh đều mang địa chỉ từ “Rancho”, nhưng thực tế từ ba tháng nay chị ấy đã chuyển sang ở một nơi an toàn mà tôi đề nghị.

Tôi trân trân nhìn anh, vẫn không tin:

- Có thực thế không? Hay anh nói thế chỉ để tôi yên tâm?

- Anh hãy tin tôi, Hastings! Chúng đã hành hạ anh bằng một lời nói dối.

Tôi quay mặt. Poirot đặt tay lên vai tôi, giọng anh có một âm điệu tôi chưa từng nghe thấy:

- Anh không thích tôi ôm hôn anh, vậy thì tôi sẽ cư xử như người Anh thực thụ, và không để cho tình cảm lai láng. Tôi chỉ tuyên bố rằng, trong vụ việc vừa rồi, mọi vinh dự đều thuộc về anh. Hạnh phúc thay cho ai có bạn như người bạn tôi đây!

14. Cô Gái Tóc Vàng

Kết quả chuyến hành động vừa rồi làm tôi rất thất vọng.

Trước tiên, tên cầm đầu đã trốn thoát. Lúc những cảnh sát của Japp lao đến theo tiếng huýt sáo của Poirot, họ tìm thấy bốn tên Trung Quốc nằm bất tỉnh, nhưng trong số đó không có tên đã dọa dẫm tôi.

Giờ đây, tôi nhớ là lúc tôi bị đưa ra bậc cửa để nhử Poirot, thì tên trùm đã lui lại sâu về phía sau. Chắc hẳn ở ngoài vòng tác động của hơi ngạt và đã chạy trốn bằng nhiều lối ra bí mật.

Bọn Trung Quốc bị bắt không khai được tin gì có ích. Chúng không biết tí gì về lũ Bốn Người. Họ là những cư dân bình thường của khu phố Tàu, không hề nghe nói đến tên Li chang-yen. Một chủ người Tàu đã thuê họ làm việc, họ không biết gì về công việc riêng tư của chủ.

Hôm sau, tôi hoàn toàn bình phục, trừ một chút nhức đầu. Chúng tôi trở lại cái khu phố đáng gờm để xem lại ngôi nhà tôi bị giam trong đó. Toàn bộ gồm hai nhà cũ kỹ, nứt nẻ, nối nhau bằng một hành lang ngầm dưới đất. Tầng trệt và gác trên đều trống không, kính cửa sổ vỡ được thay thế bằng những miếng ván xộc xệch.

Japp xuống hầm lục soát, đã tìm ra bí mật của lối vào hầm ngầm, nơi tôi đã trải qua một thời khắc kinh hoàng. Xem xét kỹ, thấy cảm giác của tôi hôm trước là đúng: các màn cửa, nệm giường, chăn, gối, thảm đều đẹp lộng lẫy. Chẳng phải người sành, cũng thấy mỗi thứ đều tuyệt hảo.

Được Japp và đồng đội giúp sức, chúng tôi lục soát rất kỹ, hy vọng tìm ra những tài liệu quan trọng ví dụ như danh sách những tay chân chính của Bộ Tứ vĩ đại hoặc một vài kế hoạch hành động nhưng không thu được gì. Giấy tờ duy nhất tìm thấy là những ghi chép mà tên người Tàu lấy làm cơ sở để đọc lá thư gửi Poirot, đó là một bản báo cáo rất đầy đủ về công việc, tính cách cũng như những điểm yếu của chúng tôi.

Khi nắm tài liệu này, Poirot thích chí như một đứa trẻ. Riêng tôi, tôi chẳng coi trọng nó chút nào, trong đó còn có những nhận xét lỗ bịch là đằng khác.

Trở về nhà, tôi bảo Poirot:

- Thế là anh đã rõ kẻ thù nghĩ gì về anh. Chúng còn thổi phồng khả năng trí tuệ của anh nữa đấy, ngược lại, đánh giá thấp khả năng của tôi. Nhưng những cái đó chẳng giúp ta tiến thêm bước nào.

Poirot ghì một tiếng cười nhỏ:

- Anh không thấy rằng chúng ta dễ dự đoán hơn các phương pháp tấn công của chúng? Ví dụ, giờ đây chúng ta biết phải suy nghĩ trước khi hành động. Chúng ta biết là không nên mủi lòng trước một phụ nữ xinh đẹp tóc hung đang gặp khó khăn trong cuộc sống.

Chả là chúng ghi chép rằng tôi dễ cảm trước những cô gái đẹp tóc vàng, càng vàng càng tốt. Lời ám chỉ của Poirot, tôi cho là không đúng chỗ, nên liền trả đũa bằng cách gây ông đập lưng ông:

- Còn anh, bao giờ thì anh hết bệnh “tự phụ quá đáng”?

Lời đáp ấy buộc bạn tôi phải thay đổi ít nhiều ý kiến về giá trị của những nhận xét về tính cách chúng tôi.

- Tất nhiên, chúng nghĩ sai về một số điểm, như vậy càng tốt! Đến lúc nào đó, chúng sẽ biết sự thật. Điều cốt yếu là phải học hỏi. Chớ quên rằng hiểu biết, tức là “sẵn sàng”.

Phương châm ấy, Poirot nói luôn mồm, khiến tôi phát chán.

- Dù sao, Hastings ạ, chúng ta đã biết thêm cái gì đó, vẫn là tốt. Cần biết thêm hơn nữa.

- Nhưng biết gì? Cần phải biết gì nữa?

Poirot ngồi chỉnh chệch vào ghế, đặt lại vào chỗ cái hộp diêm tôi vô ý để vương trên bàn, rồi lấy dáng điệu chúng tôi anh sắp định nói dài về vấn đề này:

- Này nhé, ta phải chống lại với bốn kẻ thù rất khác nhau. Đầu tiên là “Số Một”. Ta chưa từng tiếp cận hắn, chỉ biết hắn qua hành động: tất cả những kế hoạch, mưu mô đã xảy ra là xuất phát từ hắn, tên Li Chang-yen, bộ óc tinh vi, nham hiểm. “Số Hai” và “Số Ba” có quyền lực và địa vị quá cao, nên tạm thời ta chưa thể tấn công. Nhưng chính bởi hai tên này luôn phớt lờ mặt trước công chúng nên mỗi hành động, cử chỉ đều phải giữ vẻ bề ngoài nghiêm chỉnh. Cuối cùng, đến tên cuối cùng: “Số Bốn”.

Poirot hạ thấp giọng như mỗi khi anh nói tới nhân vật này.

- “Số Hai” và “Số Ba” có thể thành công và tiếp tục hành động nhờ danh tiếng và địa vị vững chắc của chúng. “Số Bốn” thì ngược lại: thành công của hắn là nhờ đứng trong bóng tối. Hắn là ai? Không ai biết. Hắn thế nào? Cũng không biết gì hơn. Tôi và anh đã nhìn thấy hắn mấy lần? Năm lần thì phải. Nhưng có lần nào ta nhận ra hắn không?

Tội buộc phải lắc đầu, trong khi trong đầu óc lướt qua hình ảnh của năm con người mà chỉ là một người: Tên giám thị nhà thương điên vạm vỡ, người khách lạ Paris cổ áo dựng cao, James tên bồi, tên bác sĩ trẻ trong vụ “Hoa nhài vàng” và cuối cùng: tên giáo sư người Nga. Không tên nào giống tên nào.

- Không! - Tôi nói giọng chán nản - Chẳng có gì làm ta nhận ra hắn.

Poirot mỉm cười :

- Chớ vội nản lòng. Có một hoặc hai điều mà ta biết.

- Ví dụ? - Tôi hỏi, bán tín bán nghi.

- Chúng ta biết “Số Bốn” người tạng trung bình, tóc màu hạt dẻ hoặc vàng; thật vậy, nếu hắn cao lớn, tóc nâu và lại có da ngăm đen, thì hắn không thể đóng vai bác sĩ Quentin người tầm thước và nước da sáng. Cũng có thể cho rằng James hoặc giáo sư Savaronoff làm cho mình cao thêm hai, ba phân một cách dễ dàng. Mặt khác, mũi hắn phải ngắn và thẳng: khéo cải trang thì có thể làm mũi to hơn, chứ làm ngắn thì rất khó! Cuối cùng hắn không thể quá bốn mươi tuổi. Tóm tắt lại, nhận dạng như sau: tuổi từ ba mươi đến bốn mươi, tầm cao trung bình, da sáng. Đặc điểm: mang một số răng giả. Nhận xét: cải trang rất cừ.

- Sao anh biết hắn mang răng giả?

- Nhớ không: tên giám thị nhà thương điên răng sứt và vàng; tên người Paris răng đều và trắng; bác sĩ Quentin răng hơi nhô, còn răng Savaronoff đặc biệt dài. Không gì làm bộ mặt thay đổi bằng một hàm răng thay đổi. Điều đó dẫn ta đến đâu?

- Không rõ ràng lắm.

- Người ta nói bộ mặt con người ta phản ánh nghề nghiệp của người ấy.

- Trường hợp này, nghề nghiệp nó là tội phạm.

- Đúng và là một chuyên gia cải trang.

- Thì cũng vậy.

- Xin lỗi! Có những chuyên gia hoá trang mà không phải là tội phạm! Anh vào hậu trường các nhà hát sẽ thấy... Có thể tin rằng thằng cha ấy đã từng là, hoặc đang là diễn viên!

- Diễn viên?

- Chứ sao, hắn biết đóng kịch vào bậc thầy. Xin nhớ có hai loại diễn viên: những kẻ nhập vào vai nhân vật như người ta nói, và những người áp đặt tính cách của chính mình vào vai họ đóng. Nói chung, loại sau mới sản sinh những diễn viên lớn, còn loại trước chỉ là kẻ bắt chước. Hãy tìm “Số Bốn” trong những kẻ loại này. Hắn đã tạo ra những kiệt tác bắt chước.

- Nếu tôi hiểu đúng, anh định truy tìm dấu tích của tên cướp thứ tư trong giới nghệ sĩ sân khấu?

- Đúng vậy, Hastings. Anh có đầu óc suy diễn tuyệt vời.

- Thật đáng tiếc là ý tưởng này không đến với anh sớm hơn, đỡ mất bao thì giờ - tôi lạnh lùng đáp.

- Anh nhầm rồi, từ nhiều tháng nay các cộng sự của tôi đã ra công tìm kiếm; một trong những cộng sự đó là Joseph Aaronson, chắc anh còn nhớ. Họ đã thu thập cả một danh sách những người có đặc điểm ít nhiều như tôi vừa nói, nhất là có năng khiếu bất chước nhân vật; phần lớn là những diễn viên đã rời bỏ sân diễn trong vòng ba năm trở lại.

- Vậy thì sao? - Tôi bỗng chú ý.

- Danh sách khá dài. Trước mắt, chúng tôi lưu ý bốn người như sau.

Poirot quăng cho tôi một tờ giấy, và tôi đọc to:

Ernest Luuttrell. Con trai một mục sư tỉnh nhỏ phía Bắc. Tình hình hư hỏng, làm khổ cha mẹ. Bị đuổi khỏi trường trung học. Năm hăm ba tuổi, bắt đầu diễn kịch (tiếp theo là kể các vai diễn hần đã sắm, có cả ngày giờ). Nghiện ngập ma túy. Cách đây bốn năm, không thấy còn ở nước Anh, và cho là đã sang Úc. Tuổi: ba mươi hai, cao: 1.78m, mặt nhẵn nhụi, tóc nâu, mũi thẳng, da sáng, mắt màu ghi.

John St. Maer, tên hiệu. Không rõ tên thật. Nguồn gốc gia đình khiêm tốn. Đã lên sân khấu từ lúc còn trẻ, thành công trong những tiết mục bất chước ở phần tạp kỹ. Từ ba năm nay không rõ tin tức. Tuổi: khoảng ba mươi lăm. Cao: 1.76m, mắt xanh, da sáng.

Austen Lee, tên hiệu. Tên thật là Austen Foley. Gia đình dòng dõi. Luôn có năng khiếu sân khấu. Bỏ học Oxford đi theo nghề kịch (tiếp theo là danh sách các vở đã tham gia). Ham mê môn tội phạm học. Cách đây ba năm rưỡi, bị sốc thần kinh do tai nạn xe hơi, không xuất hiện nữa trên sân khấu. Không biết hiện đang ở đâu. Tuổi, ba mươi nhăm; cao: 1.74m, da sáng, mắt xanh, tóc nâu.

Claud Darrell. Có thể là tên thật. Nguồn gốc bí ẩn. Đã diễn tạp kỹ và kịch. Có vẻ cô độc, không bạn bè. Đã đi Trung Quốc cách đây sáu năm, từ đó sang Mỹ và đóng vài vở ở New York. Một tối, không thấy có mặt trên sân khấu và biến mất từ đó. Cảnh sát cho vụ mất tích này là “rất bí ẩn”. Tuổi: chừng ba mươi ba, tóc màu hạt dẻ nhạt, da sáng, mắt màu ghi, cao: 1.79m.

Tôi đặt tờ giấy xuống, nói:

- Hay lắm. Vậy đây là kết quả tìm kiếm hàng tháng trời! Trong bốn tên này, anh chú ý ai nhất?

- Lúc này, câu hỏi vẫn còn để ngỏ. Chỉ tạm nhấn mạnh là Claud Darrell đã đi Trung Quốc và Mỹ, điều đó hẳn không phải không ý nghĩa. Tuy nhiên cũng không nên bị ảnh hưởng bởi định kiến. Có thể chỉ là sự trùng hợp.

- Chúng ta sẽ làm gì? - Tôi háo hức hỏi.

- Chúng ta đang làm rồi đó. Hằng ngày trên các tờ báo lớn đều đăng lời nhắn tin viết rất rõ ràng. Thân nhân và bạn bè những người nói trên xin hãy liên hệ với thư ký của tôi, ở văn phòng, tất nhiên. Rất có thể ngay hôm nay... A! A! Có điện thoại...

Tôi nhắc máy:

- Phải, nhà ông Poirot đây; tôi là đại úy Hastings. Ồ! Ông McNeil đấy ư (McNeil và Hodgson là những thư ký của Poirot). Tôi báo ông ấy. Chúng tôi đến ngay.

Tôi đặt máy, quay về phía Poirot, hết sức xao xuyến:

- Anh Poirot! Có một người đàn bà, tự nhận là bạn gái của Claud Darrell, một cô tên là Flossie Monroe, đang đợi ở chỗ McNeil.

- Ta đến ngay - nói rồi, Poirot vớ lấy mũ.

Taxi nhanh chóng đưa chúng tôi đến văn phòng của McNeil. Đang ngồi ở ghế trước mặt ông này là một bà từ lâu đã quá tuổi thanh xuân. Bộ mặt phần son loè loẹt được viền bằng một bộ tóc vàng kỳ lạ. Cái miệng đỏ chót tô son rất đậm nhovn cười với chúng tôi. McNeil nói:

- Xin giới thiệu ông Poirot. Thưa ông Poirot, đây là cô... hờ... Monroe, đọc lời nhắn tin, đã vui lòng đến gặp.

- Cô thật tử tế, thưa cô - Poirot nói.

Và anh tiến gần, bắt tay cô một cách thân mật.

- Cái văn phòng cổ lỗ, bụi bặm này càng làm tôn vẻ tươi đẹp của cô bội phần! - Anh nói tiếp, không cần để ý đến những gì McNeil và Hodgson có thể nghĩ.

Lời tán dương ấy không khỏi không có tác động: cô Monro ửng hồng đôi má và nũng nịu:

- Ô! Ông Poirot, ông cứ đùa! Tôi biết tính người Pháp các ông rồi.

- Khác với các bạn người Anh, chúng tôi không thể im lặng khi đứng trước sắc đẹp, thưa cô. Và cho phép đính chính: tôi không phải người Pháp, mà là người Bỉ.

- Tôi có biết Ostende - cô Monro vội nói. Lời lẽ phong nhã của Poirot hẳn đã làm cô siêu lòng.

- Cô bảo cô có thể cho biết vài tin tức về ông Claud Darrell?

- Tôi rất gần gũi với ông Darrell. Khi thấy nhan tin trên báo, tôi tự nhủ: Các ông này muốn biết tin tức về Claudy tội nghiệp... và họ là các nhà chức trách, nên có thể là liên quan đến của thừa kế. Lúc này đang rảnh, nên tôi đến ngay.

Ông McNeil đứng lên:

- Tôi có phải để ông nói chuyện riêng với cô Monro không, thưa ông Poirot?

- Ô không, ông McNeil. Xin ông cứ ở lại. Tôi nảy ra một ý: giờ ăn sắp tới, và tôi hy vọng sẽ có vinh dự được mời cô dùng bữa.

Mắt cô Monro sáng lên vì mãn nguyện! Hẳn cô đang không dư dật, một bữa ăn đàng hoàng đến thật đúng lúc.

Lát sau, ba chúng tôi lên xe taxi tới một hiệu ăn sang trọng của London. Poirot đặt một bữa ăn thịnh soạn.

- Cô dùng rượu gì, thưa cô? Sâm banh nhé?

Quả là, không có ai yêu mến Poirot hơn cô Monro lúc này!

Nhà thám tử đại tài liên tục rót đầy ly cho cô gái, khiến tôi hiểu ngay ý đồ. Dần dà, anh dẫn dắt cô vào câu chuyện cần thiết.

- Thật đáng tiếc là ông Darrell không có mặt với ta hôm nay!

- Vâng, thật vậy - cô Monro thở dài. Tội nghiệp cậu chàng. Không hiểu xảy ra chuyện gì?

- Cô không gặp ông ấy lâu chưa?

- Đã lâu lắm... Anh ta rất kín đáo, ít khi nói chuyện mình. Có việc gì vậy?

- Một chút của thừa kế - Poirot nói dối không đỏ mặt. Vấn đề bây giờ là phải xác minh lý lịch. Chúng tôi cần nói chuyện với người nào biết rõ ông ấy. Cô biết rõ ông ấy phải không?

- Quá rõ ấy chứ, thưa ông Poirot! Tôi nói thật, vì ông là người hào hoa quân tử, cứ xem cái cách ông gọi món ăn thì biết, bây giờ ít người sành như thế? Tôi nói vậy chắc không phật ý những người Pháp các ông. Ai Người Pháp là ranh mãnh lắm!

Cô ta tinh nghịch giơ ngón tay đe dọa.

- Vâng chuyện là thế này! Hồi trước, Claudy và tôi, hai người đều trẻ... còn có gì tự nhiên hơn? Thú thật là tôi cũng có phần siêu lòng vì anh ấy. Tuy nhiên, không phải bao giờ anh ta cũng chơi đẹp với tôi!... Anh ta không có thái độ đúng mức của người lịch thiệp đối với phụ nữ. Luôn luôn như thế mỗi khi dính dáng chuyện tiền nong.

- Cô đừng nói thế - Poirot lại rót đầy ly của cô - Chắc chắn Claudy yêu cô. Sao không yêu cô được? Còn cô, cô có yêu anh ta thật tình không? Về hình thức, anh ta thế nào?

- Anh ấy không có gì đặc biệt - Flossie Monro như nói với chính mình - Không cao không thấp, nhưng cân đối, mắt xanh xám, tóc vàng. Nhưng là diễn viên giỏi, tôi chưa từng thấy! Lẽ ra anh phải nổi danh từ lâu, nếu không bị người khác dèm pha, đầu đá. Ôi, ông Poirot, thói ghen tị mà!... Ông không thể hình dung chúng tôi khổ sở thế nào. Tôi nhớ một lần, ở Manchester...

Phải hết sức kiên nhẫn chúng tôi mới ngồi nghe hết một câu chuyện dài và phức tạp về những mưu mô tồi tệ của ngôi sao chính một nhà hát lớn ở Manchester.

Poirot tế nhị kéo cô gái lẩm lờ trở về Claud Darrell.

- Những điều cô nói về ông Darrell là rất có ích, thưa cô; phụ nữ văn quan sát rất giỏi, trông thấy và đôi khi ghi nhận những tiểu tiết mà chúng tôi không thấy. Tôi đã chứng kiến một bà ra nhận dạng một người trong số mười hai người. Bà ấy làm thế nào?... Đơn giản là bà đã chú ý rằng anh ta có tật sờ tay lên mũi mỗi khi lo lắng điều gì. Một người đàn ông không bao giờ để ý đến chuyện vặt như vậy.

- Tôi không lạ - Cô Monro nói - Quả thật phụ nữ chúng tôi có khiếu quan sát. Nghe ông nói tôi lại nhớ Claudy lại có tật mân mê bánh mì trong khi ăn! Anh ta bẻ vụn bánh mì, hoặc vờ tròn những mẩu ruột bánh. Tôi đã thấy anh ta làm thế đến trăm lần! Với cử chỉ ấy, tôi sẽ nhận ra anh ta bất cứ ở đâu!

- Phụ nữ thật tuyệt vời! Cô đã làm vinh dự cho phái đẹp! - Poirot xun xoe - Cô có nói với anh ta về tật ấy không?

- Không bao giờ, ông lạ gì đàn ông. Họ không thích ai nhận xét. Tôi không dă động bao giờ, chỉ cười thầm trong bụng, và lại anh ta làm thế một cách vô thức.

Poirot gật gù tán thưởng. Tôi nhận thấy tay anh hơi run khi đưa cốc lên miệng. Anh nói:

- Còn một cách nữa để nhận dạng, đó là chữ viết. Cô có giữ lá thư nào của Darrell?

Flossie nhăn mặt.

- Anh ta không hay viết. Không viết cho tôi một chữ nào.

- Thật đáng tiếc - Poirot nói.

- Tuy nhiên, xin nói ông điều này: tôi có một tấm ảnh, ông thấy có cần không...

- Cô có ảnh? - Poirot gần như chồm lên vì mừng.

- Vâng, nhưng cũ rồi... cách đây ít nhất tám năm.

- Không sao! May quá! Hy vọng cô cho phép tôi xem?

- Nhất định rồi, ông Poirot!

- Cô cho phép tôi sao lại nhé? Mất một chút thì giờ.

- Rất vui lòng!

Cô Monro đứng dậy:

- Tôi phải đi đây. Rất vui đã gặp ông, ông Poirot!

- Bao giờ cô cho xin ảnh?

- Tôi về tìm đã. Tôi nhớ đã để nó ở đâu, sẽ xin gửi tới ông ngay.

- Muôn vàn cảm ơn. Cô thật tử tế! Hy vọng chúng ta có dịp cùng dùng bữa.

- Tôi sẽ rất vui lòng - cô gái tóc vàng nhún nhảy đáp.

- Cho phép tôi xin địa chỉ của cô?

Vui vẻ hàng hoàng, cô Monro rút trong ví một tấm thiệp hơi nhăn, đưa cho bạn tôi: địa chỉ cũ đã bị xoá, thay bằng địa chỉ mới viết bằng bút chì.

Sau nhiều lần chào và đáp lễ, chúng tôi mới từ biệt được với người đẹp. Tôi hỏi:

- Anh có nghĩ bức ảnh ấy sẽ giúp ta được việc?

- Nhất định rồi, ảnh chụp không đánh lừa ta được. Chúng ta sẽ cho phóng to, và sẽ xem xét một số chi tiết còn chưa rõ; hình thù đôi tai thế nào, chẳng hạn... Và nếu Claud Darrell đúng là “Số Bốn”, chúng ta có một quân bài ăn chắc trong tay! Vì vậy ta phải có biện pháp đề phòng.

Poirot gọi điện hỏi một hãng thám tử tư mà đôi khi anh vẫn yêu cầu sự giúp sức. Anh dặn dò cụ thể: cử hai người đến địa chỉ đã định, canh chừng cho sự an toàn của cô Monroe.

- Cần thiết phải làm như thế sao?

- Phòng trước là hơn! Dù thế nào - anh và tôi vẫn bị chúng theo sát, và chúng sẽ biết hôm nay chúng ta vừa ăn với ai. Tên “Số Bốn” có thể đã đánh hơi thấy nguy hiểm.

Hai mươi phút sau, chuông điện thoại reo; tiếng người báo:

- Ông Poirot phải không? Đây là bệnh viện Saint - James. Cách đây mười phút, vừa chở tới một phụ nữ. Tai nạn giao thông. Tên là Flossie Monroe, bà ta yêu cầu gặp ông. Đến ngay, kéo bà không còn sống bao lâu.

Tôi chuyển lời nhắn cho Poirot. Mặt anh tái nhợt vì xúc động

- Mau, Hastings, ta đi ngay.

Mười phút sau, tắc xi đưa chúng tôi tới bệnh viện. Một nữ tu tròn mũ trắng gặp chúng tôi ngoài hành lang.

Poirot hiểu ngay:

- Chậm rồi.

- Bà ấy chết cách đây năm phút.

Poirot thực sự bị choáng. Bà nữ tu thấy vậy, nhẹ nhàng:

- Bà ấy không đau đớn, vì đã bất tỉnh. Bị xe hơi đụng, tên lái bỏ trốn, thật là khủng khiếp. Hy vọng có người ghi được số xe.

- Chúng ta không gặp may - Poirot khẽ nói.

- Các ông có muốn vào thăm?

Cô y tá dẫn chúng tôi tới nàng Flossie Monroe tội nghiệp. Trông như cô đang ngủ, nụ cười vẫn nở trên môi đậm son. Poirot lại lẩm bẩm:

- Đúng, trời đất không ủng hộ ta.

Rồi ngẩng đầu, anh hỏi:

- Có thật tai nạn không? Ôi anh Hastings, nếu không phải, tôi thề trên thi thể người đàn bà này là tôi sẽ trả thù không thương tiếc!

- Anh nói gì cơ?

Poirot quay về bà nữ tu, hỏi thêm chi tiết. Và anh có danh sách những đồ vật tìm thấy trong ví nạn nhân.

- Anh thấy chưa, Hastings?

- Tôi chưa thấy gì.

- Trong số đồ vật, không thấy có chìa khoá, mà nhất định cô ta phải mang theo chìa khoá. Rõ ràng là cô ta bị cố tình chết, rồi bị lấy chiếc chìa khoá trong ví. Chúng ta đến mau, may ra còn kịp trước khi chúng tìm thấy thứ chúng cần!

Tắc xi lại đưa chúng tôi đến địa chỉ mà Flossie Monroe đưa ra. Đó là một ngôi nhà bản thủ trong một khu phố tồi tàn. Khó khăn chúng tôi mới vào được căn hộ, ít nhất cũng tự an ủi là ai từ đây đi ra đều bị chung quanh nhìn thấy. Than ôi! Bọn chúng đã tới trước. Bàn ghế bị đập, quần áo bị rách, vật dụng khác vương vãi trên sàn. Một chiếc ghế, một cái kỷ đồ kèn chứng tỏ những kẻ đột nhập rất vội.

Poirot bắt đầu tìm kiếm trong động lộn xộn. Bỗng anh đứng dậy, kêu một tiếng, tay giơ một vật. Một khung ảnh cũ... không còn ảnh!

Poirot lật phía sau. Sau lưng dán một nhãn tròn ghi giá tiền.

- Bốn silinh - tôi đọc.

- Anh Hastings, hãy mở to mắt. Cái nhãn này còn mới! Chúng dán vào để thách thức. Tên đến trước để lấy ảnh biết là chúng ta sẽ tới. Nó là Claud Darrell, tức “Số Bốn”!

15. Tai Họa Kinh Hoàng

Sau cái chết của Flossie Monro, tôi nhận thấy ở Poirot có sự thay đổi... Trước khi xảy ra chuyện này, lòng tự tin vô hạn vào chính mình là không gì lay chuyển, nhưng giờ đây cả một quá trình nỗ lực đã khiến anh mệt mỏi. Anh tỏ ra nóng nảy, và tâm trạng bồn chồn thể hiện thành những phản xạ khó đoán.

Anh hết sức tránh những lời nói liên quan đến Bộ Tứ và có vẻ chỉ lo những công việc thường lệ, trong khi thực ra anh vẫn bí mật xúc tiến điều tra cái vụ việc mù mờ này.

Tôi nhận thấy anh thường luôn tiếp khách là người Xlavơ và dù anh không giải thích gì với tôi, tôi hiểu là anh đang xây dựng một chiến lược mới. Những người khách lạ nọ được anh sử dụng làm công cụ.

Một hôm, nhân được nhờ xem lại sổ sách để kiểm tra tiền chi tiêu, tôi thấy anh đã chi một số tiền lớn (lớn cả với anh là người có thu nhập đáng kể) cho một người Nga nào đó, mà cái tên dài lủng củng gồm hầu hết các mẫu tự của bảng chữ cái.

Tuy nhiên, Poirot vẫn giấu kế hoạch với tôi. Anh chỉ nói luôn mồm rằng sai lầm lớn nhất là đánh giá sai kẻ thù, và tôi kết luận là anh quyết cố để khỏi mắc sai lầm đó.

Mọi việc cứ thế diễn tiến cho đến cuối tháng Ba. Một buổi sớm, Poirot tuyên bố:

- Sáng nay, ta cần ăn mặc thật chỉnh tề, đến chỗ ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Thật ư? Hay đây, ông ấy giao anh việc này à?

- Không hẳn. Chính tôi đã yêu cầu cuộc gặp này. Anh còn nhớ tôi đã kể, có lần tôi đã giúp ông ta một việc nhỏ? Từ đó ông rất tin phục tôi, và tôi muốn tận dụng thiện chí ấy. Và như anh biết, ông Desjardeaux, Thủ tướng nước Pháp, hiện đang ở thăm London; nên theo đề nghị của tôi, ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ mời luôn ông cùng dự.

Sydney Crowther, Bộ trưởng Nội vụ nước Anh là một nhân vật danh tiếng. Người đã cao tuổi, có dáng bộ dễ mến, đôi mắt màu ghi tinh nhanh, tiếp chúng tôi với vẻ xuề xòa thường thấy ở ông.

Thủ tướng nước Pháp, người mảnh, có bộ mặt diễn cảm điểm bộ râu nhọn, đang đứng dựa lò sưởi. Ông Crowther nói:

- Ông Poirot, chúng tôi nghe ông nói. Tôi hiểu là ông muốn thông báo một tin tức quan trọng vào bậc nhất.

- Đúng vậy, thưa ngài Bộ trưởng. Trên thế giới đang có một tổ chức tội phạm do bốn người chỉ huy. Bọn này được mệnh danh là “Bộ Tứ Vĩ đại”, hoặc nôm na là bọn “Bốn Người”. “Số Một” là người Tàu, tên Li Chang-yen. “Số Hai” là nhà tỉ phú Mỹ Abe Ryland; “Số Ba” là một phụ nữ Pháp; còn “Số Bốn” có nhiều căn cứ để tôi cho là một diễn viên người Anh ít tên tuổi, Claud Darrell. Bốn tên đó liên kết với nhau để thiết lập một nền độc tài bộ tứ trên toàn thế giới. Và chúng có khả năng đạt điều đó.

- Thật khó tin - Thủ tướng Pháp lắm bả - Sao Ryland có thể dính đến một chuyện như vậy? Vô lý!

- Xin phép cho tôi kể một vài chiến tích của Bộ Tứ vĩ đại!

Poirot đứng lên, bắt đầu nói. Anh nói ngắn, nhưng thống thiết. Đã biết rõ mọi chi tiết, song tôi vẫn xúc động khi nghe anh trình bày bao chuyện xảy ra và kịch tính của cuộc chiến đấu chống bọn Bốn Người.

Poirot nói xong, ông Desjardeaux im lặng nhìn Crowther. Ông này hiểu câu hỏi bao hàm trong cái nhìn đó.

- Vâng, tôi cho là phải công nhận Bộ Tứ vĩ đại là có thật! Lúc đầu, Scotland Yard cũng muốn coi thường song chẳng bao lâu phải công nhận ông Poirot nói đúng ở hơn một điểm: vấn đề là xem các giả thuyết của ông ấy có cơ sở đến đâu. Tôi không tin là ông Poirot... khước đại quá đáng.

Để giải đáp, Poirot kể ra mười sự việc chính. Tôi đã được yêu cầu không để lộ ra công khai, kể cả vào giờ phút này. Tuy nhiên tôi được phép nói đó là những tai họa dưới đáy biển châu Mỹ, những tai nạn máy bay kỳ lạ những sự chuẩn bị chiến tranh, tuyên truyền bạo lực do một số đảng cực đoan tiến hành. Theo Poirot, đó đều là tác phẩm của Bốn Người. Chúng nắm giữ những phương tiện khoa học loài người chưa từng biết.

Cuối cùng, Thủ tướng Pháp nêu câu hỏi mà chúng tôi chờ đợi:

- Ông nói người thứ ba của tổ chức này là một phụ nữ Pháp: tên bà ta là gì?

- Một cái tên nổi tiếng, thưa ngài Thủ tướng. “Số Ba” không ai khác là bà Olivier.

Ông Desjardeaux chồm lên:

- Bà Olivier? Không thể được! Vô lý! Không có lẽ! Lời ông nói là một sự xúc phạm!

Poirot bình tĩnh lắc đầu, không nói gì.

Ông Desjardeaux kinh ngạc nhìn Poirot một lúc, rồi quay sang Bộ trưởng Bộ Nội vụ:

- Ông Poirot là người có tiếng, điều ấy đã rõ, nhưng những con người lớn đôi khi có tật nhỏ. Tật của ông phải chăng là tưởng tượng ra những âm mưu, rồi gán nó cho những người quen biết? Ông nghĩ sao, ông Crowther?

Crowther suy nghĩ một lát, rồi thông thả cân nhắc từng chữ, đáp:

- Thực ra, tôi không biết. Tôi đã và vẫn tin tưởng ông Poirot, nhưng phải công nhận trường hợp này là khó tin.

- Đã có ai nghe nói đến cái tên Li Chang-yen? - Desjardeaux hỏi.

- Tôi - Ingles, từ nãy không nói gì, đáp.

Vị thủ tướng Pháp quay nhìn Ingles. Vị bộ trưởng Anh nói:

- Ông Ingles đây là người am hiểu nhất về Trung Quốc.

- Và ông đã nghe nói đến Li Chang-yen?

- Trước hôm ông Poirot đây đến nói với tôi, tôi cứ tưởng ở nước Anh chỉ có mình tôi biết. Xin ông tin rằng, người duy nhất đáng kể hiện nay ở Trung Quốc, là Li Chang-yen. Có lẽ hẳn là người thông minh nhất thế giới!

Desjardeaux choáng người, suy nghĩ, rồi nói tiếp, giọng bình tĩnh hơn:

- Rất có thể những khẳng định của ông Poirot nói chung là có cơ sở, nhưng về bà Olivier, chắc chắn ông đã lầm: đó là một bác học lớn cả đời chỉ có nghiên cứu!

Poirot khẽ nhún vai như chán nản, lặng im. Sau một, hai phút, anh đứng lên, lấy bộ nghiêm trang đến mức ngộ nhĩnh.

- Đó là tất cả những gì tôi muốn thông báo tới các ngài. Tôi biết trước là các ngài sẽ không tin, do đó tôi không lấy làm lạ, nhưng dù sao tôi cũng yêu cầu các ngài cảnh giác. Những điều tôi nói, ắt sẽ động lại một cái gì, và nếu xảy ra sự cố gì mới, các ngài hãy nhớ lại. Tôi cần phải trình bày hôm nay, sợ rằng sau này sẽ không còn nói được nữa.

- Ông muốn nói gì? - Bị ấn tượng bởi sự nghiêm trọng của Poirot, Crowther hỏi.

- Tôi muốn nói từ khi tôi xác định được lý lịch của “Số Bốn”, cuộc sống của tôi không đáng giá bao nhiêu nữa. Hẳn sẽ tìm cách thủ tiêu tôi bằng mọi giá; hẳn rất xứng với danh hiệu “Kẻ tiêu diệt !” Thưa ngài Crowther, cho phép tôi chuyển cho ngài chiếc chìa khóa và phong bì này. Tôi đã tập hợp mọi ghi chép về

vụ này, chỉ ra những cách mà tôi cho là cần thiết để đấu tranh chống tai hoạ. Trường hợp tôi chết, tôi đồng ý để ngài sử dụng những tài liệu này. Và bây giờ, xin các ngài cho phép tôi cáo lui.

Desjardeaux chào đáp lễ. Crowther đứng lên, bắt tay ông bạn cố tri.

- Ông đã thuyết phục tôi. Dù vô lý đến thế nào, tôi vẫn tin ở ông.

Ingles cùng chúng tôi ra về. Poirot nói:

- Tôi không thất vọng. Desjardeaux thì tôi nghĩ khó thuyết phục. Cuộc gặp này ít nhất cũng làm tôi yên tâm rằng mọi việc tôi làm là không vô ích, nếu một mai tôi bị thủ tiêu. Không thuyết phục được hai thì được một, cũng là kết quả.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với ông - Ingles nói - Ông Poirot, tôi sắp trở lại Trung Quốc.

- Như thế có khôn ngoan không?

- Không - Ingles nói ngay - Nhưng cần trở lại. Mỗi người làm được gì thì phải cố làm.

- A, ông thật dũng cảm. Nếu không đang ở ngoài đường, tôi xin ôm hôn ông - Poirot xúc động.

Ingles tỏ vẻ phân chấn... vì đang ở ngoài đường.

- Tôi nghĩ ông ở London còn nguy hiểm hơn tôi ở Trung Quốc.

- Có thể - Poirot nói. Mong muốn duy nhất của tôi là chúng không giết cả Hastings.

Sau khi chia tay ông Ingles, chúng tôi yên lặng đi một quãng. Bỗng nhiên, Poirot tung ra một lời bất ngờ:

- Tôi nghĩ phải lôi thằng em tôi vào cuộc.

- Sao, em anh? - tôi sững sốt - Tôi không biết là anh có em trai!

- Anh này lạ thật. Anh không biết rằng tất cả các thám tử nổi tiếng đều có những người anh em có thể còn nổi tiếng hơn, ít nhất là vì sự lười biếng bẩm sinh?

Có những lúc, không thể biết Poirot đùa giỡn hay nghiêm chỉnh.

- Tên cậu em là gì? - Tôi hỏi, đành coi đó như chuyệť thật.

- Achille. Achille Poirot; hấn ở gần Spa, bên Bỉ.

- Cậu ta làm gì? - Tôi hỏi tiếp vì tò mò, không dă động đến xu hướng thủ cự đã khiến cụ bà Poirot xưa đặt cho các con những cái tên lấy từ huyền thoại!

- Như tôi đã nói, hấn ngồi không. Thế mới chết. Lười chảy thây. Nhưng thực ra, nó có khả năng chẳng kém tôi, nói thế là đủ!

- Hình thức giống anh không?

- Giống, nhưng không điển trai bằng! Nó không để ria. Chúng tôi cũng sinh ra đời một lúc.

- Thế là anh em sinh đôi? - Tôi kêu.

- Đúng vậy. Bao giờ anh cũng có kết luận đúng đắn. Nào! Về đến nơi rồi, lại phải lo giải quyết vụ chuối vòng của nữ công tước.

Song chuối vòng của nữ công tước lại phải đợi đấy vì một vụ khác hấn lại nhờ cậy đến chúng tôi.

Thật vậy vừa về đến nhà, bà Pearson đã báo là có một nữ y tá đang chờ Poirot.

Một thiếu phụ xinh đẹp mặc đồng phục xanh sẫm ngồi trên chiếc ghế bành lớn trông ra cửa sổ; cô ta có vẻ rụt rè, song Poirot với lời lẽ khéo léo đã làm cô ta lấy lại tự nhiên.

- Tôi đến để xin một lời khuyên, thưa ông Poirot. Đã xảy ra một chuyện kỳ lạ. Tôi được giáo đoàn các Nữ tu ở Lark cử đến chăm sóc một bệnh nhân ở Hertfordshire. Đó là ông Templeton, đã cao tuổi. Ngôi nhà và những người trong nhà rất dễ thương. Bà Templeton trẻ hơn chồng rất nhiều, ông này có từ đời vợ trước một anh con trai hiện đang cùng sống. Tôi không dám chắc là chàng trai này và bà mẹ kế có hoà hợp nhau

không. Cậu con này cũng lung tung lắm. Ngay từ đầu, tôi thấy bệnh tình ông Templeton khả bí ẩn; có lúc ông ấy có vẻ khỏe mạnh, rồi đột nhiên lại đau bụng, nôn ọe, đau đốn dữ dội. Tuy nhiên, bác sĩ dường như coi là việc bình thường, tôi không dám có ý kiến gì. Cho đến một hôm...

Cô đỏ mặt và ngừng nói.

- ... đã xảy ra một điều nào đó khiến cô nảy sinh nghi ngờ - Poirot nói hộ câu đang dở.

- Vâng. Đúng như vậy.

Rồi lại yên lặng, ngập ngừng. Cuối cùng:

- Tôi nhận thấy là cả các gia nhân cũng có lời tiếng đàm tiếu.

- Về bệnh tình ông Templeton?

-Ồ không! ... Về ... về chuyện khác...

- Bà Templeton?

- Vâng.

- Bà Templeton và ông bác sĩ chẳng?

Poirot đánh hơi rất nhạy về loại chuyện này. Cô y tá nhìn anh biết ơn và kể tiếp:

- Vâng, gia nhân có nhận xét, và một hôm chính tôi trông thấy bà Templeton và ông bác sĩ... cùng nhau... trong vườn.

Cô y tá chỉ nói đến thế. Cô có vẻ bất bình cao độ, nên không tiện hỏi rõ xem cô thấy gì trong vườn. Hẳn là cô đã nhìn thấy đủ để có một thái độ. Lấy lại bình tĩnh rồi, cô thông báo tiếp:

- Các cơn bệnh ngày càng nặng lên. Bác sĩ Treves nói đó là tiến trình tự nhiên của bệnh, và ông Templeton không còn sống được bao lâu. Trong suốt cuộc đời y tá, tôi chưa từng thấy như thế bao giờ. Triệu chứng ấy có thể coi như là...

Cô lại do dự.

- Bị đầu độc bằng thạch tín? - Poirot hỏi.

Cô y tá gạt đầu, nói tiếp:

- Một hôm, bệnh nhân nói một câu mà tôi không hiểu. Ông ấy nói: “Chúng sẽ bắt được ta. Bốn người, chúng sẽ bắt được”.

- Sao? - Poirot hỏi.

- Ông ấy nói đúng như thế. Phải nói rằng ông rất đau đốn, có lẽ ông ấy không hiểu mình nói gì.

- Theo cô, ông ấy nói “bốn người” là ý gì?

- Nào tôi biết. Tôi cho là ông ấy nói đến vợ, con, bác sĩ, và thêm nữa là cô Clark, người thường thắp từng bà Templeton. Có lẽ ông nghĩ rằng cả bốn đều liên kết chống lại ông.

- Đúng, đúng, có thể - Poirot ra vẻ đăm chiêu - Cô có kiểm tra được thức ăn của người bệnh?

- Tôi cũng cố, nhưng thường thì bà Templeton đòi được đích thân mang bữa ăn tối; hơn nữa, có những giờ tôi không trực.

- Tất nhiên. Cô có thể đủ chắc chắn có cơ sở để báo cảnh sát?

Nghe hai từ “cảnh sát”, cô y tá lộ vẻ kinh hoàng.

- Tôi đã làm thế này. Sau khi ăn xúp, ông Templeton bỗng lên cơn nặng. Tôi đã lấy phần xúp còn lại trong bát, mang đến cho ông. Hôm nay sau khi ông Templeton ngủ, tôi được phép vắng mặt.

Cô rút trong túi ra một lọ nhỏ, đưa Poirot.

- Tốt lắm, chúng ta sẽ cho đi kiểm nghiệm ngay; nếu khoảng một giờ nữa cô quay lại, có thể biết kết quả.
Sau khi hỏi tên và một vài nét tiểu sử của cô, Poirot tiễn cô ra về, rồi cho đưa cái lọ đến phòng thí nghiệm quen.

Trong khi chờ kết quả, Poirot kiểm tra lại các chức danh của cô y tá, khiến tôi hơi ngạc nhiên.

- Điều rất tự nhiên thôi, anh bạn, tôi phải rất thận trọng. Chớ quên là bọn Bốn Người đang rình.

Một nữ y tá tên Mabel Palmer, nhân viên của Viện Lark, đúng là đã được cử chăm sóc bệnh nhân mà ta biết.

- Đến giờ, mọi việc đều tốt - Poirot nói.

- À cô ấy đã trở lại đồng thời kết quả kiểm nghiệm được đưa tới.

Cô Palmer và tôi nóng lòng chờ Poirot công bố kết quả.

- Có tìm ra dấu vết thạch tín không? - cô hỏi.

Poirot gấp tờ giấy, lắc đầu:

- Không!

Cả hai chúng tôi đều rất ngạc nhiên.

- Không có thạch tín, nhưng có antimoan. Chúng ta phải đi ngay Hertfordshire. Mong rằng đến kịp.

Kế hoạch chiến đấu được bàn soạn:

Poirot tự giới thiệu thẳng thừng là thám tử, muốn hỏi bà Templeton về một người làm cũ dính vào một vụ ăn cắp nữ trang.

Chúng tôi để cô y tá về trước hai mươi phút để khỏi gây nghi ngờ, do đó bản thân đến “Elmstead” - cơ ngơi của ông Templeton - khá muộn.

Bà Templeton tiếp chúng tôi lịch sự, nhưng trong ánh mắt và cử chỉ có vẻ gì bồn chồn.

Khi Poirot tự xưng danh tính, bà hơi giật mình. Tuy nhiên bà trả lời khá tự nhiên những câu hỏi về người làm cũ. Để nghiên cứu phản ứng của đối tượng, Poirot kể một vụ đầu độc, trong đó thủ phạm là một người đàn bà. Mất anh không rời bà Templeton, bà ta cố gắng lắm mới kìm sự xao xuyến. Giữa chừng, bà ta lí nhí mấy lời xin lỗi rồi bỏ đi. Nhưng chúng tôi không ở lâu một mình: xuất hiện một người đàn ông vạm vỡ, ria mép màu hung, đeo kính một mắt. Ông ta tự giới thiệu:

- Tôi là bác sĩ Treves. Bà Templeton yêu cầu tôi xin các ông lượng thứ. Bà không được khỏe, từ khi chồng bà ngã bệnh, bà luôn luôn rối trí. Tôi đã cho bà uống bromuya và yêu cầu đi nằm. Bà Templeton mời các ông ăn tối tại đây, có gì ăn nấy, và giao cho tôi thay mặt chủ nhà. Ông Poirot, chúng tôi đã nghe nói nhiều về ông, và rất hân hạnh được tiếp ông. Ồ! Đây là Micky.

Một thanh niên chậm rãi đi vào. Mặt tròn, lông mày vểnh lên làm cho bộ dạng thêm ngơ ngác... Anh ta cười mà như mếu, bắt tay chúng tôi. Không thể lầm, đúng là con trai người bệnh.

Chúng tôi vào phòng ăn. Tận tình lo mọi việc để tiếp khách, bác sĩ Treves ra ngoài một lát. Đột nhiên nét mặt người con thay đổi; anh ta ngả đầu phía trước nhìn Poirot, nói thầm:

- Ông đến vì việc cha tôi phải không? Tôi biết nhiều chuyện mà mọi người không biết. Nếu cha tôi chết hẳn bà mẹ rất mừng, vì có thể kết hôn với bác sĩ Treves. Bà không phải mẹ đẻ của tôi. Tôi không ưa.

Câu chuyện có một cái gì buồn thảm. Nhưng bác sĩ Treves đã trở lại và chúng tôi buộc phải chuyển đề tài.

Đột nhiên, Poirot ngửa người ra phía sau, rên rỉ. Bộ mặt lộ vẻ đau đớn. Bác sĩ lo lắng hỏi:

- Thưa ông, ông đau ạ?

- Lại một cơn bất ngờ, thỉnh thoảng tôi thường bị. Không sao, thưa bác sĩ, tôi không cần gì, chỉ muốn nằm một lát. Ông cho phép tôi lên nghỉ ở một phòng, được không?

Ông bác sĩ tất nhiên đồng ý, và tôi đưa Poirot lên gác trên, và anh ngã vật xuống giường với tiếng rên rỉ ồn ào.

Lúc đầu, tôi cũng bị mắc lừa. Nhưng rồi tôi hiểu là Poirot đóng kịch, và anh làm thế chỉ cốt để ở ngay cạnh phòng ông Templeton.

Khi chỉ còn hai người, anh nhảy từ giường xuống.

- Hastings, mau chuẩn thôi! Bên ngoài có một cây leo, ta có thể trốn mà không ai thấy.

- Trốn ư?

- Phải, phải đi ngay khỏi nhà này. Anh không thấy hân trong bữa ăn à?

- Ai? Ông bác sĩ?

- Không, thằng con trai Templeton. Anh không thấy nó mân mê bánh mì? Có nhớ Flossie Monroe nói gì trước khi chết? Claud Darrell có tật dùng ruột bánh mì để nhặt những vụn rơi vãi trên khăn bàn. Hastings, ta đang đứng trước một âm mưu rộng lớn, và thằng cha có bộ mặt thơ ngây ấy không là ai khác kẻ thù chính: “Số Bốn”. Ta đi mau.

Tôi không tranh cãi. Dù khó tin thế nào, tôi thấy tốt hơn là không nên trì hoãn. Chúng tôi bám vào cây leo tụt ra ngoài nhà và chạy một mạch ra ga, vừa kịp để nhảy lên tàu chuyển cuối cùng lúc tám giờ ba mươi tư, và khoảng mười một giờ về tới London.

- Đúng là một âm mưu - Poirot nói - chúng có bao nhiêu người tham gia chuẩn bị trò này, tôi không biết. Tất cả mọi người trong gia đình Templeton đều là tay chân bọn Bốn Người. Chúng chỉ muốn nhử ta vào bẫy, hay kế hoạch của chúng còn tinh vi hơn? Có thể chúng muốn giữ tôi ở đó đủ thời gian để chúng phạm một tội ác nào đó?

Anh mơ màng suy nghĩ một lát lâu. Rồi nói:

- Cẩn thận anh Hastings, tôi ngờ lắm. Để tôi vào trước.

Và anh thực hiện luôn. Tôi bật cười thấy anh cẩn thận dùng một chiếc guốc do gia nhân bà Pearson bỏ vương gần đấy để ấn vào nút bật đèn. Anh dò dẫm quanh phòng như con mèo lạc vào đất lạ sẵn sàng đối phó mọi tình thế... Tôi bắt đầu sốt ruột:

- Có gì lạ không?

- Không, nhưng phải đề phòng.

- Thật buồn cười! Để tôi đốt lò sưởi, rồi hút điếu thuốc. Này nhé, hôm nay đến lượt tôi phê bình anh, anh dùng diêm sau cùng và không để nó vào chỗ cũ.

Đứng lúc tôi sờ vào hộp diêm, Poirot kêu lên một tiếng ngăn lại và lao về phía tôi. Chậm rãi! Cùng lúc tiếng động chói tai nổ tung, một luồng sáng xanh loé lên, rồi tất cả chìm trong tối đen.

Khi mở mắt trở lại, tôi thấy bộ mặt quen thuộc của một người bạn, bác sĩ Ridgeway, cúi xuống nhìn. Anh khẽ nói:

- Đúng cử động, anh đã khá hơn rồi. Tai họa khôn lường.

- Poirot đâu? - tôi hỏi.

- Anh đang ở nhà tôi. Mọi việc tốt. Đừng hỏi.

Một nỗi sợ kinh hoàng xâm chiếm hồn tôi; câu trả lời chung chung của bác sĩ làm tôi hoảng hốt.

- Poirot đâu? Anh ta sao rồi?

Ridgeway hiểu là tôi nhất định đòi biết sự thật, lảng tránh là vô ích.

- Anh thoát được là may lắm. Poirot không được như thế.

- Anh ấy chết rồi?

Bác sĩ cúi đầu, môi run run.

Tôi thu hết tinh lực, kêu to:

- Nếu Poirot chết, tinh thần anh vẫn sống! Tôi tiếp tục nhiệm vụ của anh!... Tiêu diệt bọn Bốn Người.

Và tôi lại ngã xuống, bất tỉnh.

16. Tên Trung Quốc Hấp Hối

Ngay giờ phút này, tôi vẫn thấy khó nhọc khi kể lại những ngày tháng Ba ấy.

Poirot duy nhất, Hercule Poirot vô song đã chết. Vụ nổ đã tạo ra âm mưu quái quỷ gì vậy? Lời phê bình nửa đùa nửa thật của tôi với Poirot làm cho tôi vô cùng hối hận. Theo lời bác sĩ Ridgeway, tôi chỉ bị choáng mạnh và may mắn thoát chết; lẽ ra tôi cũng có thể không còn ở trên đời này nữa.

Chiều hôm sau, tôi đã đứng dậy được, đi lảo đảo sang phòng bên cạnh để cúi đầu trước bộ quan tài bình dị chứa đựng những gì còn lại của một trong những người kiệt xuất của thời đại.

Ý kiến duy nhất của tôi là phải rửa thù cho Poirot, lao đi truy đuổi bọn Bốn Người, bắt chúng phải trả giá đắt.

Tôi nghĩ là Ridgeway sẽ ủng hộ tôi, song rất ngạc nhiên thấy bác sĩ tỏ vẻ lững lờ. Anh nói:

- Anh nên về Áchentina. Làm sao mà đội đá vấ trời?

Tôi đoán anh ta nghĩ: Poirot, Poirot độc nhất vô nhị còn thất bại, thì tôi liệu có ăn thua gì?

Nhưng tôi quyết tâm, không cần biết mình có đủ bản lĩnh để hoàn thành nhiệm vụ hay không. Tôi đã tham gia cùng Poirot ngay từ đầu vụ việc, tôi là người duy nhất hiểu các phương pháp của anh; tóm lại, tôi có đủ tư cách để tiếp tục công việc!

Người bạn thân nhất của tôi bị hạ sát một cách bỉ ổi, tôi không thể trở về nhà như một tên hèn nhát mà không tóm cổ bọn giết người.

Tôi nói như vậy với Ridgeway, anh ta vẫn không khuyên tôi từ bỏ ý định.

- Anh không làm gì được đâu, và tôi tin Poirot nếu còn sống cũng giục anh về nhà. Nhân danh người bạn chung của chúng ta, tôi van anh, hãy gác kế hoạch rồi đại lại, trở về với trang trại của anh. Hãy nghĩ tới chị ấy đang chờ anh.

Thái độ của ông Growthier giống hệt Ridgeway, nghĩa là khuyên tôi trở về Nam Mỹ; ông nói khéo léo và chân tình. Tôi xin được cộng tác với ông, ông từ chối. Ông bảo đảm đã có biện pháp phòng ngừa cần thiết theo đúng những chỉ dẫn mà Poirot để lại. Lời bảo đảm ấy còn lâu mới thỏa mãn tôi, nhưng chúng tôi đành chia tay ở đó.

Tôi xin lỗi chưa nói đến lễ tang Poirot. Tang lễ tổ chức trang trọng và cảm động. Cơ man bó hoa, vòng hoa của cả những người bình thường và quan chức nhân vật danh tiếng. Toàn thành phố London tỏ lòng ngưỡng mộ con người đã làm vinh dự cho đất nước mình cư trú. Tôi xúc động vô tả lúc bên bờ huyệt nhớ lại những hoạt động, lời nói, những ngày đẹp đẽ cùng sống.

Đầu tháng Năm, kế hoạch chiến đấu của tôi được hoàn thành. Tôi theo đúng chương trình của Poirot, cho đăng tiếp trên các bài báo lời nhắn để biết thêm tin tức về Claud Darrell. Một buổi sáng, ngồi trong một quán nhỏ ở Soho, tôi soát lại các lời nhắn tin đó. Nhưng khi giờ sang trang để liếc qua tin tức trong ngày, tôi bật lên một tiếng kêu.

Tin viết vắn tắt, cho biết ông Ingles mất tích một cách bí ẩn trên tàu Thượng Hải, khi tàu này rời bến Marseille ít lâu. Người ta sợ là ông bị rơi xuống biển. Mẩu tin kết thúc bằng mấy lời nói về những việc ông đã làm tại Trung Quốc.

Tôi không tin đây là tai nạn: những kẻ giết Poirot cũng là những tên giết John Ingles!

Đang còn xúc động vì cái tin buồn thảm ấy, tôi ngừng đầu lên thì nghe có tiếng người gọi.

Đó là một người đàn ông gầy, tóc nâu, cao trung bình, sắc da nhợt nhạt, bộ râu nhỏ cắt nhọn. Anh ta đã lạng lẽ đến ngồi cũng bàn, mà tôi không để ý.

Cử chỉ hắn rất kỳ lạ: hắn cúi đầu về phía tôi, xúc bốn nhúm muối vào đĩa của tôi, rồi cầm dao gỗ bốn tiếng lên bàn, nói giọng đều đều:

- Xin lỗi, người ta nói mời muối một người lạ tức là muốn gây chuyện. Tôi không muốn thế, mặc dầu việc đó có thể khó tránh!... Tất cả tùy thuộc vào ông!... Mong ông tỏ ra hiểu biết.

Rồi hắn cố tình làm lại cử chỉ lúc nãy vào đĩa của hắn. Sự lặp lại con số bốn là quá rõ, không thể không hiểu. Tôi nhìn dò hỏi người khách lạ. Hắn không giống con trai Templeton, không giống James hoặc bất cứ nhân vật nào đã gặp trên đường đi. Tuy nhiên, hình như tôi đang đối mặt với tên “Số Bốn”. Có lẽ chỉ có giọng nói của hắn gợi tôi nhớ tới giọng của kẻ mặc áo vên cao cổ đã đến gặp chúng tôi ở Paris.

Tôi nhìn xung quanh. Hắn nhận ra ngay sự lo lắng đó, mỉm cười và lắc đầu:

- Tôi yêu cầu ông giữ bình tĩnh. Đừng lặp lại cái trò hấp tấp ở Paris! Tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng đường rút lui... Đại úy Hastings, hãy bình tĩnh!... Ta trò chuyện một cách thân thiện.

- Đồ khốn kiếp! - Tức điên người, tôi quát.

- Chớ nổi nóng, ông bạn quá cố của ông sẽ nói kẻ nào giữ bình tĩnh là kẻ đó có lợi thế.

- Người còn dám nói tới ông ấy, người mà các người đã ám sát. Giờ lại còn đến đây...

- Tôi đến đây nhằm mục đích rất hòa bình; tôi chỉ đơn giản khuyên ông hãy quay ngay về Áchentina. Nếu ông nghe theo, Bộ Tứ sẽ quên ông. Ông và các bạn ông sẽ không bị phiền hà nữa. Tôi xin hứa.

Tôi làm bộ bất cần, hỏi:

- Và nếu tôi từ chối, các người sẽ làm gì?

- Đại úy Hastings, tôi cảnh cáo ông! Không ngoan thì hãy nhớ lấy.

Hắn đột ngột đứng lên, tuồn nhanh ra cửa. Tôi chồm dậy đuổi theo, không may vấp phải một ông to béo chần lỏi. Đến lúc có đường đi, thì con mồi đã thoát ra ngoài. Cùng lúc, một gã phục vụ ôm một chồng đĩa cao lại làm vướng lối đi. Khi tôi ra đến cửa, thì không nhìn thấy ai nữa.

Gã phục vụ không ngớt lời xin lỗi, còn ông to béo đang hoàng ngồi vào bàn gọi thức ăn.

Bề ngoài, tôi chỉ không gặp may. Nhưng trong thâm tâm tôi tin chắc tất cả những người đó là tay chân của Bộ Tứ.

Tôi không thêm quan tâm đến lời cảnh cáo nọ, lòng quyết tâm hoặc thắng, hoặc chết thì thôi.

Tôi nhận được hai lời đáp cho mẩu nhắn tin; đó là từ những diễn viên cùng thời với Claud Darrell, nghĩa là đã lâu. Cả hai người này đều không thân thiết, không theo dõi những hoạt động cũng như đời tư của Darrell từ khi hắn giã từ sân khấu.

Mười ngày trôi qua không tiến triển được gì. Nhưng một buổi sáng, tôi đi ngang công viên Hyde Park, thì có một giọng êm ái của người nước ngoài gọi:

- Ông có phải là đại úy Hastings?

Một chiếc xe hơi đẹp đồ sộ xích cạnh vỉa hè. Một phụ nữ sang trọng, mặc đồ đen, chuỗi ngọc đắt tiền đeo cổ, ngó người ra cửa xe. Tôi nhận ra nữ bá tước Rossakoff đã gặp ở Paris dưới cái tên Inez Vèroneau. Mụ khốn nạn này cũng nằm trong băng cướp ấy!

Trước đây, vì lý do tiếng nào đó, Poirot có thái độ nương nhẹ với nữ bá tước. Chả là mụ có bộ điệu đáng hoàng của người đàn bà quý phái. Dù hành tung mụ thế nào, anh có vẻ không coi mụ là kẻ thù.

- Dừng lại đã - mụ nói. Tôi có điều này rất quan trọng nói với ông. Và nhất là đừng vội báo cảnh sát, như thế thật ngốc nghếch! Ông đã từng đại ngốc, và bây giờ vẫn đại ngốc không chịu nghe lời cảnh cáo. Tôi xin

nói lần thứ hai: hãy rời nước Anh ngay lập tức. Ông không làm gì được ở đây đâu. Không hy vọng một kết quả.

- Nếu vậy - tôi gạt phắt - tôi lấy làm lạ sao tất cả các người đều muốn tôi đi khỏi?

Nữ bá tước nhún vai... và thú thật là mụ có đôi vai tuyệt trần!

- Phần tôi, tôi chẳng quan tâm, vì ông chẳng mấy nguy hiểm, nhưng cấp trên ngại rằng một tiếng nào đó lọt vào tai một tay cáo già nào siêu hơn ông. Ông phải biến ngay!

Nữ bá tước đã đánh giá thấp khả năng của tôi. Tôi không phản ứng, vì tin đó là cách nói cổ tình, cốt làm cho tôi thấy mình chẳng quan trọng gì. Mụ nói tiếp:

- Gạt ông sang bên đôi với chúng tôi chẳng khó gì, nhưng đôi lúc, tôi cũng nổi cơn tình cảm, nên đã can thiệp giúp ông. Ông chả có một bà vợ xinh đẹp đó sao? Tôi biết là cái ông tội nghiệp đã chết sẽ rất vui biết ông được khoan nhượng. Tôi rất có cảm tình với ông ấy. Ông ấy rất thông minh! Nếu chúng tôi không là bốn người đánh một, tôi tin ông ấy sẽ thắng. Tôi đã gửi một vòng hoa đến lễ tang để tỏ lòng ngưỡng mộ. Một vòng hoa to, toàn hồng đỏ.

Tôi nghe mà càng lúc càng kinh tởm, nhưng không nói gì.

- Tội nghiệp đại úy Hastings, ông buồn như con lừa. Đừng ngoan cố nữa! Tôi đã nói lời cảnh cáo thứ hai. Nhớ rằng lời thứ ba sẽ tới từ tay “Kẻ tiêu diệt”!

Mụ ra hiệu cho lái xe, và chiếc ô tô đi khuất sau lối rẽ. Tôi ghi số xe, không hy vọng sử dụng. Về việc này, chúng rất tinh quái!

Từ tất cả những gì mụ bá tước nói, đọng lại một điều: tính mạng tôi đang lâm nguy. Không bỏ cuộc, nhưng phải hành động với muôn vàn thận trọng.

Cùng ngày, có người gọi tôi qua điện thoại:

- Alô! Đại úy Hastings! Đây là bệnh viện Saint-Gilles. Vừa chở đến một người Trung Quốc bị đâm ngoài phổi. Đang hấp hối. Chúng tôi gọi điện cho ông vì trong người hắn có mảnh giấy ghi tên và địa chỉ của ông.

Suy nghĩ một lát, tôi trả lời sẽ đến ngay.

Bệnh viện Saint-Gilles nằm trong khu phố cảng; có thể người Trung Quốc này mới đến chẳng?

Dọc đường, tôi tự hỏi đây có phải là cái bẫy mới không. Liên quan người Trung Quốc, vậy có phải bàn tay của Li Chang-yen? Câu chuyện hồi nọ cũng trong khu phố này trở lại trong trí óc.

Tên Trung Quốc chắc lại nêu một số chỉ dẫn; nếu tôi theo, tôi sẽ sa vào tay bọn Bốn Người.

Vậy thì như Poirot sẽ làm, cứ giả vờ tin và cảnh giác.

Tới bệnh viện, tôi được đưa tới giường kẻ hấp hối. Hắn hoàn toàn bất động, mắt nhắm nghiền, chỉ ngực hơi phập phồng chứng tỏ hắn còn sống.

Một bác sĩ đứng bên, bắt mạch:

- Hắn kiệt sức rồi. Ông biết hắn không?

Tôi lắc đầu.

- Vậy thì sao hắn có tên và địa chỉ của ông? Ông đúng là đại úy Hastings ?

- Đúng, nhưng tôi cũng không hiểu gì hơn ông!

- Thật kỳ cục! Theo giấy tờ, người Trung Quốc này từng là gia nhân của một ông tên là Ingles, công chức hưu trí. Ông biết ông ta không?

Gia nhân của ông Ingles! Nếu vậy, tôi đã nhìn thấy anh ta. Thực ra tôi không bao giờ phân biệt được người Trung Quốc này với người Trung Quốc khác. Anh ta có thể đã tháp tùng Ingles ở Trung Quốc. Sau tai nạn xảy ra với chủ, hẳn anh ta trở lại nước Anh, mang theo một thông tin nào đó cho tôi. Sự việc trở nên quan trọng.

- Liệu anh ta có nói được không? - Tôi hỏi bác sĩ - Ông Ingles là bạn quen cũ, mà anh này có thể có điều gì cần truyền đạt với tôi! Ông biết là bản thân Ingles đã bị nạn cách đây khoảng mười ngày!

- Anh ta vẫn tỉnh, nhưng sau khi mất máu quá nhiều tôi sợ anh ta không còn sức để nói. Tôi sẽ trích một mũi trợ lực.

Trong khi bác sĩ tiêm thuốc, tôi đứng sát bên giường, hy vọng nghe một lời, hoặc thấy một cử chỉ gì soi sáng vấn đề. Nhưng từng phút trôi qua, vẫn không có gì.

Một ý nghĩ nắn lòng thoáng qua: tên Trung Quốc này lạ nhận là gia nhân của John Ingles, nhưng biết đâu hẳn chẳng là tay sai của Bộ Tứ? Tôi biết, một số sư sãi Tàu, rất giỏi giả vờ chết. Hơn nữa, Li Chang-yen có thể có dưới trướng cả một đội đệ tử mù quáng sẵn sàng xả thân phục vụ hắn.

Trong khi tôi nghĩ ngợi như thế, nạn nhân cựa quậy trên giường, mắt mở, hẳn lầm bầm vài tiếng không rõ. Lát sau hắn trừng trừng nhìn tôi: tôi cảm thấy hắn muốn nói gì. Phải cố nghe thôi, dù hắn là bạn hay thù!

Tôi cúi xuống, nhưng những tiếng bập bôm nghe được không ra ý nghĩa gì.

Tôi loáng thoáng hiểu ra một từ “bàn tay”. Rồi một từ khác “Largo”. Hai từ ghép vào nhau có ý nghĩa thế nào?

- Bàn tay Largo? - tôi hỏi.

Tên Trung Quốc chớp mắt, như để xác nhận những từ tôi nhắc lại, rồi thốt ra một tiếng thứ ba nghe như tiếng Ý:

“Carrozza”. Một tiếng hàm hồ khó nghe nữa, một tiếng rên, rồi hắn ngật đầu về phía sau.

Người bác sĩ gạt tôi ra, thế là hết.

Tôi rời bệnh viện, cực kỳ hoang mang.

“Bàn tay Largo” và “Canozza”. Những từ đó nghĩa gì?

“Carozza” tiếng Ý, có nghĩa “xe hơi”. Nhưng tên kia người Trung Quốc, không phải người Ý, tại sao hắn nói tiếng ấy?

Về tới nhà, tôi thấy có lá thư trên bàn. Liếc mắt qua, tôi thấy tim đập rộn ràng. Thư của công chứng viên viết cho tôi:

Kính thưa ông,

Theo đúng chỉ dẫn của thân chủ tôi là ông Hercule Poirot, chúng tôi xin chuyển tới ông lá thư kèm theo đây. Thư này được ông Poirot giao chúng tôi một tuần trước khi mất, với lời dặn là chuyển tới ông một thời gian nào đó sau khi ông chết. Xin kính gửi ông lời... vân vân.

Tôi lật đi lật lại chiếc phong bì kèm theo. Không nghi ngờ gì nữa, đúng là nét chữ của Poirot mà tôi từng biết rõ. Lòng hồi hộp, tôi run run mở phong bì.

Bạn thân mến,

Thư này đến tay anh thì tôi không còn trên đời này nữa. Đừng khóc thương tôi, hãy nghe lời tôi dặn. Ngay khi nhận mấy chữ này, hãy trở về Áchentina; đừng cố tình theo đuổi vụ này nữa. Tôi khuyên vậy không phải chỉ vì tình cảm, mà nó nằm trong kế hoạch của tôi. Với một người thông minh như anh, thiết tưởng không cần nói gì thêm.

Đã chào bạn Bốn Người từ cõi vĩnh hằng. Xin gửi lời chào.

HERCULE POIROT

Tôi đọc đi đọc lại lá thư bất ngờ này. Một điều hiển nhiên: anh bạn kỳ diệu của tôi đã giỏi dự trù mọi khả năng, đến mức chết rồi mà vẫn tiếp tục kế hoạch hành động! Anh vẫn là thiên tài chỉ đạo mọi việc, tôi chỉ còn biết làm tròn nghĩa vụ người thừa hành.

Về tới bên kia đại dương, chắc tôi sẽ nhận được chỉ dẫn cụ thể; trong khi đó, kẻ thù yên trí là đã khuất phục được tôi, sẽ không quan tâm nữa; và sau đó tôi có thể trở lại không bị nghi ngờ, và sẽ đập tan mọi âm mưu của chúng.

Cho nên tôi quyết định ra đi không chậm trễ, và tám ngày sau, tôi lên dênh trên tàu Ansonia tiến thẳng về Buenos-Aires.

Tàu vừa rời bến, người phục vụ mang tới một mảnh giấy, do một người to béo mặc áo lông đưa cho anh, ông này đã rời tàu ngay lúc tàu kéo cầu.

Nội dung thư rất ngắn: “Ông làm thế là tốt”. Dưới ký số 4 to. Tôi mỉm cười.

Biển tương đối lặng. Tôi bình thản ăn tối, tự tiêu khiển bằng cách quan sát một số khách cùng đi. Cuối cùng, chơi một ván bài, rồi đi ngủ. Trên tàu bao giờ tôi cũng ngủ như chết.

Giữa đêm, tôi bị đánh thức một cách kỳ lạ nhất. Bị lay mạnh, tôi mở mắt và bàng hoàng nhìn thấy một sĩ quan; anh ta có thể mừng vì tôi đã tỉnh dậy!

- Lạy Chúa! Tôi cứ tưởng ông không thức dậy nữa!

- Chuyện gì vậy? - tôi hỏi - Cháy tàu à?

Viên sĩ quan cất giọng:

- Việc gì thì ông biết hơn mới phải; chúng tôi nhận được lệnh đặc biệt của Bộ Hải quân; một khu trục hạm đang chờ để đưa ông đi.

- Sao! - tôi kêu - Giữa biển khơi?

- Đúng thế, việc này rất lạ, nhưng lệnh là lệnh. Một người trẻ tuổi đã rời khu trục hạm, lên tàu này để thế chỗ ông. Chúng tôi được lệnh giữ bí mật tất cả chuyện này. Mời ông dậy và mặc quần áo!

Tôi làm theo, lòng phân vân khôn tả. Một chiếc salúp đưa tôi sang khu trục hạm. Viên thiếu tá tiếp tôi lịch sự, nhưng không giải thích gì hơn. Ông được lệnh trả tôi lên bờ nước Bỉ, sau đó là hết trách nhiệm.

Tôi có nằm mơ không? Không, trò này hẳn nằm trong kế hoạch của Poirot; vả lại tôi đâu có được lựa chọn. Tốt nhất cứ làm theo và tin tưởng tuyệt đối. Tôi được đưa lên bờ ở một nơi vắng vẻ, có ô tô đợi. Xe đưa tôi qua vùng đồng bằng. Tôi nghỉ đêm trong một khách sạn nhỏ ở Bruxelles, và sáng hôm sau tiếp tục đi. Cảnh trí dần hiểm trở hơn, chúng tôi tới dãy Ardeunes. Điều này làm tôi nhớ đến người em sinh đôi của Poirot, cư trú gần Spa. Nhưng rồi xe rời đường lớn, đi vào một hướng khác. Cuối cùng, sau nhiều giờ, chúng tôi dừng lại ở một xóm nhỏ, trước một ngôi nhà lẻ loi trên sườn đồi.

Cánh cửa màu xanh mở ra, và một ông già người hầu đỡ tôi xuống xe.

- Ngài đại úy Hastings phải không ạ? - Ông cụ hỏi - Ông chủ đang đợi... mời ngài đi theo tôi...

Ông cụ dẫn tôi qua sảnh, mở một cánh cửa rồi né sang bên để tôi vào.

Căn phòng đầy ánh sáng mặt trời khiến mắt tôi hấp háy. Cuối cùng tôi thấy một người đang đợi, giơ hai tay đón.

Đó là không!... Tôi mê ngủ!... Nhưng rõ ràng...

- Poirot! - Tôi kêu lên, và lao vào vòng tay anh, ôm chặt.

- Đúng, tôi đây! Hercule Poirot đâu có dễ chết vậy!

- Nhưng... nhưng... chuyện thế nào?

- Chỉ là mưu mẹo chiến đấu, anh bạn. Và bây giờ, ta sẵn sàng quây mề lớn.

- Thế mà anh để tôi tưởng anh đã chết? Không biết xấu hổ. Anh phải tin tôi chứ, và cho tôi biết trước.

- Không thể được, như vậy anh sẽ không đóng đúng vai của mình trong lễ tang. Sự đau buồn của anh là bằng chứng tốt nhất rằng tôi đã chết. Chỉ có cách ấy mới đánh lừa được bọn Bốn Người!

- Thế mà tôi đã đau đớn...

- Thì tôi đâu có phải vô tri. Cũng vì lợi ích của anh mà tôi chọn cách ấy. Tôi sẵn sàng chịu hiểm nguy trước tính mạng, nhưng không muốn để tính mạng anh nguy hiểm. Sau khi nghĩ kỹ, tôi đã có ý kiến giả chết, ông bác sĩ Ridgeway giúp tôi làm việc đó. Thực ra tôi tưởng sau đó, anh sẽ trở về Áchentina, nhưng anh không chịu, nên tôi mới phải dùng đến lá thư để lại trước khi chết! Điều quan trọng là anh đã ở đây. Từ nay đến lúc hữu sự, bọn Bốn Người cần phải nghĩ hai ta đều vắng mặt.

17. “Số Bốn” Lại Thắng

Từ nơi trú tạm ở Ardennes, chúng tôi theo dõi mọi việc xảy ra ở trên thế giới rộng lớn.

Chúng tôi có đủ các thứ báo, và mỗi sáng, Poirot lại nhận một phong bì dày, chắc là báo cáo. Mặc dù anh không nói gì, tôi cứ nhìn nét mặt anh là biết tin tức có tốt lành hay không.

- Anh biết không, tôi rất khổ tâm biết anh luôn gặp nguy hiểm, trong khi tôi yên trí ở đây. Tôi bồn chồn không yên, và anh không thể tưởng tượng tôi mừng thế nào khi kéo được anh về gần tôi! Dù đối thủ phát hiện ra đại úy Hastings vừa cập bến bên kia đại dương là một kẻ giả danh, thì không có gì đáng sợ. Chúng sẽ suy ra là anh định đánh lạc hướng chúng, và không hơi đâu để theo dõi hành động của anh. Hơn nữa tên tay chân của Bộ Tư ở Buenos-Aires có trách nhiệm xác nhận anh đã tới nơi, chưa chắc đã biết mặt anh. Điều cốt yếu mà chúng nắm được, là tôi đã chết. Vì vậy, chúng sẽ xúc tiến tích cực các kế hoạch.

- Rồi sao?

- Rồi sao ư? Sẽ là sự hồi sinh vĩ đại của Hercule Poirot! Tôi sẽ tái xuất hiện vào phút chót, và sẽ thắng lợi vang dội!

Đúng là Poirot không thay đổi! Luôn tự tin là mình hơn hẳn. Tôi khéo léo nhắc anh nhớ là đối phương đã nhiều lần giành lợi thế. Nhưng thật vô ích khi vấp phải sự mê tín của Poirot đối với chính mình.

- Anh thấy không, đúng là anh phải biết cái ngón bài sau. Anh lấy bốn quân tốt, để rải rác trong cỗ bài, anh trang bài... mà cuối cùng bốn quân tốt vẫn ở bên nhau! Chính tôi đang muốn điều ấy; tôi đã đánh lúc tên này, lúc tên khác, nhưng hãy chờ lúc tôi gom cả bốn đứa lại, như bốn quân tốt của cỗ bài, và anh sẽ chỉ thấy một keo, tôi sẽ hạ cả bốn.

- Đồng ý, nhưng anh làm thế nào mà gom chúng lại?

- Tôi chờ cái phút đỉnh cao mà chúng tụ nhau lại nhằm một hành động chung. Còn từ nay đến đó, tôi tiếp tục giả chết.

- Nhưng phải chờ bao lâu nữa?

- Anh vẫn hay nóng vội, anh Hastings! Nhưng không, hãy yên tâm, không lâu nữa đâu. Người duy nhất trên đời mà chúng sợ (tức là tôi) đã chết.

Do liên tưởng, tôi nghĩ đến cái chết của ông Ingles, và tôi kể Poirot nghe về tên Trung Quốc ở bệnh viện Saint-Gilles. Poirot có vẻ rất chú ý.

- Tên gia nhân của John Ingles?... Và anh bảo là hắn đã nói mấy từ tiếng Ý?... Kỳ lạ thật!

- Vì thế tôi mới cho là lại một âm mưu nữa của chúng!

- Sai lầm lớn! Hãy bắt chát xám làm việc, và anh sẽ thấy nếu đối thủ muốn nhét gì vào đầu anh, chúng sẽ diễn tả bằng tiếng Anh! Không! Người anh gặp thực tình muốn nhắn anh điều gì. Anh thử nhắc lại những lời nghe thấy xem nào.

- Đầu tiên, hắn nói cái gì như là: “Bàn tay Largo”, rồi hình như là “Carrozza” ... nghĩa là “xe hơi”, có phải không?

- Có thể thôi?

- Cuối cùng tôi nghe như “Cara”, rồi một tên phụ nữ, “Zia”, thì phải. Chẳng liên quan gì đến khúc đầu.

- Anh lầm rồi, Hastings! Trái lại, “Cara Zia” rất quan trọng!

- Quan trọng ở chỗ nào?

- Ôi, anh không bao giờ thấy gì cả! Cực hơn nữa, giống như tất cả người Anh, không thuộc địa dư.

Theo thói quen, Poirot không nói gì hơn nữa. Sự im lặng ấy càng làm tôi bức tức. Nhưng tôi thấy anh ra vẻ mừng rỡ, và tôi biết niềm vui ấy có nghĩa là: nhà thám tử đánh hơi thấy một dấu vết mới.

Ngày lại ngày trôi qua, nhàn tản và hơi đơn điệu. Đành rằng ngôi nhà có một tủ sách rất tốt, hoặc có thể có những cuộc dạo chơi thú vị ở vùng lân cận song tôi cứ thấy bứt rứt vì quá rỗi rãi. Trong khi đó, Poirot vẫn bình thản như không.

Cho đến cuối tháng Sáu. Một buổi sáng, từ sớm, một xe hơi đậu trước cửa nhà: đó là sự kiện hiếm hoi ở cái xóm nhỏ này khiến tôi phải tò mò đi xuống xem là ai. Poirot đang chuyện trò với một trang nam nhi bộ điệu dễ mến.

- Hastings, xin giới thiệu đại úy Harvey, một nhân viên xuất sắc của cơ quan mật vụ nước ta.

- Tôi không xuất sắc đến thế đâu - Harvey cười thật thà.

- Không xuất sắc đối với ai không hiểu biết; còn với những người biết rõ, thì anh là xuất sắc! Hastings, anh có tưởng tượng không, trong giới thượng lưu người ta coi đại úy Harvey là một công tử bột chỉ biết nhảy tăng-gô, uống rượu và mê ca-vát.

Harvey và tôi cùng cười. Poirot nói:

- Nào, ta vào việc. Anh cho là đã đến lúc?

- Chúng tôi tin là đã đến lúc.

- Li Chang-yen đã xuất đầu lộ diện. Còn những tên khác?

- Abe Ryland đã tới nước Anh cách đây tám ngày và hôm qua đã rời đó đi Châu Âu.

- Mụ Olivier?

- Đêm qua đã rời Paris.

- Đi Ý?

- Phải, đi Ý. Cả hai chắc đi đến cái nơi ông đã chỉ... Nhưng sao ông biết?

- Thành tích này không phải của tôi, mà của ông bạn Hastings. Anh ấy khiêm tốn, giấu tài cán của mình.

Harvey quay nhìn tôi về ngưỡng mộ, làm tôi hơi ngượng.

- Thôi thế là mọi việc tiến triển - Poirot nói - Thời điểm đã đến; mọi biện pháp đã sẵn sàng.

- Mọi chỉ thị của ông đã được tiến hành. Các chính phủ ủng hộ chúng ta và hợp tác thân thiện.

- Một Hội Quốc Liên mới! - Poirot mỉm cười. Rồi trở lại nghiêm túc, anh thêm:

- Rất mừng là Desjardeaux cuối cùng đã được thuyết phục. Nào! Chúng ta sẽ bắt đầu, hay đúng hơn, tôi bắt đầu. Hastings, tôi muốn anh ở lại đây, không muốn anh bị nguy hiểm.

Tôi phản đối cực lực, Poirot đành chịu.

Trên chuyến tàu đưa chúng tôi đi Paris, anh thú nhận là rất vui có tôi bên cạnh.

- Anh sẽ đóng một vai trò, vai quan trọng! Tôi có nghĩa vụ báo anh biết, nếu không nghe tôi, chiến dịch này sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Có nguy hiểm ư?

- Anh bạn thân mến, dính đến bọn Bốn Người bao giờ cũng nguy hiểm.

Tối Paris, chúng tôi ra ga miền Đông. Lúc này Poirot mới cho tôi biết sẽ đi Bolzano, rồi tới vùng Tyrol nước Ý.

Nhân lúc vắng mặt Harvey chạy đi đâu đó, tôi hỏi tại sao Potrot gán cho tôi cái thành tích tìm ra cơ hội hợp của đối phương.

- Vì đúng là thế mà! Bằng cách nào Ingles biết được, tôi không rõ. Nơi chúng ta sắp đến gọi là Karersee, mà tên mới người Ý gọi là “Largo de Carezza”. Bây giờ anh hiểu chưa, cái mà anh nghe nói là “Carezza”, “Cara Zia” và “Largo” ấy. Còn “bàn tay”, chắc là anh tưởng tượng ra thôi, trừ khi tên gia nhân muốn nói đến “Bàn tay bọn Bốn Người”

- Tôi chưa từng nghe nói Karersee là nơi nào.

- Thì tôi bảo mà, người Anh không thuộc địa dư. Đó là một nơi tuyệt đẹp, nhiều người biết. Ở độ cao một ngàn hai trăm mét trên dãy Dolomites.

- Và bọn Bốn Người hội họp ở đó?

- Đại bản doanh của chúng ở đấy. Lệnh báo động đã phát, nên chúng chỉ mong được biến nhanh. Từ trong lòng pháo đài nằm sâu trong núi, chúng tiếp tục phát đi mệnh lệnh. Tôi đã tìm hiểu, đó là một mỏ đá hiện đang khai thác. Đường như đây là một cơ nghiệp của Ý, nhưng thực ra nó thuộc Abe Ryland. Tôi cam đoan là ở đó, trong lòng núi, có một pháo đài ngầm. Từ nơi ẩn náu này, bọn chỉ huy ra lệnh bằng vô tuyến điện. Chúng có hàng ngàn tay chân ở mỗi nước, sẵn sàng thi hành. Chính từ cái pháo đài dãy Dolomites này sản sinh những tên ghê gớm, hay đúng hơn chúng có thể xuất hiện, nếu Hercule Poirot này không ra tay!

Harvey trở lại, làm câu chuyện giữa chúng tôi gián đoạn. Chúng tôi tới Bolzano vào giữa trưa, và lại lên xe để leo tới Karersee. Trời nóng, nhưng Poirot ăn bận trùm kín đến mặt: anh đề phòng gì, hay sợ bị cảm? Chuyến đi kéo dài hai tiếng. Phong cảnh thật sự tuyệt vời. Sau khi qua một thung lũng màu mỡ rộng hàng cây số, chúng tôi lên dốc tới những chòm núi đá. Mỗi bước ngoặt lại mở ra một viễn cảnh mới. Con đường khúc khuỷu len lỏi giữa các khối đá hiểm trở. Cuối cùng, ô tô dừng trước một khách sạn lớn, có vị trí tuyệt đẹp.

Họ đã giữ cho chúng tôi những phòng trông ra núi: cảnh đỉnh núi đá với những sườn phủ đầy thông thật thần tiên.

- Ở đây ư? Poirot khẽ hỏi.

- Phải - Harvey đáp - Có một nơi gọi là “Mê cung đá”; toàn những tảng đá khổng lồ, hình thù quái đản! Mỏ đá ở phía phải, nhưng tôi đã nghĩ là lối vào ở ngay trong mê cung.

Poirot ra hiệu cho tôi:

- Lại đây, ta xuống sân thượng, hưởng ánh nắng.

- Anh thấy thế có nên không?

Anh nhún vai thay trả lời.

Ánh sáng chói chang, mắt tôi khó chịu đựng. Chúng tôi dùng một tách cà phê rồi lên phòng để xếp đồ đạc. Poirot có vẻ như đắm chìm trong giấc mơ. Một hai lần, thấy lắc đầu và thở dài.

Lúc xuống tàu ở Bolzano, tôi để ý có một người khách đợi xe. Điều làm tôi để ý, là người ấy cũng ăn bận trùm kín, hơn cả Poirot! Ngoài chiếc áo khoác ngoài thùng thình và chiếc khăn len trùm mũi, người ấy còn đeo kính xanh mắt to. Tôi nghĩ là một tên tay sai của Bộ Tứ.

Tôi nói điều đó với Poirot, nhưng anh chẳng có vẻ quan tâm. Ít lâu sau, tôi thông báo với anh là người khách nọ đang lảng vảng trước khách sạn, tôi nhìn qua cửa sổ và trông thấy.

Mặc tôi nói, Poirot vẫn đòi xuống phòng ăn, và chúng tôi được một ngời vào bàn cạnh cửa sổ. Chúng tôi ngồi chưa ấm chỗ, thì tiếng quát mạnh và tiếng bát đĩa vỡ loảng xoảng vang lên: một cậu bồi bàn vụng về đã đổ cả một đĩa thức ăn lên vai một thực khách ngồi ở bàn cạnh chúng tôi.

Người quản lý vội vàng chạy đến xin lỗi rồi rút.

Lát sau, khi anh bồi bàn đó đến phục vụ chúng tôi, Poirot nói nhỏ:

- Thật là sự cố đáng tiếc, song lỗi không phải tại anh.

- Ông đã trông thấy? Vâng, đúng không phải tại con. Ông ấy đột nhiên đứng chồm lên, cứ như là đang lên cơn gì vậy!

Một ánh mắt ranh mãnh loé lên trong mắt Poirot. Cậu bồi bạn đi rồi, anh ghé vào tai tôi:

- Anh thấy chưa, hiệu quả của việc tôi xuất hiện bằng xương bằng thịt.

- Sao... Anh nghĩ là?

Tôi không kịp nói hết câu, Poirot đã đặt tay lên đầu gối tôi, nói nhẹ, nhưng hơi xúc động:

- Nhìn xem, cái tạt hần vo viên bánh mì! “Số Bốn” đó!

Đúng thế. Người khách ngồi bên cầm một mẩu ruột bánh đi đi trên bàn.

Tôi quan sát kỹ lưỡng: bộ mặt sầm sập, bì bì có một vẻ không lương thiện. Những nếp nhăn dưới mắt, đi từ cánh mũi đến hai bên mép càng tăng vẻ xấu xí. Hần trạc từ năm năm đến bốn năm và không giống bất cứ một nhân vật nào hần từng đóng vai. Nếu Poirot không chỉ cho tôi cái tạt của hần, tôi sẵn sàng thề là chưa bao giờ gặp hần.

- Nó đã nhận ra ta - tôi khẽ nói - Lẽ ra anh không nên xuống ăn ở đây.

- Thì tôi giả chết ba tháng nay chỉ nhằm một mục đích này!

- Để tóm được tên “Số Bốn”?

- Phải, để bắt được hần ở lúc mà hần phải hành động ngay hoặc không làm gì cả. Lúc này, ta có lợi thế: hần không biết rằng ta nhận ra hần. Hần tưởng vẫn an toàn trong vai kịch của hần. Ôi, cảm ơn Flossie Monro đã lộ ra cái tạt của hần.

- Giờ chuyện gì sẽ xảy ra?

- Có thể xảy ra cái gì? “Số Bốn” nhận ra người duy nhất mà hần sợ, sống lại một cách thần kỳ đúng lúc kế hoạch Bộ Tư được đặt lên bàn cân. Mụ Olivier và Abe Ryland đã ăn trưa hôm nay tại đây: chính thức thì chúng đã đi Cartinas, nhưng thực tế chúng đang nằm trong hang ổ. Giờ này, chắc chắn “Số Bốn” đang phân vân tự hỏi chúng ta đã biết những gì. Hần không muốn mạo hiểm, do đó chỉ còn một việc chắc chắn là hần phải trừ khử được tôi. Vậy thì hần cứ thử trừ khử đi, tôi đợi!

Lúc Poirot nói xong, người khách ngồi bàn bên đứng dậy đi ra.

- Hần đi để chuẩn bị đấy - Poirot bình thản nói - Ta dùng cà phê ngoài sân thượng nhé? Như thế thú hơn. Tôi lên phòng lấy chiếc áo khoác.

Tôi ra sân thượng, lòng ngổn ngang trăm mối. Sự tự tin bề ngoài của Poirot không làm tôi an tâm. Tôi quyết định phải rất cảnh giác.

Năm phút sau Poirot trở lại, trang bị đầy đủ để chống rét, áo trùm cao lên tai. Anh ngồi cạnh tôi, nhấm nháp cà phê.

- Cà phê ở Anh là dở nhất - anh nhận xét - Ở đây, trên lục địa, người ta biết cách pha cà phê, điều đó rất cần vì cà phê giúp tiêu hóa tốt.

Bỗng nhiên người khách lúc nãy xuất hiện và không do dự, tiến thẳng về phía chúng tôi.

- Cho phép tôi được ngồi cùng bàn? - Hần hỏi bằng tiếng Anh.

- Tất nhiên rồi! - Poirot đáp.

Mặc dù chung quanh đông người, tôi thấy ngại ngại, lo nguy hiểm xảy ra.

Tên “Số Bốn” tự nhiên như không, nói chuyện về những chuyến tham quan, đi dạo. Không thể coi hần là cái gì khác hơn một khách du lịch.

Hắn rút ống điều từ trong túi và châm thuốc. Poirot cũng rút hộp thuốc lá. Anh vừa đưa điều thuốc lên miệng, người lạ đã xoẹt diêm, nghiêng về phía anh:

- Cho phép tôi châm lửa cho ông!

Hắn vừa nói xong, tắt cả đèn đóm đều tắt. Tôi thấy có gì gõ nhẹ vào đầu, cổ ngạt thở vì một mùi quái lạ...

18. Mê Cung Núi Đá

Tôi chỉ ngắt đi khoảng một hay hai phút. Lúc tỉnh lại, cảm thấy hai người mỗi người cầm một tay kéo tôi đi. Miệng bị nhét giẻ. Tôi đen kịt. Tôi hiểu mình bị lôi ngang qua khách sạn. Từ phía, những câu hỏi vang lên bằng đủ các thứ tiếng: mất điện, tai nạn? Lũ bắt người đưa tôi xuống mấy bậc thang rồi tiếp tục đi trong một hành lang ngầm dưới đất. Rồi qua một cái cửa, đi ra ngoài. Ít phút sau, tới một rừng thông.

Tôi nhận ra một người nữa cũng bị kéo như tôi và suy ra đó là Poirot, cũng là nạn nhân cú đánh úp vừa rồi.

Nhờ sự táo bạo, tên “Số Bốn” đã thắng: chắc hắn dùng một thuốc mê cực nhạy như là chlorua êthyl. Hắn đã bẻ ống thuốc ngay dưới mũi chúng tôi. Tiếp đó, nhờ đèn tắt, những tên tông phạm ngồi ở một bàn bên, đã xô tới bịt miệng và kéo chúng tôi đi không bị ai truy đuổi.

Thật khó mô tả cuộc hành trình. Chúng bắt chúng tôi trèo, trèo, trèo, cuối cùng tới một sườn núi, cạnh đó dựng đứng một khối đá hải hùng, quái đản. Hắn đây là “mê cung núi đá” mà Harvey đã nói.

Sau khi đã lôi chúng tôi đi qua những lối khúc khuỷu, bọn chúng dừng lại ở một khối đá khổng lồ đứng chắn lối. Một tên cúi xuống để đẩy vật gì. Rất yên lặng, khối đá xoay trên trục, để lộ một đường hầm nhỏ đi sâu vào núi. Chúng tôi bị đẩy vào đi theo một hành lang hẹp, càng đi càng rộng ra. Rồi tới một phòng rộng có ánh sáng điện. Chúng bỏ giẻ bịt miệng. Tên “Số Bốn” ra lệnh cho tay sai lục soát: các túi của chúng tôi bị moi móc hết cả đồ vật, kể cả khẩu súng lục nhỏ của Poirot. Tôi kinh hoàng nghĩ thể là hết phương tiện tự vệ; bọn chúng đông hơn chúng tôi rất nhiều. Mọi hy vọng tiêu tan, dấu chấm hết đã tới.

- Ông Hercule Poirot, xin hoan nghênh ông đã tới đại bản doanh của Bộ Tứ - Tên “Số Bốn” nói ngạo nghễ
- Vui mừng biết bao được gặp lại ông! Nhưng nói thật nhé, công phu sống lại mà đến thế này thì thật uống phí.

Poirot không thêm đáp. Tôi cũng không buồn ngược nhìn hắn.

- Xin mời vào - tên “Số Bốn” nói tiếp - Ông đến, làm các đồng nghiệp của tôi thật bất ngờ.

Qua một cửa nhỏ đục vào tường, chúng dẫn chúng tôi sang phòng bên cạnh. Ở đầu kê một bàn và bốn ghế. Một chiếc phủ gấm sang trọng, chưa có người ngồi. Trên ghế thứ hai, là Abe Ryland chêm chệch với điều xì gà luôn ở trên môi; ghế thứ ba là Olivier. Tên “Số Bốn” ngồi ghế thứ tư. Chúng tôi đứng trước Bộ Tứ Vĩ Đại. Dù Li Chang-yen vắng mặt, ghế hắn để trống, dù hắn ở xa, rất xa, tận Trung Quốc, bản lĩnh mạnh mẽ của hắn vẫn ngự trị trên cái tổ chức tội ác này.

Thấy chúng tôi, mục Olivier thốt lên một tiếng ngạc nhiên. Abe Ryland trầm tĩnh hơn, chỉ động đậy điều xì gà và ngược đôi lông mày điểm bạc.

Ryland thông thả nói:

- Thật vui được gặp ông, ông Poirot, chúng tôi cứ tưởng ông chôn chặt dưới đất rồi! Không sao! Giờ đây, màn kịch đã kết thúc.

Giọng hắn không hứa hẹn gì tốt lành.

Mục Olivier không nói gì, song đôi mắt và nụ cười của mục nói nhiều.

- Thưa quý bà và quý ông, tôi xin gửi lời chào - Poirot bình tĩnh.

Có cái gì bất ngờ, kỳ lạ trong giọng nói của anh làm tôi ngạc nhiên và phải quay lại nhìn; anh hoàn toàn bình tĩnh, tuy nhiên tôi vẫn thấy ở thái độ anh có gì thay đổi.

Tiếng váy áo sột soạt phía sau chúng tôi, và nữ bá tước Vera Rossakoff bước vào. “Số Bốn” reo lên:

- A! Đây là trợ tá quý báu và trung thành của chúng tôi. Thừa bà, một người bạn cũ của bà đang có mặt.

- Ô, là ngài thám tử nhỏ bé? Ông sống dai quá nhỉ! Khổ thân ông, ông dính vào chuyện này thật là dai.

Không hề bối rối vì sự xởi lởi của nữ bá tước, Poirot cúi chào, bình tĩnh đáp:

- Tôi ưa mạo hiểm. Chỗ nào có hiểm nguy là tôi bị hút vào.

Nghe giọng nói, nữ bá tước nhìn anh một cách nghi hoặc, và mỗi linh cảm của tôi lập tức trở thành khẳng định.

Người đứng bên tôi không phải là Hercule Poirot!

Hai người giống nhau một cách kỳ lạ: cũng đầu tròn như kẹo, bộ điệu cố làm ra khoan thai, người hơi mập. Duy giọng nói, đôi mắt là hơi khác; còn bộ ria, bộ ria nổi tiếng...

Nữ bá tước dứt tôi ra khỏi dòng suy nghĩ:

- Các người lại bị lừa một lần nữa! Người này không phải Hercule Poirot!

Tên “Số Bốn” thốt lên tiếng kêu, chưa tin. Nhưng nữ bá tước tiến đến Poirot, cầm ria mép giật phăng. Lần này sự thật đã rõ ràng!

Thật vậy môi trên của người này có sẹo nhỏ, làm nét mặt khác hẳn. “Số Bốn” lẩm bẩm:

- Không phải Hercule Poirot, vậy là ai?

- Tôi biết - tôi kêu lên, rồi dừng lại đột ngột, sợ rằng mình đã làm hỏng việc.

Chàng Poirot giả quay về phía tôi, khích lệ:

- Ông cứ nói, điều ấy chẳng thay đổi gì. Mưu mẹo đã hoàn thành.

- Đó là Achille Poirot - tôi nhấn từng lời - anh em sinh đôi của Hercule Poirot.

- Không thể thế - Ryland nói, vẫn nghi ngờ.

- Kế hoạch của anh tôi tỏ ra rất tuyệt vời - Achille không bối rối, nói.

Tên “Số Bốn” lại gần, dữ tợn:

- Người chắc thế không? Chớ quên là các người sắp chết đến nơi.

- Ô! Tôi sẵn sàng chờ - Achille nghiêm trang đáp - Ông thừa biết rằng con người có thể hy sinh vì chính nghĩa. Tôi sẽ cứu thế giới, dù phải trả giá bằng mạng sống.

Ryland cay độc:

- Người hy sinh mạng sống, thì cứu được gì cho thế giới?

- Rõ là ông chưa nắm được tầm rộng lớn kế hoạch của Hercule. Cho phép tôi báo ông biết là hang ổ của ông đã bị phát hiện từ nhiều tháng nay, và tất cả khách du lịch cùng nhân viên khách sạn đều là người của Sở Mật vụ! Đã thiết lập một hàng rào bao vây quả núi, và dù có nhiều lối thoát bí mật, các ông cũng bị tóm. Đích thân Poirot chỉ huy chiến dịch. Tối nay, trước khi xuống sân thượng thế chỗ anh tôi, tôi đã tẩm đề giầy bằng dầu hôi để chó săn đánh hơi theo dấu. Chúng sẽ tìm ra tảng đá ở lối vào Mê cung. Các ông muốn làm gì chúng tôi, thì mẻ lưới vẫn đang bủa chặt! Các người đừng hy vọng thoát.

Mụ Olivier cười gằn:

- Ông nhầm, chúng tôi có một cách thoát, đó là cách Samson đã dùng. Cùng lúc, chúng tôi tiêu diệt mọi kẻ thù. Các ngài nghĩ sao? - Mụ hỏi, quay về Ryland và “Số Bốn”.

Ryland chăm chăm nhìn Achille, lên tiếng khàn khàn:

- Nếu hắn đánh lừa ta?

Achille nhún vai:

- Một giờ nữa trời sáng, các ông dễ dàng kiểm tra những lời tôi nói. Lúc này, dấu tích tôi chắc chắn đã được theo sát.

Achille vừa nói hết câu thì có tiếng động lạ, một người chạy vào phát ra những lời khó hiểu. Ryland chồm lên bỏ ra. Mụ Olivier lùi vào cuối phòng, mở một cái cửa mà trước đó tôi không để ý; qua đó tôi thoáng nhìn thấy một phòng thí nghiệm trang bị hiện đại. “Số Bốn” cũng vội đứng dậy và đi ra. Hắn quay lại ngay, đưa cho nữ bá tước khẩu súng lục của Poirot.

- Ta không sợ chúng chạy thoát đâu - hắn nói vẻ hung dữ - nhưng muốn cẩn thận bà hãy giữ vũ khí này.

Rồi hắn lại biến.

Nữ bá tước nhìn chăm chú một lát vào người đồng hành của tôi, rồi phá lên cười:

- Ông gớm thật đấy, ông Achille Poirot - mụ giễu cợt

- Thưa bà, ta nói chuyện sòng phẳng. Họ để chúng ta ở lại với nhau thế này là một dịp may. Bà ra giá bao nhiêu?

- Tôi không hiểu ông nói gì?

- Bà biết các lối ra bí mật, bà giúp chúng tôi chạy thoát vì thế tôi hỏi bà đòi giá bao nhiêu.

Mụ lại phá lên cười lần nữa:

- Cao hơn sức ông có thể trả nhiều, hỡi chàng trai! Nhớ cho kỹ là cả kho vàng của thế giới không mua được tôi.

- Bà không hiểu tôi, tôi không nói tiền. Mỗi người chúng ta đều có giá trị nhất định, và tôi tự cho là có thể thực hiện được điều ước thâm kín nhất của bà, để đổi lấy tính mạng và tự do.

- Nói cách khác, ông tự cho là có phép phù thủy?

- Cũng được, nếu bà muốn.

Nữ bá tước không còn giọng giễu cợt nữa. Con mắt bỗng buồn man mác, mụ nói nhỏ:

- Các người điên!... Mong ước tha thiết nhất của ta ư? Người có trả được cho ta tuổi trẻ? Người có thể làm người chết sống lại?

Achille Poirot quan sát rất kỹ người đàn bà:

- Trong hai điều đó, bà ước điều gì nhất? Bà hãy chọn!

Mụ bật tiếng cười bất cần:

- Người sẽ có thuốc Trường sinh bán cho ta ư? Thôi đi! Giờ ta giao ước: ta có một đứa con, trả nó cho ta, và các người sẽ được tự do.

- Đồng ý! Tôi nhận lời, bà sẽ được gặp con. Tôi xin hứa... lời hứa của Hercule Poirot.

Người đàn bà kỳ lạ nọ lại cười rũ rượi, điên dại:

- Ông Poirot thân mến, sợ rằng ông lại mắc bẫy rồi. Ông có lòng tốt muốn tìm lại con trai tôi, nhưng tôi biết ông không bao giờ làm được.

- Thưa bà, trước Chúa, tôi thề sẽ tìm được con bà.

- Lúc đầu tôi hỏi ông có làm người chết sống lại được không?

- Vậy con bà đã...

- Phải, nó đã chết. Than ôi!

Achille tiến lên một bước, nắm cổ tay mụ:

- Thưa bà, tôi thề sẽ giữ lời hứa.

Nữ bá tước nhìn Achille như bị thôi miên.

- Bà không tin tôi, vì vậy tôi xin đưa ra bằng chứng; bà hãy tìm lại chiếc ví họ đã lấy của tôi.

Mụ rời phòng rồi trở lại ngay, một tay cầm ví, một tay cầm súng.

Tôi cảm thấy rõ trò lừa của Poirot khó thể thành công, nữ bá tước Vera Rossakoff không phải tay vừa.

- Bà mở ví ra, tìm ở ngăn trái. Đó... bà cầm lấy cái ảnh, nhìn xem.

Mụ rụt rè rút từ trong ví ra một tấm ảnh. Vừa thoáng nhìn, mụ kêu lên một tiếng và lao đến ông bạn.

- Đâu đâu?.. Nó ở đâu? Nói ngay!

- Bà hãy nhớ lời giao ước!

- Được, được, tôi tin ông, nhưng mau lên, kéo họ về.

Mụ cầm tay Poirot kéo đi rất nhanh và lặng lẽ, tôi chạy theo.

Chúng tôi được dẫn vào đường hầm lúc mới tới, rồi rẽ sang phải. Ở nhiều chỗ, đường hầm rẽ ra nhiều ngách, nhưng nữ bá tước thuộc đường, hướng dẫn không do dự, càng ngày càng đi nhanh hơn. Mụ hỗn hển:

- Mau kéo không kịp! Phải ra ngoài trước khi nổ tung.

Theo đường đi, tôi hiểu đang chạy ngang quả núi để ra tới sườn bên kia. Chúng tôi chạy, chạy, mồ hôi đầm đìa và chân tay rã rời.

Cuối cùng có ánh sáng le lói. Vài bước nữa, một nỗ lực cuối cùng nữa, và chúng tôi ra tới bên ngoài. Toàn khu núi tắm trong ánh hồng bình minh.

Vòng vây bên ngoài đã không nằm yên: vừa ra khỏi hầm, chúng tôi đã bị ba người ôm chặt. Nhưng họ kêu lên ngạc nhiên rồi thả chúng tôi ngay. Achille giục:

- Mau, mau, mau! Tất cả chạy mau! Không được phí một phút.

Anh chưa nói hết câu, đất đã rung chuyển dưới chân, chúng tôi cảm thấy bị nhấc bổng lên không. Một tiếng nổ kinh hoàng vang lên cả một vùng núi.

Khi tôi tỉnh dậy, người ngồi cạnh giường cúi xuống nhìn.

Đó là Achille Poirot... Achille hay Hercule?

-Tôi đây, anh Hastings! Tôi đây! Thằng em Achille của tôi đi rồi... nó đi vào xứ sở của huyền thoại, vì nó chỉ có trong tưởng tượng. Đâu chỉ có “Số Bốn” mới biết đóng kịch. Một chút beladon bôi lên mắt, hý sinh bộ ria mép, và một cái sọc thực mà hai tháng trước tôi phải chịu đau để gây ra - vì tôi không hòng chia sọc giả trước con mắt cú vọ của “Số Bốn”. Thêm vào đó là chính anh cũng tin là Achille Poirot có thật - thế là hoàn hảo. Anh đã giúp tôi một cách vô giá. Trong thành công của chúng ta, một nửa là nhờ anh! Khó khăn nhất là làm sao để chúng tin là Hercule Poirot ở bên ngoài, đang chỉ huy chiến dịch! Chỉ điều đó là ta nói dối, tất cả còn lại là sự thật: dùng dầu hôi làm dấu, tổ chức vòng vây bao quanh, vân vân, vân vân.

- Tại sao anh không cho một người khác đóng giả vai anh?

- Không lẽ anh muốn tôi đưa anh đến chỗ chết mà không đích thân theo sát anh từng bước? Anh đánh giá tôi sai quá. Vả lại, tôi luôn cảm thấy có thể thương lượng với nữ bá tước.

- Làm sao anh lại tin có thể thuyết phục được bà ta? Cũng không dễ gì...

- Nữ bá tước tinh hơn anh rất nhiều đấy. Mới đầu bà ta cũng bị lừa vì sự cải trang của tôi, nhưng sớm phát hiện được ngay. Cái lúc mà bà ta nói: “Ông gồm thật đấy, ông Achille Poirot”, tôi hiểu đã đến lúc ngã con chủ bài cuối cùng của mình ra...

- Nhưng rồi anh định ra sao về cái chuyện đứa con trai mất tích?

- Định đến cái chỗ tôi đã đến. Anh biết phương châm của tôi là “Luôn sẵn sàng!” Ngay khi biết nữ bá tước dính líu đến vụ Bốn Người, tôi đã tìm hiểu tiểu sử của bà, và biết bà ta có một đứa con bị bắt cóc. Bà

tưởng nó đã chết, nhưng không phải. Tôi đã tìm ra đứa con đó, chịu bỏ số tiền lớn để chuộc lại, giao nó cho những người tin cậy chăm giữ. Tôi chỉ còn việc chụp ảnh nó, và thế là đã sẵn sàng để lật ngược thế cờ.

- Poirot, anh thật kỳ diệu, tài ba!

- Tôi phải thú nhận là rất vui đã nắm cơ hội đó để thể hiện sự nể trọng với nữ bá tước Rossakoff. Nếu bà ta chết trong vụ nổ, tôi sẽ rất đau lòng.

- Thế còn số phận bọn Bốn Người ra sao?

- Mọi xác chết đều được nhận diện. Xác tên “Số Bốn” hầu như không nhận ra, đầu văng khỏi cổ. Tôi rất muốn xác định hắn là ai... cho chắc chắn... nhưng thôi kệ! Anh xem cái này - Poirot nói và đưa tôi tờ báo.

Báo đưa tin âm mưu phản loạn của Li Chang-yen thất bại thảm hại, và tên này đã tự tử. Poirot nghiêm nghị nói:

- Hắn là đối thủ chính của tôi. Tuy hai bên chưa từng gặp nhau, song đây là cuộc đấu giữa hai bộ óc đặc biệt. Khi hắn được tin ba đồng bọn đều chết, hắn đã chơi canh bạc cuối cùng được ăn cả, ngã về không, và đã thua. Tôi tiếc không biết “Số Bốn” là ai, vì nếu sau này... Ô không! Mình quá tưởng tượng, chứ chắc hắn đã chết thật. Anh Hastings, hai ta đã đương đầu và chiến thắng Bộ Tứ Vĩ Đại! Bây giờ anh hãy trở về với người vợ yêu quý! Còn tôi... tôi sẽ nghỉ hưu thực sự. Vụ án lớn của đời tôi đã kết thúc, nay bất cứ vụ nào khác đều trở thành nhạt nhẽo. Quyết định rồi, tôi về chăm sóc vườn tược thôi! Trừ khi... trừ khi tôi lấy vợ!

Và Poirot cười ngượng ngịu. Tôi có nhận xét là đàn ông thấp bé thường hay ưa những phụ nữ cao ráo, to lớn...

Nữ bá tước Rossakoff, dù đã được giải thoát khỏi ách bọn Bốn Người, vẫn cao hơn Poirot bốn xentimet.

HẾT

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/bo-tu>